EYMARD

An Mai Đỗ O.Cist.

NHÂN

CÁCH

ĐỜI

TU

2

2021

**NỘI DUNG**

[LỜI NGỎ 3](#_Toc57795261)

[DẪN NHẬP 4](#_Toc57795262)

[DANH 6](#_Toc57795263)

[Tên gọi 6](#_Toc57795264)

[Tính cách 7](#_Toc57795265)

[Ý nghĩa của việc chọn thánh bổn mạng khi mặc áo dòng 8](#_Toc57795266)

[Cái tên cũng là cái tôi 8](#_Toc57795267)

[Ảo tưởng sức mạnh 9](#_Toc57795268)

[Tự vệ và không tổn thương 10](#_Toc57795269)

[Danh tiếng 12](#_Toc57795270)

[Vô danh 13](#_Toc57795271)

[Hữu danh 14](#_Toc57795272)

[Tham danh 15](#_Toc57795273)

[Con quái thú quyền lực 16](#_Toc57795274)

[LỢI 18](#_Toc57795275)

[Giá trị thực của vật chất 19](#_Toc57795276)

[Nhu cầu hưởng thụ 22](#_Toc57795277)

[Lợi ích và thiện ích 22](#_Toc57795278)

[Nhu cầu tương giao 23](#_Toc57795279)

[Cảm thức thuộc về 24](#_Toc57795280)

[Khuynh hướng bị đồng hóa 25](#_Toc57795281)

[Nhu cầu được cứu độ 27](#_Toc57795282)

[Nhu cầu nên hoàn thiện hay nên thánh 31](#_Toc57795283)

[THÚ 34](#_Toc57795284)

[Tính dục 34](#_Toc57795285)

[Khoái lạc 35](#_Toc57795286)

[Sự thân mật 36](#_Toc57795287)

[Tự do hay lệ thuộc 38](#_Toc57795288)

[Tự do trong yêu thương 40](#_Toc57795289)

[Tự do và cô đơn 40](#_Toc57795290)

[Cô đơn và cộng đoàn 42](#_Toc57795291)

[NHỮNG CÁI BÓNG TRONG ĐỜI TU 43](#_Toc57795292)

[Cái bóng 43](#_Toc57795293)

[Những cách thức khai thác cái bóng 45](#_Toc57795294)

[Làm hòa với cái bóng của bạn 49](#_Toc57795295)

[CÁI BÓNG VÀ CHIỀU KÍCH TÂM LINH 50](#_Toc57795296)

[TỪ CÁI TÔI ĐẾN CÁI TA 52](#_Toc57795297)

[Từ phân hóa đến hội nhập 52](#_Toc57795298)

[Tiến trình hội nhập 54](#_Toc57795299)

[PHÁ VỠ VÀNH ĐAI BẢN NGÃ 65](#_Toc57795300)

[KẾT LUẬN 66](#_Toc57795301)

# LỜI NGỎ

Chân thành cảm ơn quí độc giả đã quan tâm, ủng hộ và tiếp nhận tập sách NHÂN CÁCH ĐỜI TU 1. Cùng với những đóng góp về nhiều phương diện đến từ mọi người, có thể nói đó là hành trang quí báu trong sự nghiệp cầm bút của tác giả. Đồng thời, chúng là động lực giúp người viết tiếp tục suy tư về chủ đề này cũng chính là thực tại mà bản thân đang đối diện và đang sống. Thế nên, bàn bạc trong các tác phẩm này cũng là những khắc khoải và thao thức mà người viết muốn mượn những trang sách để thổ lộ tâm tình, biết đâu đó, cũng nhận được sự đồng cảm từ độc giả. Ý thức được điều này, người viết xin giới thiệu bản thảo tiếp theo với nhan đề NHÂN CÁCH ĐỜI TU 2. Với tác phẩm trước, người viết đã có dịp giới thiệu sơ bộ về những góc nhìn hiện sinh trong đời tu và kết thúc bằng việc giới thiệu những nhân cách điển hình như hướng gợi mở cho độc giả về những nhân vật đã bước theo Đức Kitô và đã thành toàn ơn gọi của mình trong sự thánh thiện. Trong tập sách này, người viết cũng khai thác từ những chủ đề trước nhưng đi sâu hơn và lồng vào bối cảnh cụ thể trong đời sống cộng đoàn. Đồng thời, người viết cũng khai thác một vài vấn đề mới; đúng hơn, đó chỉ là vấn đề cũ nhưng chưa được ai khai thác dưới góc độ đời tu.

Với bộ sách mô phạm viết về hành trình huấn luyện đời sống thánh hiến của cha Amedeo Cencini và một loạt những sách viết về đời tu đang có trên thị trường, là những tác phẩm đáng được các nhà đào tạo và các thụ huấn sinh có thể tham khảo và áp dụng trong đời sống cụ thể. Ở đây, tập sách này chỉ như một cá nhân đưa ra góc nhìn chủ quan về những gì đã tiếp nhận, suy tư và đối chiếu với đời sống thực tế trong cộng đoàn từ những gì mà các tác phẩm trên gợi ý. Nói cách khác, những tập sách NHÂN CÁCH ĐỜI TU này là những gợi ý mang tính thực hành trong việc *tự đào tạo* và *tự siêu việt*. Vì bản thân ý thức rằng, cho dù các nhà đào tạo có tiếp cận và áp dụng những phương pháp hiện đại mà ứng sinh không nỗ lực xây dựng đời mình với ơn Chúa thì sẽ không đạt được bước tiến đáng kể nào.

Tưởng cũng cần nói đến ở đây, vì một số người quá đề cao chương trình đào tạo theo từng lớp và hàng loạt, nên đôi khi đánh mất tính độc đáo và duy nhất của mỗi ứng sinh. Thiết nghĩ, chỉ có mình thấu hiểu chính mình và qua việc khám phá bản thân, hy vọng mỗi ứng sinh sẽ tìm ra một hướng đi, và nhờ ơn Chúa, họ sẽ đạt đến đích là chính Đức Kitô. Thật vậy, chúng ta cần phân biệt một người đã trải qua tiến trình đạo tạo và người tiếp nhận một hành trình tâm linh; vì có những tâm hồn được Chúa dẫn dắt tiến xa trên con đường tu đức mà có thể còn đang trong tiến trình đào tạo. Chúng ta có thể ghi nhận đời sống của thánh Têrêsa HĐGS, với 9 năm sống trong nhà dòng, có thể chưa qua một chương trình đào tạo chuyên sâu như triết học và thần học cách bài bản nào, thế mà đã đảm nhận nhiệm vụ thật nhiêu khê là hướng dẫn đường thiêng liêng cho các tâm hồn. Quả thật, thánh nữ chỉ học tại ngôi trường tình yêu Ba Ngôi Thiên Chúa: Chúa Cha giáo dục, Chúa Con huấn luyện và cùng với sự đồng hành của Chúa Thánh Thần[[1]](#footnote-1) mà ngài được phong là Tiến sĩ Hội Thánh, và chỉ sống trong bốn bức tường nhà dòng mà lại là thánh bổn mạng các xứ truyền giáo. Chắc hẳn, đó chỉ là công trình của Thiên Chúa. Chính sự ngoan ngoãn buông theo ân sủng mà thánh nữ đáng được người mọi thời học đòi noi theo. Bởi vậy, không thể khẳng định bất cứ ai đã trải qua tiến trình đào tạo đều là những nhân cách trưởng thành. Thật ra, đây chỉ là phương tiện, còn trưởng thành tâm linh mới là đích đến. Chỉ những ai bước theo Đức Kitô và mặc lấy tâm tình của Người mới đạt đến nhân cách đời tu đích thực.

Với chút kiến thức về tâm lý học và những kinh nghiệm trong việc đồng hành với một số đối tượng, người viết cố gắng “giải mã” những ý tưởng sâu sắc mà những tác giả bậc thầy đưa ra để đem lại cho độc giả những suy tư hợp với tâm thức của người Việt. Có thể nói, đây là cuộc phiêu lưu trong miền chữ nghĩa, nhờ ơn Thánh Thần soi sáng, hy vọng chúng sẽ được sống động và được chính mỗi độc giả chứng nghiệm trong chính bản thân mình.

# DẪN NHẬP

Hơn bao giờ hết, con người thời đại không ngừng ra sức đề cao đời sống nhân bản, đặc biệt qua việc phát hành một khối sách đồ sộ về kỹ năng sống. Người ta đề cao những mẫu người đã thành công trong nhiều lãnh vực và lấy họ làm mẫu mực cho những nỗ lực vượt lên bản thân hầu gợi hứng cho giới trẻ chạy theo những kỹ năng và nghệ thuật làm giàu mà đôi khi lại quên hướng dẫn cho những bạn trẻ mới bước chân vào đời một hành trang giúp sống có ý nghĩa hơn. Và nếu có cũng chỉ là những chiêu trò thuyết phục nhân tâm để rồi giành quyền điều khiển người khác trong các tổ chức lớn nhỏ. Đứng trước một kế hoạch dài hơi mà các tác giả đề nghị, những người có khát khao cháy bỏng không biết khởi đầu từ đâu; ngoài việc hy sinh mọi thời gian lao đầu vào việc kiếm thật nhiều tiền và rồi không còn giờ để sống những giá trị tinh thần cao quý như tình gia đình, nghĩa làng xóm. Bởi vì đối với đa số bạn trẻ, thành công của họ là kiếm được nhiều tiền và chiếm được một vị trí trọng vọng nào đó trong bậc thang mà xã hội đề cao. Hiểu được tâm thức của con người thời đại, thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã phát biểu một câu nói rất chí lý giúp định hướng cho mọi người và giới trẻ nói riêng: “*Thành công lớn nhất đời người là nên thánh”.*

Có thể nói, đây là một cú nhảy vọt mà thánh nhân đã gợi ý cho mọi người từ lãnh vực nhân bản sang tâm linh. Quả thật, nếu có một góc nhìn đánh giá thành công trên lãnh vực nhân bản như trưởng thành và sống hài hòa với mọi tương giao thì ngài đã mở ra một hướng nhìn mới rằng ở góc độ tâm linh và tôn giáo, con người phải đạt đến đích của thành công là nên thánh. Như thế, thành công ở cấp độ nhân bản không là điểm đến mà nó chỉ là “bước đệm” bắt buộc để từ đó đẩy đến đỉnh điểm là nên thánh. Mà nói như ngôn ngữ thời đại: *nên người rồi nên thánh.*

Xét riêng trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, các bạn trẻ đã trải qua mười mấy năm được nhạo nặn và hun đúc dưới mái trường xã hội chủ nghĩa cùng chứng kiến bao tệ nạn xã hội tràn lan, chắc hẳn, nhân cách ấy cần phải được mở ra cho những tầm nhìn mang tính quốc tế nhờ những phương tiện hiện đại như hiện nay.

Và rồi, trong số đó có những bạn trẻ bước vào đời tu với những qui định chặt chẽ khiến có người đã thốt lên: *tu với tù một vần.* Hình tượng hay nhân cách mà một xã hội đề nghị khác xa, nếu không muốn nói là trái ngược với những giá trị của đời tu. Họ cảm thấy bị choáng ngợp bởi những qui định khắt khe về thời giờ, lịch sinh hoạt, những giờ kinh, việc đạo đức…Dần dà, họ cũng đã làm quen và bắt nhịp được với một cộng đoàn dòng tu hay sinh hoạt của một chủng viện. Nếu ơn gọi sống đời thánh hiến được định hình nhờ động lực đi tìm Chúa và những giá trị Tin Mừng thì họ sẽ dễ dàng vượt qua những khó khăn và thử thách ban đầu của đời tu. Còn nếu họ vào môi trường này vì một động lực khác có thể không lành mạnh hoặc chỉ là thứ yếu, họ cần được hướng dẫn để thanh luyện nguyên động ấy nếu không môi trường ấy từ đào thải họ. Khi ấy, được thoát ra ngoài như thể được trả tự do khỏi tù giam vậy. Bởi đó, đây là một câu trả lời gián tiếp cho những ai bảo đời tu là sung sướng hay dễ dàng. Cần khẳng định ngay rằng: Ngay từ đầu, Thiên Chúa đã định cho mỗi người một ơn gọi và tất nhiên, Đấng Toàn Tri và Toàn Năng sẽ ban đủ ơn giúp họ sống trọn vẹn ơn gọi đó mà chúng ta gọi là sống hoàn thiện hay nên thánh.

Để làm rõ động cơ của ơn gọi, chúng ta ghi nhận một giai thoại liên quan đến thánh Têrêsa thành Calcutta, rằng một thiếu nữ trẻ đến xin Mẹ vào tu cùng với chị em trong dòng để được phục vụ người cùng khốn. Sau một thời gian, nữ ứng sinh ấy cảm thấy đuối và muốn xin Mẹ được rút lui. Mẹ nói: *Hãy khám phá và phục vụ Chúa Giêsu trong người nghèo, con sẽ giữ được ơn gọi.* Quả thật, sau đó chị đã trở thành một thành viên thực thụ tại cộng đoàn của thánh nữ. Điều chúng ta có thể rút ra kinh nghiệm từ giai thoại này là vào sống trong nhà dòng không phải là gì khác ngoài việc tìm Chúa và những sứ vụ hay việc phục vụ là thứ yếu và đến sau để bổ sung và làm tăng trưởng ơn gọi đó. Thật vậy, chỉ khi chứng nghiệm Chúa trong tâm hồn, các tu sĩ mới dễ dàng dấn thân và nhận ra sự hiện diện của Ngài trong mọi sự.

Tuy nhiên, để có thể thanh luyện những động lực ấy, mỗi tu sĩ cần tái khám phá ba khuynh hướng trong con người là Danh, Lợi và Thú. Vì thế, trong tác phẩm tiếp theo này, người viết sẽ đào sâu hơn về ba chủ đề này trong nhịp sống cộng đoàn. Có thể nói, đây là những mảng màu góp phần tạo nên bức tranh tổng thể là nhân cách toàn diện của một người sống đời thánh hiến. Trong một xã hội cạnh tranh khốc liệt, người ta có thể đẩy mạnh những khuynh hướng này như thể là cách thể hiện bản thân, còn các tu sĩ lại dùng các lời khấn hóa giải cho những khuynh hướng này. Cụ thể, lời khấn vâng phục sẽ thăng hoa khuynh hướng tìm danh vọng của con người, lời khấn khó nghèo sẽ giải mã cho khuynh hướng tìm lợi lộc trần gian và lời khấn khiết tịnh sẽ làm dịu khuynh hướng tìm lạc thú chóng qua. Những điều này đã được tác phẩm trước[[2]](#footnote-2) tìm cách tiếp cận và giải thích; dù sao chỉ mang tính gợi ý, vì như đã nói: mỗi con người là một mầu nhiệm và ơn gọi sống đời thánh hiến cũng là một huyền nhiệm đến từ Thiên Chúa. Như thế, chúng ta cần trải nghiệm chứ không phải bàn luận thuần dựa trên chữ viết. Những nguyên tắc được nêu lên trong tác phẩm trước cũng như tập sách mọn này chỉ mang tính tham khảo.

Để bổ sung và làm phong phú hóa tiến trình tâm linh của mỗi tu sĩ, người viết sẽ đề cập và quảng diễn một vấn đề mới theo quan điểm của nhà tâm lý học C. Jung. Thật ra, vấn đề này không mới mẻ gì vì đã được học hỏi và nghiên cứu trong môn học về Nhân cách tại các học viện Công giáo, chỉ có điều là ít thấy tác giả nào bàn đến khi liên hệ trong đời sống thường ngày và đặc biệt là đời tu. Ý thức về giới hạn bản thân, người viết chỉ xin đề cập như những gợi ý, và những dẫn chứng được nêu ra ở đây cũng chỉ là kinh nghiệm nơi các thánh mà bản thân đã phần nào “chứng nghiệm”. Hy vọng mục Những cái bóng trong đời tu sẽ phần nào giúp mỗi tu sĩ nhận ra những mặt yếu cũng như mặt mạnh nơi chính mình hầu tìm cách khắc phục và phát huy, nhờ đó đạt đến mức viên mãn trong Đức Kitô theo cách nói của thánh Phaolô.

Chiều kích “viên mãn trong Đức Kitô”, ở đây, là việc hoàn tất tiến trình nên thánh mà cụ thể trong các tập sách bàn về đời tu này là tiến trình của mỗi tu sĩ sống *định hướng* và *định hình* trong nhân cách đời tu đích thực. Có thể nói, đây là mục tiêu mà những tập sách viết về đời tu nhắm đến. Chắc hẳn, một tập sách mọn này không có tham vọng đề ra một tiến trình nên thánh, vì theo Đức Bênêdictô XVI mỗi người là một con đường, mỗi người có một linh đạo hướng dẫn và nhờ sự soi sáng của Chúa, họ sẽ đạt đến ơn cứu độ. Và như thế, mỗi tu sĩ có một góc nhìn và định hướng riêng. Ước mong tác phẩm này ví như những tia sáng yếu ớt nơi đường hầm tăm tối trần gian, lóe lên trong ký ức bạn đọc một chút phản ánh mờ nhạt về một con đường “vô định” mà mỗi tu sĩ nhờ ơn Chúa, sẽ tiến bước trung kiên trong ánh sáng của ngày cứu độ.

# DANH

Danh cũng có thể được hiểu là tên của mỗi chúng ta mà từ đời đời đã được Thiên Chúa nhắc đến trong Trí Năng vô lượng của Ngài, đồng thời, chúng gắn liền với một sứ vụ cụ thể nào đó. Đây có thể là cơ hội giúp mỗi tu sĩ khám phá ra ý muốn của Thiên Chúa trong cuộc đời chúng ta.

## Tên gọi

Trước tiên, danh được hiểu là tên một người. Đôi khi trong tương giao, chúng ta ít chú trọng mà phớt lờ không quan tâm đến tên của người khác, vô tình chúng ta xem họ như một người vô danh tiểu tốt, và kết cục là họ cũng chóng quên ta. Có thể nói, tên gọi là tiếng thân thương nhất mà bất cứ ai cũng muốn được người khác kêu lên. Chỉ cần được nêu tên giữa đám đông không biết vì bất cứ lý do gì, chúng cũng tạo một sự tập trung rất lớn từ người ấy. Và nếu tên ấy được xướng lên vì một điều tốt đẹp thì niềm hãnh diện càng lớn, vì quả thật, không ai muốn mất hút giữa đám đông (có chăng là những người mặc cảm). Không những thế, khi bạn kêu tên hoặc nhắc đến tên một ai đó trước mặt một người thứ ba thì bạn đã muốn nói đến mức ảnh hưởng của người đó đối với bạn, và từ đó, bạn đã cho họ một không gian trong sâu thẳm lòng mình. Rồi người ấy bước vào đời tu với một tên gọi riêng biệt và với những tài năng và nén bạc Chúa trao cùng một khao khát tìm Chúa và dấn thân triệt để hầu xây dựng cộng đoàn.

Thế nhưng vì cộng đoàn đông và tiến trình đào tạo hàng loạt, thiếu sự quan tâm đầy đủ từ các nhà huấn luyện, từ đó, họ có thể trở thành một người bị bỏ rơi, lạc lõng. Trong khi đó họ cần một sự tiếp xúc cá nhân và cụ thể mà chỉ nhận được những lệnh truyền vô hồn, kết cục thật bi đát: nhuệ khí dấn thân từ ban đầu giảm dần theo thời gian mà nguyên cớ chỉ vì không được quan tâm một cách cá vị, không được sống đúng với cái tên cha mẹ đặt cho.

Cũng có thể ghi nhận là do họ đã không có một biểu hiện rõ ràng tính cách: cứ làng nhàng, đại khái, thế nên chẳng có gì nổi bật đáng quan tâm. Đến đây, chúng ta nhận ra một thực tế rằng tên gọi chưa đủ mà còn phải đi kèm với một tính cách định hình rõ nét.

## Tính cách

Tính cách ấy đã được định hình bao năm dưới mái trường và giáo dục của gia đình nhưng dù sao khi bước vào đời tu, chúng bị mang một cái nhãn là “tính cách bố đời”. Bao nhiêu năm hình thành nên tính cách ấy, nay bước vào đời tu, các tu sĩ lâu năm lại đòi hỏi đương sự thay đổi một sớm một chiều thì quả là một điều hết sức vô lý, thế mà sự thật vẫn xảy ra. Chúng ta cần nhìn nhận rằng những thói quen “bố đời” được hình thành bao năm dưới mái trường Xã hội Chủ nghĩa cần được điều chỉnh với thời gian và dần định hướng theo những đòi hỏi của đời tu nói chung và theo một linh đạo nào đó nói riêng.

Quan sát thấy đương sự có một sự thay đổi tích cực, nhà đào tạo nhận định ngay: anh này có chí tu. Nhưng đôi khi họ bị hình thức đánh lừa giác quan mà có những kết luận vội vàng. Đương sự có sự thay đổi về mặt hành vi điều này đáng ghi nhận nhưng chỉ nhất thời và không bền vững vì chúng thích ứng theo hoàn cảnh như tắc kè vậy ! Thế nhưng không phải vì thế mà ta lại kết luận rằng đương sự giả dối. Sự giả dối cần được hiểu là hình thức không phù hợp và tương đồng với nội dung, ở đây chỉ hình thức là bắt mắt mà nội dung thì chính đương sự còn đang trên đường tu tập. Lại nữa, không phải ai cũng có khả năng thích ứng tốt theo nghĩa là biết áp dụng và liên hệ những gì đã tiếp nhận từ môi trường đời tu mà đem vào đời sống cá nhân cụ thể. Cần phải có một quá trình tiếp cận vấn đề, “tiêu hóa” rồi mới biến hóa và tiến hóa được. Điều này đòi buộc các nhà đạo tạo phải kiên nhẫn và đồng hành cách tích cực và năng động hầu mang lại những hiệu quả trong tương lai. Cũng cần phải kể đến yếu tố môi trường đào tạo, nghĩa là mọi thành viên trong cộng đoàn.

Cũng có những thành phần có khả năng diễn xuất tốt, họ diễn “sâu và lâu” đến mức có thể vượt qua một chặng dài trong tiến trình đào tạo, nhưng rồi một khi đuối sức, họ buông xuôi, và khi ấy, mặt nạ bị rơi xuống, họ hiện nguyên hình. Vì không chịu được cái nhìn nghi kỵ của anh em, họ quay về chính mình và sống với những mặc cảm nào đó. Với mẫu người này, nếu nỗ lực chiến đấu vượt qua chính mình, họ có thể trở thành những con người khiêm tốn trong việc phục vụ qua từng bước tiến của cộng đoàn. Bằng không, họ sẽ đi kiếm một môi trường khác “hoàn hảo” hơn mà quên trở về với những ngổn ngang của lòng mình. Đây là cách xử trí của người thiên về hướng ngoại. Một khi họ nhủ rằng tôi sẽ tốt hơn khi sống trong một môi trường tốt hơn thì vô hình trung, họ lại tiếp tục một bài diễn mới với một khung cảnh mới và khán giả mới, rồi sau đó, họ lại vướng phải vết xe đổ của môi trường cũ. Những người này cần có một vị linh hướng để đồng hành hay một người bạn thân giúp họ nhận ra thực trạng của mình mà có một bước đột phá mới trong Thần Khí.

Nếu tính cách của một người tùy thuộc phần lớn nơi môi trường thì mọi thành viên trong cộng đoàn đều có một phần ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực nào đó trên các ứng sinh. Tuy nhiên, với những người có ý chí mạnh và có một “lập trường” rõ ràng thì dù bầu khí của môi trường có “ô nhiễm”, họ vẫn vượt qua mà sớm định hình tính cách. Họ ví như những đọt sen hút dưỡng chất từ trong đám bùn lầy mà nở hoa tươi tốt. Có thế, họ dễ dàng nổi bật trong đám đông và được giao những sứ vụ hợp thời hợp việc hầu xây dựng cộng đoàn trong nén bạc Chúa trao. Tuy nhiên, đương sự cần ý thức rằng những sứ vụ được trao chỉ là phương thế giúp họ sống trọn vẹn ơn gọi của mình cho đến khi đạt đến một mức độ nhân cách đời tu cần thiết.

## Ý nghĩa của việc chọn thánh bổn mạng khi mặc áo dòng

Nơi một số dòng, việc chọn thánh bổn mạng mới khi mặc áo dòng là một thói lệ trong truyền thống tốt lành nhưng bất hành văn mà chúng ta cần ghi nhận. Ngoài việc, đương sự chọn vị thánh này để nêu gương bắt chước một vài nét nổi bật nào đó mà giúp bản thân sống tốt hơn trong đời tu, và vị thánh này sẽ đồng hành với đương sự trong suốt tiến trình nỗ lực nên thánh. Đồng thời, qua vị thánh ấy, cộng đoàn sẽ được mời gọi sống cụ thể hơn nữa mầu nhiệm các thánh cùng thông công với xác tín rằng ngài sẽ phù trợ cho cộng đoàn ngày một thăng tiến như lòng Chúa ước mong.

Để có hướng nhìn sâu xa hơn trong việc đổi tên này, chúng ta có thể tìm soi dẫn nơi vài đoạn Kinh Thánh. Trước tiên, chúng ta có thể phân tích hành trình đức tin của tổ phụ Apraham. Như việc tổ phụ đã được Chúa kêu gọi để ra đi, các ứng sinh cũng chấp nhận đi vào con đường Chúa muốn mà không hề biết chuyện gì sẽ xảy ra. Sau một thời gian, Thiên Chúa đã ký kết với ông và đặt tên mới cho ông mà theo các nhà chủ giải: từ khi đó, Thiên Chúa toàn quyền làm chủ vận mệnh đời ông (x. St 17,5). Cũng trong mạch giải thích này, một khi ứng sinh được bề trên xướng tên mới khi mặc áo dòng, đương sự sẽ không còn chủ quyền trên chính mình nữa mà chính Chúa bảo trợ ngang qua cộng đoàn. Hoặc trong trình thuật cuộc vật lộn giữa Giacop và Thiên Chúa, sau khi đánh thắng Thiên Chúa, Ngài đã chúc phúc và đổi tên cho ông là Israel (x St 32,29). Chúng ta có thể mượn đoạn Lời Chúa này để giải thích về cuộc đụng chạm cách nào đó giữa ứng sinh và Thiên Chúa, cuối cùng, đương sự đã được gọi bằng tên mới. Có thể nói, đây là một cuộc lột xác từ một y phục “bố đời” và được khoác vào tu phục của hội dòng, từ một con người cũ chịu chết đi để mặc lấy con người mới trong Ánh Sáng của Đức Kitô. Nói cách khác, họ trở thành ánh sáng của Đức Kitô và chiếu tỏa ánh sáng ấy cho trần gian bằng chính đời sống của mình. Hay trong Tân Ước thuật lại cuộc gặp gỡ giữa Chúa Giêsu và thánh Phêrô (Ga 1, 42). Thánh nhân cũng được đổi tên và bắt đầu bước vào một cuộc đi theo Chúa. Cũng vậy, mỗi tu sinh sau khi đã chọn tên mới và khoác vào mình chiếc áo dòng, họ bắt đầu một cuộc đi theo Chúa với linh đạo của dòng.

Ở đây, chúng ta cũng có thể đặt vấn đề: những trình thuật trên đều do Chúa chủ động đặt tên còn trong bối cảnh dòng tu thì ứng sinh tự chọn[[3]](#footnote-3) một tên mới ? Việc Chúa trực tiếp đặt tên hay đương sự chủ động chọn tên mới cho mình không quan trọng mà vấn đề hệ tại việc thay đổi từ bên ngoài (bộ áo dòng) đến cuộc biến đổi nội tâm là việc nhắc nhở cho đương sự về tình yêu mà họ đã nhận lãnh từ Chúa qua cộng đoàn trong ơn gọi mà bản thân đã nhận ra và quảng đại đáp lời mời gọi của Người. Có thể nói, từ đây đương sự đã thực sự trở thành một dụng cụ hữu hiệu Chúa dùng để làm vinh danh Người trong cách thức Người muốn.

## Cái tên cũng là cái tôi

Khi bề trên xướng tên bạn trong nhà nguyện, bạn liền thưa: Dạ, con đây. Thật ra, cái tên của bạn cũng có thể trùng lập với người nào đó, nhưng bản thân bạn chiếm một vị thế nhất định trong xã hội, Giáo hội và trong chính cộng đoàn của bạn. Bạn độc đáo và duy nhất không có sự thay thế không chỉ dưới cái nhìn của người đời, song, bạn còn được trân trọng trước mặt Chúa. Chỉ có Ngài mới biết tất cả về bạn và mới khả dĩ yêu bạn như *bạn là.*Từ đó, bạn cần ý thức rằng Chúa có một chương trình cho bạn. Chúa đã định cho bạn một ơn gọi từ đời đời và những nén bạc Ngài ban cũng giúp bạn sống trọn vẹn ơn gọi đó. Điều quan trọng là bạn cần khám phá ra ý muốn của Ngài trong cuộc đời bạn. Cho dù bạn có đi lạc xa và sa lầy đến mức nào, tiếng thôi thúc bên trong sẽ giúp bạn qui phục ý muốn của Ngài. Chắc hẳn, không phải vì yêu sách của Ngài nhưng là vì hạnh phúc cho cuộc đời bạn.

Bạn bước vào đời tu với một cái tôi đã được đào luyện, nhào nặn và hun đúc trong một xã hội đề cao duy vật, và nhân cách ấy được định hình trong một môi trường ô nhiễm với biết bao tệ nạn xã hội. Trong khi đó, cộng đoàn dòng tu đón nhận bạn với tất cả thiện chí của tâm hồn khát khao tìm kiếm Chúa. Với nếp sống kỷ luật và khuôn phép, bạn được tự do buông mình sống trong sự bao bọc của mọi người. Nhưng bạn không ngừng phải đối diện một cuộc chiến đấu nội tâm: giữa một bên là những qui định nghiêm nhặt của một dòng tu và bên kia là bản năng sa đọa của chính mình, cộng thêm với những xu hướng xã hội đang bị bao phủ bởi một đám mây vô thần. Hai khoảng cách này càng xa, cuộc chiến này càng quyết liệt; từ đó, phát sinh hai thái độ căn bản: *trực diện* và *chạy trốn.*

Nếu ai đó thuộc mẫu người hướng ngoại và cầu tiến, thích phiêu lưu và đi tiên phong trong mọi tình huống, họ sẽ dễ dàng đương đầu và trực diện vấn đề. Nhờ khả năng tiếp cận và thích ứng vấn đề bén nhạy, họ dần dà chinh phục những bước tiến đáng kể. Nhờ tâm thế sẵn sàng và không ngại thất bại, họ ngày càng rút ngắn khoảng cách giữa cái bản năng vốn chuộng sự dễ dãi và lý tưởng của đời tu. Có thể họ vẫn trải qua thất bại nhưng đó là cơ hội giúp họ khiêm tốn hơn và bám vào ơn Chúa. Cũng có thể, đây là môi trường giúp rèn luyện ý chí thép, đương nhiên không phải khó khăn và thử thách khiến họ trở nên chai đá và vô cảm mà là dịp giúp bản thân trân trọng những gì mình đang cố gắng và nỗ lực dấn thân vì biết rằng cái giá trả càng đắt thì phần thưởng càng siêu nhiên.

Hoặc nếu một người thuộc mẫu hướng nội và sống an phận thủ thường, thích đơn giản và chuộng sự an toàn, họ sẽ chọn cách chạy trốn; chỉ có điều là chính đương sự không nhận ra thái độ đó của mình vì tâm thức đã giải thích theo lối ngụy biện cách nào đó. Trên lý tưởng, bất cứ ai gia nhập cộng đoàn dòng tu đều muốn dấn thân cách quyết liệt và triệt để hầu hoàn thiện bản thân và giúp thăng tiến cộng đoàn. Nhưng trên thực tế, họ không dám hành động chỉ vì sợ thất bại, hoặc có thể vì tránh cái nhìn và đánh giá của người khác. Họ chấp nhận mức trung bình và lấy đó làm hãnh diện khi ảo tưởng rằng đó là cách bản thân hài hòa với nhịp sống cộng đoàn; không nổi bật lắm cũng chẳng đến nỗi tệ. Vô tình, họ cản bước tiến của người khác và làm trì trệ nhịp sống của cộng đoàn. Mặc dù, thực tế việc chạy trốn là điều không ai muốn, nhưng những người này mặc cho nó một bộ mặt mới để giảm nhẹ những đòi hỏi từ phía cộng đoàn: đại khái là “cố lắm cũng mắm với cà, có tà tà cũng ăn cà với mắm…” Và cứ thế, họ tự cảm giác đủ cho chính mình. Có thể nói, đây là một nguy hiểm trong hành trình tâm linh khi Giáo phụ Origen đã nói: nguy hiểm và cạm bẫy lớn nhất trong đời sống tâm linh là tự thấy mình đủ.

Tất nhiên, các nhà tâm lý học còn phân biệt nhiều mẫu người khác nhau, thế nên, mỗi mẫu người, mỗi cá tính khác nhau làm nên tính phong phú và độc đáo của từng nhân vị. Ở tập sách này, chúng ta chỉ đưa vài dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề. Điều quan trọng là mỗi người cần khám phá bản thân cho biết mình thuộc mẫu người nào, cá tính nào…rồi từ đó, nhận ra thái độ *trực diện* hay *chạy trốn* đang ẩn nấp dưới lớp bọc cái tôi của chính mình.

## Ảo tưởng sức mạnh

Như chúng ta đã biết, khi lãnh nhận Bí tích Rửa Tội, mỗi người được Giáo hội mời gọi sống vai trò *vương đế*, và nếu hiểu việc tuyên khấn các lời khuyên Phúc Âm, là tu sĩ một lần nữa được chịu Phép Rửa thì chúng ta càng xác tín hơn sứ mạng *cai quản* trong Giáo hội. Xét trên bình diện cá nhân, mỗi tu sĩ cần học biết cách kiểm soát cảm xúc và tập làm chủ bản thân, có thế, với thời gian sống trong cộng đoàn, mỗi thành viên sẽ trưởng thành hơn trong sứ vụ được giao phó và lãnh trách nhiệm trong phạm vi hoạt động của mình. Có thể nói, ý thức được sứ mạng này sẽ là điều kiện thuận lợi giúp nhân cách đời tu thêm vững chãi và định hình trong Đức Kitô. Còn xét trên chiều kích cộng đoàn, việc các tu sĩ được bề trên trao phó một công tác bao gồm nhiều nhân sự thì việc điều hành đòi hỏi người lãnh đạo có một uy thế nhất định và những chuyên môn liên quan đến sứ vụ để giúp cho cộng đoàn thăng tiến và mọi tương giao được thuận hòa.

Thế nhưng các tu sĩ dễ bị cám dỗ lạm quyền mà đôi khi “hành” anh em như thể bản thân có quyền sinh tử, đây là một hình thức *ảo tưởng sức mạnh*. Thay vì dùng quyền lực để tạo uy thế trong hành động và giúp quy tụ mọi người hầu tìm ra ý hướng chung như ý muốn của Chúa, rồi giúp mọi thành phần tiếp cận thực tế, định hướng và lên kế hoạch thực hiện, thì người lãnh đạo lại độc quyền “bao sân” như thể đấng toàn năng và ra lệnh cho bề dưới mà không cần đối thoại thì sẽ tạo ra một bầu khí ngột ngạt trong cộng đoàn hơn là giúp nuôi dưỡng tinh thần chung. Khi tính áp đặt càng mạnh thì trách nhiệm sẽ qui trách hoàn toàn cho người ra lệnh, điều này sẽ dẫn đến sự thiếu ý thức trách nhiệm nơi mỗi người và công việc sẽ thiếu tính linh động và sáng tạo, như thế, công việc có thể đạt được mức hiệu năng nào đó nhưng tính hợp tác nơi các thành viên trở thành một hình thức công chức: *xong việc là phủi tay.* Như thế, tình trạng ảo tưởng sức mạnh nơi người trên chỉ tạo ra sản phẩm là thứ ổn định và bình an bên ngoài. Điều này cũng có thể áp dụng cho những người đứng đầu các nhóm và cho từng cá nhân khi chấp nhận tính kỷ luật của cộng đoàn.

Thật ra, ảo tưởng này chỉ là phần ngọn, còn gốc rễ nguy hiểm hơn nhiều mà Ông bà Nguyên tổ truyền lại, đó là *tính kiêu ngạo*. Quả thật, khi tự đặt mình làm trung tâm, rằng không có mình thì mọi chuyện đều đổ bể và có mình mọi thứ được đổi mới, thì người khác chỉ là phương tiện giúp hoàn thành kế hoạch cá nhân - được mặc một bộ mặt xây dựng nhà Chúa; khi đó, cái tôi được lớn lên và Thiên Chúa sẽ nhỏ lại.

Có thể nói, cơn cám dỗ quyền lực như một canh bạc không hồi kết thúc, họ càng đầu tư nhiều vốn thì công trình càng hoành tráng và kết quả càng phải đạt được chỉ tiêu “siêu” và “khủng”. Như thế, bề mặt có thể khuếch trương nhưng chiều sâu chỉ là một cách khoe mình, thổi phồng cái tôi. Tội Nguyên Tổ còn đó, vết thương chưa được chữa lành sẽ gây khó chịu và nhức nhối cho toàn thân. Cơn cám dỗ này mang nhiều hình thức từ đơn giản đến tế vi, đã là người, khó có thể thoát khỏi sức kiềm tỏa của hắn. Khi ấy Lời Chúa sẽ là liều thuốc giúp ta cảnh tỉnh trong mọi sự: *“*…*khi đã làm tất cả những gì theo lệnh phải làm, thì hãy nói: chúng tôi là những đầy tớ vô dụng, chúng tôi đã chỉ làm việc bổn phận đấy thôi”* (Lc 17,9b).

## Tự vệ và không tổn thương

Trong tác phẩm *Nhân cách đời tu 1,* người viết đã bàn đến 9 hình thức tự vệ dựa theo lý thuyết của nhà tâm lý học Anna Freud, ngày này, các nhà chuyên môn còn đưa ra thêm một số hình thức khác; xét cho cùng, cũng chỉ là những dạng biến thể dựa trên nền căn bản ban đầu. Nhưng có điều rằng khi được áp dụng trong các vấn đề gai góc của cuộc sống, chúng sẽ mang một bộ mặt khá hấp dẫn, luôn tạo sự bất ngờ cho cả chủ thể và người đối diện. Ở đây, chúng ta sẽ phân tích chúng trong chữ *Danh* với liên hệ sang đời tu.

Theo lẽ thường, khi đứng trước một đối tượng có nguy cơ xâm hại bản thân, họ được quyền tự vệ trong mức độ an toàn hết sức có thể. Còn xét trên góc độ tương giao, người ta có thể xâm phạm và làm tổn thương nhau phần lớn qua lời nói hay những thái độ khinh thường. Những tác động bên ngoài này sẽ đánh vào nhận thức của đối phương. Nói cách khác, chúng thuộc phạm vi tâm trí, và nó bị làm cho tổn thương khi chủ thể thụ động tiếp nhận những tác động tiêu cực này.

Tuy nhiên, một chủ trương từ Phái Khắc Kỷ, sau đó, được thánh Gioan Kim Khẩu và mãi cho đến thời chúng ta vị anh hùng Ấn Độ Gandhi cũng không ngừng ý thức rằng: *không ai có quyền làm ta tổn thương, trừ khi ta cho phép.* Điều này đề cao tính chủ động của chủ thể vì chúng ta toàn quyền quyết định tình trạng tâm hồn, và không được phép đổ lỗi cho ngoại cảnh. Chẳng hạn, chúng ta vẫn nghe kể về thời bình sinh của Đức Phật.

Có chàng thanh niên bị kích động bởi những kẻ chống đối ngài đã tìm đến nhà và dùng hết mọi lời thô tục mà lăng mạ Đức Thế Tôn, ngài điềm nhiên nghe hết mọi lời anh lên án, rồi sau đó ngài từ tốn hỏi: “Cái gì anh cho người khác mà họ không lấy thì chúng sẽ thuộc về ai ?”

Anh ngơ ngác trả lời: “Đương nhiên, chúng vẫn là của tôi”.

Ngài đáp lại: “Vậy những gì vừa rồi anh nói, tôi không nhận, chúng vẫn thuộc về anh”.

Chàng thanh niên bỏ đi mà không hề nghĩ kết cục lại thế !

Qua đó, chúng ta thấy, thông thường khi đối diện với những lời thóa mạ đại loại như thế, chắc hẳn, người ta sẽ đáp lại bằng những hình thức tiêu cực khác nhằm hạ gục đối phương, và cứ thế, cuộc chiến sẽ leo thang kết cục có thể là một cuộc xô xát. Tuy nhiên, với bậc thánh hiền, đó chỉ như những gợn sóng lăn tăn không đáng kể, chẳng làm khoáy động mặt hồ nội tâm. Thế mới rõ, tổn thương hay không tùy nhận thức của mỗi người khi tiếp nhận mọi tác động đến từ bên ngoài.

Hay một câu chuyện được truyền khẩu từ các tu sĩ dòng Chúa Cứu Thế về thánh Clemente. Ngài được bề trên giao cho việc chăm sóc các trẻ em đường phố. Một hôm, đang khi đi dọc trên đường phố kia để xin mọi người quảng đại giúp đỡ các trẻ em bất hạnh, ngài đi vào một quán nhậu gặp mấy chàng thanh niên đang ngồi chung bàn, như thói quen, ngài đứng cạnh bên họ để kêu gọi sự trợ giúp. Bất ngờ, tên thanh niên nhổ ngay bãi nước bọt lẫn bia vào mặt ngài. Ngài từ tốn lấy chiếc khăn trong túi lau qua khuôn mặt mình rồi từ tốn nói:

-Cái đó, anh bố thí cho tôi, còn các trẻ em đường phố thì anh cho gì ?

Mấy người quanh đó sững sờ về thái độ điềm tĩnh của vị đại nhân, riêng chàng thanh niên quỳ xuống xin lỗi ngài, và cuối cùng, chàng thanh niên ấy đã thực hiệnmột cuộc biến đổi ngoạn mục và đi theo ngài phục vụ các trẻ đường phố.

Từ đây, chúng ta càng xác tín hơn, chẳng có gì tác động bên ngoài khả dĩ làm tổn thương bên trong. Tuy nhiên, đa phần trong chúng ta còn trên đường hành đạo, vẫn còn đó những yếu đuối bản thân nên dễ bị tác động bởi ngoại cảnh và chịu chi phối từ những sự tiêu cực thường ngày. Bởi đó, để giảm bớt mức độ làm tổn thương cái tôi, người ta thường *tự vệ.*

Trong cộng đoàn dòng tu, mỗi thành viên đều giữ một vai trò nào đó, thế nên, đều có một tầm ảnh hưởng nhất định, và mỗi người với cách thức của riêng mình luôn làm mọi cách để bảo vệ thanh danh của mình, họ tự vệ. Tuy nhiên, không ai tránh khỏi những va chạm và cọ xát cách nào đó. Nhưng thay vì sống như lời khuyên của thánh Phêrô: sẵn sàng trả lời cho những ai chất vấn về niềm hy vọng của mình (1 Pr 3,15b), họ lại sẵn sàng tự vệ với những ai dám đối đầu với họ, song không phải bằng những cách thô kệch theo kiểu người ngoài đời nhưng hết sức “tế nhị và thâm thúy”. Càng ở chức vị cao trong cộng đoàn, người ta càng tự vệ với những hình thức mang tính “tri thức và đạo đức” khôn lường. Chẳng hạn, một bề trên khôn ngoan đã “tự vệ” và rào trước những phản ứng tiêu cực của bề dưới khi nói: “Thánh Biển Đức đã nói: vâng lời không chậm trễ là dấu cho biết lòng khiêm tốn của môn sinh. Vậy, để thủ đắc lòng khiêm tốn, con hãy nhanh chóng thi hành lệnh truyền”. Có thể nói, đây là cách áp đặt một hình thức lệnh truyền đến từ Chúa khiến bề dưới chỉ biết vâng lời mà không bao giờ có một ý nghĩ là được đối thoại với bề trên để làm sáng tỏ vấn đề. Còn khi kế hoạch không thành công, vị bề trên lại tránh né cách này cách khác, và đổ lỗi cho một “chú dê vô hình bị sát tế”.

Ở một mức độ nào đó, vị bề trên có thể tránh ra mặt (tự vệ tích cực[[4]](#footnote-4)) khi biết rằng mình phải đứng giữa phân giải và giao hòa cho các thành viên trong cộng đoàn, tuy nhiên, đó chỉ là giải pháp tạm thời rút về bên trong để tiếp thêm năng lượng siêu nhiên hầu đề ra một phương án dựa theo những giá trị tích cực và siêu nhiên đem đến ơn cứu độ cho các linh hồn. Và còn nhiều những tình huống khó đỡ nơi các cộng đoàn nhưng với đức tin chúng ta xác tín rằng Chúa ban cho đủ ơn trong đấng bậc để giúp các ngài hành động trong sự hiệp nhất của cộng đoàn. Dù sao, điều đòi buộc nơi ngài là thái độ can đảm đương đầu với mọi khó khăn trong trách nhiệm của mình.

Có thể nói, phần lớn các hình thức tự vệ là dấu chứng cho thấy thiếu sự trưởng thành về nhân bản và tâm linh. Tất cả mọi người nói chung và các tu sĩ nói riêng đều đang trên đà tiến đến sự viên mãn trong Đức Kitô nên *tự vệ* được xem như là chuyện cơm bữa nhưng chỉ những ai ý thức được tình trạng bản thân và sống trong tâm tình khiêm tốn và sám hối, nhiều hình thức tự vệ sẽ bị lột trần, và được thay thế bằng một cái tôi nhỏ dần để cho Chúa lớn lên.

## Danh tiếng

Có thể nói, danh tiếng là cái không có thật. Đất sống của chúng phụ thuộc vào nền văn hóa đương thời. Thật vậy, nếu nền văn hóa đề cao bằng cấp và sự trọng vọng của người đời thì danh tiếng của một người tùy thuộc những huy hiệu họ đeo trên ngực và cho dù bằng cấp có đem lại cho ai đó sự nổi tiếng thì tự chúng cũng chẳng làm cho chủ thể khác đi so với trước kia, lý do là vì danh tiếng chỉ là cái hào nhoáng bên ngoài. Một khi chúng bám vào hiện tượng để tồn tại thì nay mai cũng biến tan.

Nếu một tu sĩ cũng không ý thức điều này thì sẽ sa đà trong những cái tùy phụ mà quên lãng những cốt cách và căn tính đời tu. Thật vậy, có những tu sĩ dành cả gần nửa đời người để học đủ mọi thứ trên đời, cố thuyết phục bề trên để cho mình được toàn tâm lo việc học nhưng mỗi thứ một chút mà thiếu tính chuyên nghiệp nên hỏng việc nhiều hơn là được việc. Chưa hết, còn có những tu sĩ chỉ dựa theo lời khen tiếng chê của anh chị em trong cộng đoàn mà không hề có không gian sống cho chính mình. Kết cục là họ cảm thấy thoải mái khi mang nhiều mặt nạ hơn sống với mặt thật của mình: *Đi với bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy* là thế ! Như vậy, chúng tạo nơi chủ thể một hình thức nhân cách phân mảnh. Chỉ khi nào phong cách ấy bị lột trần hay các mặt nạ kia bị rơi rớt, áo cà sa hay áo giấy không còn nữa, họ sẽ ý thức về vị thế của bản thân trong cộng đoàn mà can đảm sống với những dự phóng cá nhân trong phúc lành của Chúa.

Trong cộng đoàn dòng tu, chúng ta thấy thường nảy sinh sự cạnh tranh đôi khi gây gắt, dẫu biết rằng danh tiếng và tầm ảnh hưởng cá nhân trên cộng đồng luôn phải được hiểu là sứ vụ giúp mở rộng Nước Chúa, nhưng chúng lại trở thành cớ khiến các thành viên trong cộng đoàn không thể xích lại gần nhau. Tuần nào các tu sĩ cũng hát câu: “Xin đừng làm rạng rỡ chúng con, vâng lạy Chúa, xin đừng, nhưng xin cho danh Ngài rạng rỡ” (Tv 115,1), song, danh tiếng vẫn là một trong những cám dỗ nguy hiểm, gây ảnh hưởng trực tiếp đến cộng động và làm cho tu sĩ mất tư cách và “nhân cách” cần thiết giúp định hình giá trị đời tu. Nguy hại hơn nữa là những người có chút danh phận nào đó với bên ngoài lại tạo cho mình một uy thế và kéo theo một nhóm tu sĩ hâm mộ, điều này dễ gây nên bè phái và có nguy cơ làm tổn thương sự hiệp nhất trong cộng đoàn. Nếu bề trên được coi là nguyên lý hữu cơ hiệp nhất trong cộng đoàn thì ngài cần tỉnh táo ngăn chặn những mầm mống gây chia rẽ, dù trong ý thức chẳng ai muốn cộng đoàn mình “chia đàn xẻ nghé” nhưng cạm bẫy của ma quỷ (thiên thần mang tên Ánh Sáng) thì vô chừng mà chỉ có những ai hằng bám sát Đức Kitô mới khả dĩ thắng cuộc mà thôi ! Có thể nói, đánh cược với trò chơi *danh tiếng* là phiêu lưu đi vào cuộc đối thoại với Xatan mà kinh nghiệm cho thấy Bà Nguyên Tổ đã đối thoại và lãnh thất bại thảm thương cho bản thân và con cháu.

## Vô danh

Có những người chấp nhận xóa mình đi trong cái tôi tập thể, họ phó thác cho tiếng nói của đám đông. Họ tin rằng sức mạnh vô địch phát sinh từ cộng đồng, cảm xúc lớn lên nhờ áp lực xã hội, chân lý đúng nghĩa là chân lý của kẻ mạnh. Từ đó, họ sống bằng cái tôi “vay mượn”. Hễ phát biểu điều gì thì họ nói kiểu như: “Người ta nói rằng”, không bao giờ dám khẳng định: “Tôi muốn nói rằng…” Qua cách nói ấy, chúng ta có thể hiểu: họ không biết tự suy nghĩ và phán đoán, phân định và đánh giá vấn đề mà chỉ mượn và nhân danh đám đông vô hồn. Thế nên, nhân cách của họ là thứ nhân cách ảo. Với sự tiến bộ của truyền thông hiện nay, họ lại trở thành những anh hùng bàn phím, miễn là không ai biết danh tánh thật sự của mình. Vô tình, họ đánh mất chính mình cách nhẹ nhàng và an toàn giữa đám đông ô hợp và vô hồn.

Phong cách này cũng xâm nhập vào đời tu với tần suất mạnh mẽ và rộng lớn. Có những người gia nhập vào cộng đoàn với một tâm thức như một người con trong gia đình, một người em giữa các anh chị, nghĩa là họ tự cảm thấy sự an toàn nào đó khi không phải chịu trách nhiệm như một người trưởng thành. Thế nhưng vì nhu cầu muốn mọi người biết đến, họ tìm núp bóng nơi người quyền thế và tình nguyện trở thành những nịnh thần thời đại. Thánh Phaolô đã nói về họ rất chuẩn xác: *không làm việc gì mà việc gì cũng xen vào*. Ngoài ra, họ thường vắng mặt các giờ chung của cộng đoàn vì nghĩ rằng cộng đoàn đông người nên thiếu mình tập thể cũng chẳng hại chi và vô tình, họ tự coi mình là kẻ thừa mà không ý thức rằng trước mắt Chúa và anh em, bản thân thật quý giá và duy nhất, đáng Ngài trân trọng và yêu thương.

Không như mẫu người trên, cộng đoàn cũng có những người *vô danh tiểu tốt*, họ chọn thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu làm bổn mạng, vì họ mang nhiều những căn bệnh trong người hay chỉ nhận được từ Chúa có “hai nén”, thế nên, chỉ chọn những việc hèn mọn đến mức chẳng được nhiều người trong cộng đoàn quan tâm, họ luôn tâm niệm rằng tôi làm mọi sự nhờ ơn Chúa, từ đó, mà họ thủ đắc một đức tin mạnh mẽ đến nỗi muốn ẩn mình như một loài hoa mọc trong khe đá chỉ mình Thiên Chúa thấy. Cũng như chị Têrêsa Nhỏ, họ nằm trên giường bệnh dâng mọi công khó của người khác và toàn thể thế giới lên Chúa, thế là họ cũng nhận được mọi phần công nghiệp như những người khác làm việc vất vả và nhận nơi Chúa gấp bội theo cấp độ tình yêu hiến dâng. Có thể nói, thông điệp truyền giáo của những người đau bệnh hay nằm liệt trong cộng đoàn có một sức hấp dẫn siêu nhiên mang tầm mức thế giới và xuyên thời gian. Họ là *bạn* của các tâm hồn thánh thiện, là *cha* các linh hồn nơi luyện ngục và là *người anh em* của các thánh trên trời, vì vậy, họ có uy thế trước mặt Chúa.

Thế nhưng dưới cặp mắt của những người chủ trương hiệu năng và thực dụng theo kiểu duy vật, những tu sĩ đau bệnh kia chỉ là những kẻ làm chậm bước tiến của cộng đoàn. Vì quá quen với những gì cầm nắm sờ mó được để cân đong đo đếm, những người này đã giản lược đời tu trong những vật chất chóng qua. Cụ thể là trường hợp của thánh nữ Têrêsa HĐGS. Trong cộng đoàn của chị, các chị em có thói quen viết lại tiểu sử ghi dấu cuộc hành trình của từng nữ đan sĩ mới qua đời. Khi chị thánh qua đời, họ kháo láo với nhau: *chúng ta viết gì về chị Têrêsa đây ?* Nghĩa là họ nhận thấy chị chẳng có chút gì nổi bật để ghi lại. Thế mà, Thiên Chúa đã quan phòng và dùng cuốn Nhật Ký[[5]](#footnote-5) của chị như bằng chứng tuyên phong nhân đức anh hùng nơi chị: *một đan sĩ âm thầm.*

Để nhận dạng rõ ràng về những vị vô danh tiểu tốt, chúng ta nghe tâm sự của một vị Giám mục kia. Ngài đã trải qua một cơn sóng gió với một nghị lực phi thường nhờ việc hiệp thông cầu nguyện của một nữ tu sống âm thầm trong một đan viện.Vào một ngày nọ, Chúa đã mặc khải danh tánh và gương mặt của nữ tu ấy. Ngài đã đến dòng kín mà Chúa cho biết để tìm gặp và cám ơn nữ tu âm thầm. Bề trên mời gọi tất cả mọi thành viên trong cộng đoàn ra gặp Đức Giám Mục, nhưng ngài vẫn chưa thấy sự xuất hiện của nữ tu mà Thiên Chúa mặc khải cho, ngài hỏi:

-“Cộng đoàn của các sơ còn ai không ?”.

Họ trả lời:

-“dạ, thưa còn chị giúp bếp ạ”.

Thế là họ mời chị lên, Đức Cha đã nhận ra ngay và nói lời cảm ơn chị, đồng thời chia sẻ cuộc vượt qua thử thách của ngài nhờ lời cầu nguyện của nữ tu này. Từ đó, họ tỏ ra quý mến chị hết mức vì trước đây, mọi người khinh thường về công việc của chị và không thiện cảm với tính cách của chị.

## Hữu danh

Chúng ta có thể ghi nhận rằng có tình trạng hữu danh hữu thực và cũng có hữu danh vô thực. Cả hai cùng tồn tại trong một cộng đoàn dòng tu; cũng từ đó, tạo nên những trường phái đôi khi đối nghịch cần phải có “một ý thức” cao hơn nhằm điều hướng mọi người đi vào trọng tâm của đời tu là sống đúng căn tính của mình theo linh đạo của dòng.

Với những người thuộc hữu danh hữu thực, lời nói và việc làm của họ đi đôi với nhau, hình thức và nội dung luôn bổ sung cho nhau giúp họ thăng tiến trên con đường nên thánh. Bậc quân tử như thế sẽ như cột lửa trong thời Cựu Ước đi trước hầu soi chiếu bước tiến mọi người. Có thể nói, qua họ, chính Thánh Thần dẫn dắt mọi thành viên sống theo ý muốn thánh thiện của Chúa. Cũng không thể phủ nhận những yếu đuối xác hồn vì người công chính một ngày sa sẩy đến bảy lần, họ luôn khiêm tốn trong lòng và cả ngoài miệng. Tuy nhiên, chúng ta cũng dễ nhận ra nỗ lực của họ trong việc làm mọi cách cho giới hạn giữa thực tế và lý tưởng đời tu xích lại gần nhau.

Ở đây, chúng ta cũng có thể áp dụng thuyết Chính Danh của Khổng Tử cho những mẫu người này khi họ sống đúng tư cách là những tu sĩ của Giáo hội và những người dấn thân phục vụ cho Nước Thiên Chúa. Khi sống vâng phục, chúng ta trả lời cho con người thời đại rằng tự do đích thực chỉ tìm được nơi Đấng là Tự do Tuyệt đối. Đấng ấy ban cho ta tự do, Ngài biết điều gì giúp chúng ta triển nở thực sự. Bởi đó, vâng phục với ý muốn của Thiên Chúa sẽ là cách chúng ta sống thực sự tự do cá nhân. Khi sống khó nghèo, chúng ta xác tín rằng niềm vui và hạnh phúc đích thực không thể mua bằng vật chất mà chỉ Thiên Chúa mới làm no thỏa mọi nhu cầu bản thân. Và khi sống khiết tịnh, chúng ta muốn chứng minh với thế giới rằng nhờ ơn Chúa, chúng ta có thể chuyển hóa bản năng tính dục tự nhiên mà sống một tình yêu siêu nhiên với Thiên Chúa và con người. Khi ấy, chúng ta tiền dự niềm vui Nước Thiên Đàng mai sau, nơi mà chúng ta hằng khao khát và loan truyền mời gọi mọi người sống chết cho tình yêu của Đức Kitô.

Trái lại, có những người bị xếp vào hạng hữu danh vô thực; họ là những Pharisêu của thời đại. Thật vậy, họ đề ra và quảng bá mọi khoảng luật mà bản thân không buồn động ngón tay vào. Họ thích sáng tạo những kiểu loại đời tu mới mẻ và những hình thức tu đức xa lạ, lại còn tự phong mình là người nhận được sự linh ứng của Thần Khí. Từ đó, họ nuôi mộng làm đấng tổ phụ và làm bề trên tiên khởi. Làm sao hoa trái của Thánh Thần lại đậu nơi một người từng bất mãn cộng đoàn ? Làm sao có thể lôi kéo các ơn gọi mới đi theo mình ? Nếu có, cũng chỉ là nhất thời. Nếu có, cũng chỉ là những kẻ bất hạnh trong đời tu như mình. Họ quên rằng mọi ơn gọi phát xuất từ Thiên Chúa, và tình yêu của Ngài lôi cuốn họ bước theo con đường chẳng mấy ai đi.

Cũng có những người hữu danh vô thực nhưng bình dân hơn, họ sống giữa anh em, và mang một tâm thái vô cầu. Họ sống buông thả thuần bản năng, không có một mảy may cố gắng hướng thiện. Tắt một lời, họ sống như thể không có đời sau và ơn cứu rỗi. Mặc dù, vẫn được gọi là tu sĩ nhưng kỳ thực họ sống rất “bố đời”, lắm khi làm chậm bước tiến của cộng đoàn. Tuy nhiên, Chúa lại dùng họ làm bản trắc nghiệm cho những người sống theo cảm tính nhất thời. Có thể nói, nhờ họ mà cộng đoàn có thể lượng giá: ai là người đạo đức thật. Với những người xa rời lý tưởng đời tu như thế, lời mời gọi “trở về nguồn” theo tinh thần của công đồng Vaticanô II quả là một thách đố. Đó là chưa nói đến ý hướng ban đầu của Đấng Sáng Lập. Khi ấy, chính bề trên là người cần khôn ngoan tiếp cận những đối tượng này hầu giúp họ phản tỉnh kịp thời mà quay về hội nhập với nếp sống và bước tiến cộng đoàn.

Một điều lưu ý ở đây là những người này thường được việc bên ngoài, họ thuộc mẫu người hướng ngoại mạnh nên bị cuốn hút bởi những cái hào nhoáng bên ngoài, nếu cộng thêm xu hướng thích hiệu năng công việc thì dễ sa vào những lối sống tầm thường xem nhẹ cộng đoàn và căn tính đời tu. Có thể bề trên cảm thấy bất lực vì những thành phần cá biệt này nhưng dưới cái nhìn đức tin, Thiên Chúa có đường lối sư phạm riêng để thuyết phục các linh hồn sống trong ơn nghĩa của Ngài. Có thể họ lại là người làm việc vào giờ thứ mười một hay như tên trộm lành trong giờ phút chót.

## Tham danh

Có một thực tại chỉ cần quan sát chúng ta sẽ thấy một hình thức tham danh phổ biến trong các dòng tu, đó là ai cũng muốn khắc tên mình vào những công trình nào đó. Tâm lý chung nơi các bề trên mới nhậm chức, họ thích tạo một dấu ấn riêng cho triều đại của mình mà dấu chỉ bề ngoài thấy rõ nhất là nơi các cơ sở vật chất. Các ngài táo bạo khi phá những công trình cũ của triều đại trước mà can đảm xây lên những cơ sở mới với mục đích tạo không gian tốt hơn cho mọi thành viên trong cộng đoàn sinh hoạt. Điều đó mặc nhiên cho thấy công trình trước đây đã không đáp ứng nhu cầu của cộng đoàn mà thực ra, đó chỉ là cách giải thích cho qua chuyện và chiếu lệ. Đôi khi do không tỉnh táo đủ, những cám dỗ thay đổi bên ngoài có thể cuốn các ngài theo dòng xoáy làm những cuộc cách mạng tùy phụ mà quên đi việc xây dựng con người nhân bản và tâm linh (chính yếu). Đâu mới là cuộc cách mạng đúng nghĩa nhằm tạo điều kiện cho mọi thành viên phát triển quân bình về thể lý, tâm lý và tâm linh trong đời tu ?

Có thể nói, nhu cầu *được mọi người biết đến* và *thích thể hiện bản thân* là nhu cầu hết sức chính đáng của mọi người có lý trí. Mỗi người một cách thức nhằm phô diễn cái tôi của mình. Trong đời tu cũng vậy, nhưng chúng có phần tinh tế và đạo đức hơn. Điều này dễ nhận thấy nơi những người có chức quyền, họ muốn kiểm soát mọi sự và thích gieo ảnh hưởng trên mọi lãnh vực cuộc sống mặc dù bản thân không phải là toàn năng. Họ có thể nhân danh một thứ truyền thống tu trì lỗi thời mà chăm chút các thành viên như những mẫu bon sai có sẵn, vô hình họ áp đặt, chế tài mọi đường đi nước bước của người khác. Họ bất chấp sự kháng cự của bề dưới hay nhận ra thái độ “bằng mặt chứ chẳng bằng lòng” nơi người liên hệ. Từ đó, chúng tạo nên làn sóng chống đối ngầm. Nếu trong gia đình, người chồng quá gia trưởng khiến tạo áp lực lên người vợ, người vợ lại đổ dồn sức ép xuống đàn con, những đứa con cũng tỏ ra bực dọc đá vào chú chó nuôi trong nhà, chú này nhảy chồm lên chú mèo, thế là có những con chuột nhắt phải hy sinh. Cũng vậy, chuỗi tâm lý tiêu cực này tạo nên một bầu khí ô nhiễm xung quanh trong đời sống tu trì, và những tu sĩ có khuôn mặt đưa đám bị Đức Phanxicô điểm mặt sẽ lộ diện nguyên hình. Đâu rồi, câu nói của Đức Phanxicô: *Ở đâu có tu sĩ ở đây có niềm vui ?*

Nếu bề trên là đầu tàu, giữ vai trò điều khiển cộng đoàn và là nhà đào tạo chính mà lại có những động thái đại loại như thế thì các phần tử sẽ bị ảnh hưởng biết dường nào ! Tất nhiên, nếu biết mình đang thi hành tác vụ một cách sai lệch như thế thì chẳng ai dám làm, vì ý thức rằng bản thân phải trả lẽ trước mặt Chúa. Nhưng các ngài lại có thể nhân danh thiện chí xây dựng nhà Chúa và lòng đạo đức sống đúng căn tính đời tu mà phục vụ bá nhân bá tánh. Thật ra, khi ai đó chỉ chấp nhận những người cùng lập trường với mình và tìm mọi cách vô hiệu hóa ảnh hưởng của những tu sĩ “phản biện” thì họ đã đóng cửa tâm hồn mà sống theo những cảm xúc nhất thời, khi đó, những người có lập trường trái chiều hoặc khác hẳn sẽ không có đất sống và những kẻ yếu thế thì hùa theo phe này nhóm nọ.

Có lần, tôi được một nữ đan sĩ chia sẻ rằng: Trong cộng đoàn của chị có những người rất thẳng thắn thấy cộng đoàn sa sút và xa rời lý tưởng đời tu thì nêu ý kiến xây dựng. Vị bề trên nghe rồi để đấy một thời gian sau ra kế sách chuyển chị ấy qua một cộng đoàn nhỏ ở trời Tây nhưng lại với bài sai là cho qua đấy để du học. Sau đó, chị này nhận ra yêu sách của bề trên và đã xuất dòng. Chúng ta không cần biết ai chịu trách nhiệm cho ơn gọi này chỉ có một ghi nhận rằng *Danh vọng và quyền lực là một trong những cám dỗ gây nguy hại đến ơn cứu độ của những người liên hệ.*

Nhưng dù sao, Thánh Thần mới là nhà đạo tạo đích thực, Ngài sẽ tác động người này, dẫn dụ người kia, khuyến khích người nọ để giúp họ bước vào kế hoạch của Chúa hầu mang ơn cứu độ cho muôn người.

Trong bối cảnh như thế, chúng ta giải thích thế nào về sự bất tuân của bề dưới. Chúng ta không hoàn toàn đổ lỗi cho bề trên vì mỗi người trong mức độ tự do cá nhân và trách nhiệm xây dựng cộng đoàn, hẳn biết cách để hóa giải những khó khăn và thánh hóa mọi khoảnh khắc đời sống. Cần công tâm nhìn nhận rằng có những tu sĩ bị mắc kẹt trong một giai đoạn nào đó ở quá khứ. Thật vậy, từ trong gia đình, họ đã chịu áp lực quá lớn từ một ông bố gia trưởng, từ đó, họ dị ứng với quyền bính, và khi bước vào đời tu, họ lại gặp những người đại diện cho quyền bính và thế là những cuộc chống đối triền miên xảy ra do bản thân thiếu kiểm soát. Thật ra, chẳng phải họ ghét bề trên này vì tính cách của ngài, nhưng đúng hơn, chỉ vì các ngài là những người mô phỏng cách nào đó hình ảnh quyền bính về người cha trong gia đình.Vì vậy, các nhà đào tạo cần giúp những ứng sinh này chữa lành trong giai đoạn đầu của tiến trình đào tạo.

## Con quái thú quyền lực

Triết gia Erasmus thật có lý khi nói: *“Con người không phải sinh ra đã là người, họ trở thành người”*. Thoạt tiên, chúng ta nghe có vẻ gây sốc, phản cảm cho những người vốn đạo đức. Nhưng thực ra, chúng lại diễn tả chân thật quá trình năng động của một đời người. Qua đó, ông giả thiết đời sống con người là một tiến trình thành nhân mà khi sinh ra, con người có đủ tiềm năng để đảm nhận đời sống mình. Nói cách khác, các nhà tâm lý học hay giải thích cách chơi chữ của từ *con người.* Nghĩa là: trong con người có phần *con* và phần *người.* Phần *con* là phần bản năng mà có thời điểm, người ta gọi là thú tính; ngày nay, các nhà tâm lý học “nhân cách hóa” khi cho nó là con quái thú. Còn phần *người*, là phần đã được khổ luyện và thanh luyện qua một thời gian dài, có thể nói, là nhằm đạt đến một mức độ trưởng thành “tạm ổn”. Chúng ta dùng cụm từ *tạm ổn* vì lẽ, sự trưởng thành không có một chuẩn mực nào để đo lường và đánh giá cách khách quan vì mỗi con người là một huyền nhiệm.

Chúng ta không có đủ ngôn từ để diễn tả con quái thú quyền lực này nhưng khả dĩ cảm nghiệm sức ảnh hưởng của nó trong đời sống cá nhân và cộng đoàn. Có thể nói, chúng thì thiên hình vạn trạng, được biểu hiện nơi mỗi người khác nhau, trong từng tình huống khác biệt. Hơn nữa, vì sống trong một cộng đoàn dòng tu vốn được tiếng là đạo đức, chúng được khoác lên vẻ oai phong lẫm liệt khiến lóa mắt đám đông mà chỉ có những người là đối tượng bị tấn công hay những người “trong nghề” mới khả dĩ đánh giá xác thực.

Nếu xét về nguồn gốc của con quái thú này, chúng ta có thể giải thích chúng thuộc phần bản năng hủy diệt trong con người. Chúng ta thường hiểu bản năng này theo nghĩa tiêu cực hoàn toàn, điều này thật bất công cho Đấng Tạo Hóa. Chắc hẳn, chúng có một giá trị nhất định nào đó mà chúng ta cần giải thích để hiểu được phần nào ý định của Thiên Chúa khi đặt để chúng trong con người.

Dường như đại đa số chúng ta đều chấp nhận qui luật Tiến hóa. Người viết không dùng hạn từ *thuyết* để tránh sự tranh luận học thuyết của các trường phái khác nhau, nhưng dùng thuật ngữ *qui luật* như một thực tại khách quan mà ai cũng có thể quan sát thấy trong cuộc sống thường ngày. Thật vậy, đấu tranh sinh tồn đòi buộc con người phải cạnh tranh để tồn tại và lớn lên, như thế, những gì lỗi thời, lạc hậu phải dần bị đào thải nhường chỗ cho cái mới phát sinh. Cái cũ kỉ ấy được giao khoán cho bản năng hủy diệt, và hiểu theo một nghĩa tích cực, chúng là phần tất yếu làm phát sinh một cái mới ra đời. Hiểu theo nghĩa tích cực này, chúng ta không ngạc nhiên khi giới nhà đạo hay nói cụm từ: *chết đi với con người cũ để mặc lấy con người mới theo hình ảnh của Đức Kitô.* Điều này giúp chúng ta xác tín hơn về ý định của Thiên Chúa khi tạo dựng con người; quả thật, không có gì dư thừa và vô ích với Đấng Thượng Trí siêu việt trong công trình sáng tạo.

Thế mà, từ khi nào chúng đã trở thành con quái thú núp ẩn trong nơi sâu thẳm của lòng người. Một khi chúng thuộc bản năng nơi con người thì chúng ta không thể hủy diệt chúng mà lại không tự hủy chính mình, điều quan trọng là chúng ta cần đặt chúng dưới sự kiểm soát của lý trí. Thực tế cho thấy, bao phen chúng ta tỏ ra bất lực trước sức mạnh vô hình này. Tuy nhiên, chúng ta có thể vô hiệu hóa nó càng nhiều càng tốt, có thế, phần *người* nơi chúng ta được phát triển lành mạnh.

Như chúng ta đã nói, con quái thú không thể chết hẳn nhưng có thể làm cho nó suy yếu bằng cách tránh cung cấp cho nó thức ăn. Mà thức ăn của chúng là gì ? Đó là tất cả những gì mang tính tiêu cực trong đời sống. Chúng vốn ăn tươi nuốt sống thế nên mới bị coi là con thú hoang, chúng ta cần bắt nhốt chúng lại và cho ăn những thức ăn lành mạnh hơn là những tư tưởng tích cực. Dần dà chúng sẽ được thuần hóa và là lợi khí suy phục ý muốn chúng ta. Đây quả là một thách đố cho mỗi người nhưng nhờ ơn Chúa và nếp sống cộng đoàn, chúng ta sẽ chinh phục từng bước nhỏ.

Để thấy rõ tính khả dụng của vấn đề đang bàn, chúng ta sẽ phân tích cụ thể một trường hợp thông thường trong đời sống cộng đoàn dòng tu. Khi gặp một sự cố ngoài ý muốn, rằng ai đó đang tỏ dấu công kích mình. Phản ứng tự nhiên, chúng ta sẽ xét xem tầm ảnh hưởng của đối tượng thế nào: nếu ngang cơ, chúng ta sẽ trực diện và làm rõ vấn đề; nếu cảm nhận đối thủ mạnh hơn, chúng ta “rút êm” để suy xét tình hình. Ở đây, chúng ta sẽ xét đến ý đồ của đối thủ muốn hạ gục mình: nào là hắn bặm môi, trơn mắt tỏ vẻ khinh thường tôi, nào là la lối, hằm hực như muốn ăn tươi nuốt sống tôi... khi ấy, vô tình chúng ta mang thức ăn cho con quái thú, thế rồi chúng sẽ lớn mạnh và ra sức khuynh đảo chúng ta bằng cách kích thích khiến bản thân hành động, đến gây hấn và đối đầu với người kia, và thế là chúng ta bước vào cuộc chiến một mất một còn. Một khi đã bước vào cuộc chiến, cả hai tự lãnh lấy phần thua, và thiệt thòi thuộc về cộng đoàn, nghĩa là cộng đoàn bị phân mảnh. Còn về phần mình, cả hai bên sẽ chịu thiệt thòi về mọi phương diện: vừa làm tổn thương tình huynh đệ, nghĩa là xa rời với sự hiệp nhất của cộng đoàn, vừa thụt lùi trên con đường hoàn thiện bản thân.

Còn nếu xét mặt tích cực của vấn đề, nghĩa là xét đến sự yếu đuối của đối phương thì tình thế sẽ khác hẳn, cụ thể là: chúng ta nhìn rộng về quá khứ của người anh em, rằng họ cũng là nạn nhân của những tổn thương trong quá khứ thì chúng ta sẽ có một cái nhìn thông cảm và khoan dung với người kia, và tránh được những xung đột và bạo động cách nào đó trong đời sống cộng đoàn. Thật vậy, quan sát hoàn cảnh gia đình, chúng ta nhận ra đương sự là một nạn nhân của bạo hành. Người cha vốn gia trưởng lại hay say xỉn đánh đập vợ con. Sống trong bầu khí ấy chẳc hẳn người con phải chịu nhiều áp lực và cách giải phóng tức thời sẽ là bạo động. Hiểu như thế, chúng ta dễ dàng chấp nhận những lối cư xử đôi lúc lố bịch nơi người kia.

Nhưng thông thường, chúng ta chỉ có thể sáng suốt nhìn nhận vấn đề sau những thất bại. Còn ngay lúc gặp sự cố, cảm xúc sẽ là tên chủ động gây ra mọi rắc rối. Quả thật, cảm xúc là kẻ muốn giải quyết nhanh, gọn và lẹ để bảo vệ thanh danh và uy thế cho chủ thể, y tưởng rằng làm thế thì mang đến hiệu quả nhất nhưng đó chỉ là cách giải quyết của những tay xã hội đen, còn trong cộng đoàn, chúng ta không thể để cho cảm xúc giựt dây khiến phản ứng tức thời; trái lại, cần có hướng nhìn tích cực nhằm xây dựng tình anh em và cộng đoàn. Có thế, chúng ta không tạo điều kiện thuận lợi cho con quái thú lớn mạnh trong ta.

Chỉ qua việc giải quyết một sự cố nhỏ trong cộng đoàn mà chúng ta đã thấy sự nguy hiểm của tên quái thú quyền lực. Để thuần hóa con thú này, chúng ta cần trải qua hai bước: một là tránh cho chúng thức ăn là những tư tưởng tiêu cực, vì chúng vốn chủ trương bạo động hơn là khoan hồng, gây hấn hơn tạo bình an; hai là tập cho chúng ăn những thức ăn lành mạnh là những tư tưởng tích cực. Với thời gian, chúng sẽ ngoan ngoãn theo lời hướng dẫn của lý trí mà sống theo lẽ phải.

# LỢI

Có thể nói, con người sinh ra vào đời với hai bàn tay trắng và kết thúc cuộc hành trình đời mình cũng trắng tay đi vào lòng đất. Đó là tiến trình đời người rất chân thật, công bằng và trần trụi. Mặc dù, mọi người mặc nhiên hay hiển nhiên thừa nhận chân lý này nhưng có mấy ai xác tín để sống buông bỏ; trái lại, đoạn giữa cuộc đời là một cuộc ky cóp vô tận. Thật ra, Thiên Chúa dựng nên muôn loài muôn vật cho người thế hưởng dùng, song, nó chỉ thực sự sinh ích đúng nghĩa khi đem con người đến gần Chúa hơn. Thực tế cho thấy, thánh Phaolô đã cảnh báo: Chúa của họ là cái bụng, và tắt một lời, thụ tạo chiếm quyền Tạo Hóa. Để trở về với Thiên Chúa, không còn cách nào khác là thừa nhận quyền tối thượng của Ngài và buông bỏ những gì cản bước tiến con người đến cùng Chúa.

## Giá trị thực của vật chất

Chỉ có con người mang giá trị nội tại vì được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa, còn vạn sự đều vô ích nếu không được con người sử dụng và cho nó một mức độ ảnh hưởng nào đó. Thật vậy, vật chất chỉ có ý nghĩa khi giúp con người sống và sống dồi dào. Hiểu một cách nào đó, mọi vật chất đều có thể qui thành tiền và có một *trị* *giá* tùy theo mức độ hữu dụng hoặc chịu chi phối bởi thời giá của xã hội hiện hành. Tuy nhiên, chúng chỉ trở nên *giá* *trị* tùy thuộc vào mức độ liên quan đến chủ thể, hay nói cách khác, chúng có ý nghĩa gì với chính tôi. Một điều dễ nhận ra là một chiếc khăn tay được mua tại một cửa hàng danh tiếng đi nữa, chúng có một trị giá nào đó, nhưng một khi chúng được đặt vào tay của bà Vêrônica thì tức khắc, chiếc khăn đã phục vụ cho một việc thánh là dùng để lau cho gương mặt một Đấng Thánh. Như thế, giá trị của chúng thì vô cùng. Chúng ta đang xét vật chất dưới góc độ ý hướng của chủ thể. Điều này làm tăng giá trị của vật chất chứ thực chất tự chúng không có một giá trị nào đáng kể.

Cũng theo chiều hướng đó, con người ngày nay đã đề cao vật chất đến mức khôn lường. Một khi khái niệm và cách hiểu về trị giá và giá trị bị đánh đồng với nhau, đồng thời, một khi con người không định rõ ranh giới của từng sự vật hiện tượng, họ đã sống mập mờ với một lương tâm mù mờ, và như thế, đời sống luân lý đã được biện minh và giải thích hoàn toàn theo chủ trương duy vật. Con người quên rằng vật chất dù sao cũng chỉ là phương tiện giúp con người thăng tiến chứ không phải là đích đến của con người. Thật vậy, con người là một tinh thần nhập thể, nó có một thân xác chịu chi phối bởi vật chất nhưng còn một phần thiết yếu và mang tính quyết định giúp thành hình một nhân cách đúng nghĩa, đó là tinh thần.

Theo cách phân chia của nhà tâm lý học Maslow về tháp nhu cầu thì vật chất cũng chỉ đáp ứng hai nhu cầu thấp nhất của con người là thể lý và sự an toàn; còn ba cấp độ trên là nhu cầu xã hội (yêu và được yêu), lòng tự trọng và được tôn trọng, và nhu cầu thể hiện bản thân thì thuộc phạm vi tinh thần. Hiểu rõ điều này, chúng ta sẽ tránh những đáng tiếc xảy ra khi quá chú trọng đến vật chất mà bỏ qua giá trị tinh thần. Không phải khi chúng ta nói đến nhu cầu vật chất như một điều căn bản cần được đáp ứng mà chúng phải thỏa mãn hoàn toàn, từ đó, chúng ta mới có thể quan tâm đến nhu cầu tinh thần đâu; trái lại, chúng ta đáp ứng thỏa mãn nhu cầu ăn uống… trong mức độ có thể để chú tâm đến việc thăng tiến những giá trị tinh thần. Người ta có thể biện minh mà nói rằng có thực mới vực được đạo, nhưng nếu người ta chỉ kiếm miếng ăn với bằng bất cứ giá nào thì chẳng có thứ đạo nào chấp nhận họ. Bởi vậy, cả trong lúc mưu tìm đáp ứng nhu cầu vật chất, con người không thể bỏ qua những giá trị tinh thần chi phối đời sống con người. Còn nói theo góc độ tôn giáo, con người tìm kế sinh nhai với tư cách một Kitô hữu, nghĩa là nói theo thánh Phaolô: dù ăn dù uống hay làm bất cứ việc gì hãy làm để tôn vinh Thiên Chúa. Và như thế, đạo ở trong mỗi người chứ không phải là một chiếc áo mặc ngoài không thích thì bỏ đi. Chúng ta đang làm một việc kết hợp giữa vật chất và tinh thần trong con người vốn là một tinh thần nhập thể.

Chúng ta biết rằng ngay từ đầu, Thiên Chúa đã dựng nên muôn loài muôn vật nhằm phục vụ cho con người, linh ư vạn vật. Thế mà, trong hành trình tâm linh, Ngài muốn con người buông bỏ tất cả, và bám chặt một mình Ngài; ngay cả bản thân cũng thực hiện một cuộc bỏ mình để theo Ngài. Phải chăng ý muốn của Ngài lại mâu thuẫn với ý hướng ban đầu khi tạo dựng muôn sự?

Nơi Thiên Chúa, chẳng có gì là mâu thuẫn cả ! Có thể nói, mọi sự rắc rối đều từ phía con người. Chúng ta sẽ từng bước khám phá những góc khuất nơi con người để thấy rằng Thiên Chúa kiên nhẫn với những lỗi lầm của chúng ta đến mức nào. Kể cả khi con người đi sai đường, Ngài lại vẽ ra một hướng đi mới cho con người trở về với Ngài. Điều này chúng ta cũng kinh nghiệm phần nào khi sử dụng chương trình bản đồ (map) trên máy tính thông minh. Dù đôi khi chúng ta không đi theo sự hướng dẫn của điện thoại, chúng vẫn theo dõi và tiếp tục chỉ cho ta một hướng rẽ để về đến đích mà mình mong muốn. Thiên Chúa chẳng toàn tri và toàn năng hơn chương trình máy móc ư ! Thật vậy, Ngài sẽ vẽ đường thẳng từ những đường cong trong cuộc đời chúng ta.

Chúng ta biết rằng mọi sự Chúa ban cho con người đều là quà tặng tuyệt vời giúp ta yêu mến Ngài và đạt được ơn cứu độ. Thế nhưng con người đã dính bén vào những vật thụ tạo mà bỏ quên Đấng ban phát mọi ơn lành. Ngài không vội vàng đánh phạt chúng ta nhưng lại gợi hứng cho chúng ta một con đường từ bỏ để trở về với Ngài. Đó cũng là một trong những lý do mà thánh Biển Đức đã định nghĩa: *Đời tu là một cuộc tìm kiếm và trở về với Chúa.*

Ngày nay, dường như con người dễ dị ứng với những hạn từ: hy sinh, đau khổ, từ bỏ. Nhưng chúng lại là những phương thế khá hữu ích mà Thiên Chúa dùng cách này cách khác để giúp định hướng con người qui về Ngài. Chúng ta có thể nghĩ rằng Thiên Chúa quá độc tôn trong việc đòi hỏi con người phải yêu mến một mình Ngài. Có thể nói, hạn từ Thiên Chúa là một vị thần ghen tương cũng đúng phần nào. Quả thật, Ngài đáng con người yêu mến và suy phục quyền uy của Ngài. Thế nên, những gì con người đang hưởng dùng cũng phải qui về Thiên Chúa; Ngài không cho phép con người dừng lại và dính bén với những tặng phẩm mà bỏ quên Đấng ban phát mọi ơn lành. Chính vì khuynh hướng chiếm hữu và thống trị thay vì hưởng dùng, quản lý và tài bồi những nén bạc Ngài trao mà con người phải thực hiện một cuộc từ bỏ cách triệt để. Từ đó, chúng ta sẽ hiểu phần nào mệnh lệnh của Chúa Giêsu: Hãy từ bỏ chính mình và vác thập giá mình mà theo Ta.

 Mệnh lệnh này sẽ được các tu sĩ hiện thực hóa trong đời sống cộng đoàn. Trong gia đình, có năm đến bảy người, tính kỷ luật đã là một đòi hỏi khó khăn huống nữa là trong đời sống dòng tu, nó trở thành yêu sách gắt gao nhưng lại hứa hẹn một điểm đến đầy hy vọng vì các tu sĩ bỏ mình không phải trở thành một mẫu anh hùng cho người đời ca ngợi tán dương mà là vì Chúa và chọn Ngài làm gia nghiệp đời mình. Gia nghiệp ấy không chỉ là hoa quả của đời sau mà là những trải nghiệm tâm linh ngay từ đời này. Vịnh gia thật có lý khi nói: Hãy nghiệm xem Chúa tốt lành biết mấy, hạnh phúc thay ai ẩn náu bên Ngài (x. Tv 33,9). Đôi khi sự từ bỏ có thể làm đời sống tu trở nên nặng nề, nhưng thật ra, chúng ta sẽ nhận được phần an ủi khi đặt Chúa là bậc thang cao nhất trong tâm trí và xác tín của ta. Khi ấy, chúng ta nhận ra lời hứa của Ngài thật xác thực: Trước tiên hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Ngài và mọi sự sẽ được ban thêm cho (x. Mt 6,33).

Chúng ta cũng phải thừa nhận rằng chúng ta yếu đuối. Thật sự, bước vào đời tu, ai cũng đã từng được nhắc nhở mọi sự qui về Chúa nhưng trong thực hành cái tôi lại chiếm phần ưu tiên theo một cách hòa hoãn rất tinh vi, đôi khi, nó trở thành một thứ cám dỗ rất ngọt ngào vì ma quỉ đã khéo vẽ nên trong ta những mảng màu xám là giao thoa giữa trắng và đen mà một linh hồn không tỉnh thức đủ sẽ sa vào.

Thật vậy, chúng ta sẽ dễ dàng lấy mọi sự thế gian mà lấp đầy những khoảng trống trong tâm hồn thiếu sự hiện diện của Chúa. Vô hình trung, chúng tạo cho ta một cảm giác an toàn nào đó mà thật ra chỉ là giả tạo. Kinh nghiệm của thánh Augustinô là một bài học cho chúng ta khi ngài đã lấp đầy trí thông minh hiểu biết của mình bằng những kiến thức đời và lạc giáo nguy hại mà thánh Phaolô gọi là thứ tri thức giả hiệu.

Nếu đối với bậc thông minh lỗi lạc như thánh nhân đã được lấp đầy bằng những tri thức nguy hại ấy thì những người thuộc mẫu người hiệu năng, họ sẽ tìm sự no thỏa trong vật chất và những thành quả mà họ gặt hái được trên đường sứ vụ. Kinh nghiệm thực tế cho thấy đã có những người kiệt sức vì phải mang theo một cái tôi kềnh càng vì những gì họ làm được và tiếng khen của người đời. Chung cuộc là họ đánh mất chính mình, hơn nữa, đánh mất căn tính đời tu và xa rời lý tưởng bước theo Chúa.

 Thiết tưởng, chúng ta cần dừng lại chủ đề này lâu hơn để phân tích chúng hầu nhận ra những nguy hiểm khiến chúng ta xa rời những giá trị Tin Mừng mà Chúa Giêsu mời gọi mỗi người chúng ta. Điều này càng trở nên cấp thiết và nguy hiểm khi chúng ta xét dưới tầm ảnh hưởng của những gì xã hội hiện đại bày ra trước mắt mình.

Thật vậy, trong khi các tu sĩ tuyên giữ lời khấn nghèo khó, và để mọi sự làm của chung mà tùy thuộc vào sự quan phòng của Chúa trong nhịp sống cộng đoàn, thì chúng ta dễ có xu hướng lấy lại thành quả của những gì mình làm ra mà tìm sự khẳng định và đánh giá từ nơi người khác. Mặc dù, theo qui tắc mọi sự đã dâng cho Chúa nhưng chúng ta lại tìm hưởng những “hoa lợi” khiến chủ thể sống ảo tưởng, và tự thổi phòng chính mình bằng những thứ nay còn mai mất. Đến một lúc nào đó, họ sa đà trong vòng kiềm tỏa của cái tôi kiêu ngạo, và rằng chỉ có tôi là đáng kể và làm lợi cho cộng đoàn. Dẫu chúng ta vẫn ý thức rằng Chúa triệt hạ phường ngạo mạn kiêu căng nhưng lại không nhận ra sự kiêu ngạo núp bóng dưới mọi hình thức đưa mình lên cao hay chỉ nói về mình.

Cách cụ thể hơn, ngày nay chúng ta nghe nhiều người than phiền về tình trạng tục hóa trong đời tu. Chẳng hạn, trong những buổi nói chuyện chia sẻ trao đổi tâm tình, các tu sĩ chỉ mượn một chút ý tưởng thiêng liêng nào đó, rồi sau nữa là chuyện trên trời dưới đất. Rằng những tu sĩ hay linh mục thảo luận về các loại xe con, rồi lại tự khen mình là người sành điệu vì đã tậu một chiếc xe hạng sang nhằm phục vụ cho nhu cầu mục vụ trong một xứ nghèo mà nhiều người không có đủ bữa ăn hằng ngày. Cha Biển Đức Thuận, Tổ Phụ dòng Xitô Thánh Gia của chúng tôi, đã có một lời giáo huấn rất tinh tế rằng: họ chẳng khác gì những con bò bàn luận với nhau và đánh giá đám cỏ này ngon hay đám cỏ kia không ngon. Ẩn sâu trong lời nhắc nhở này là một thực tại đau lòng về một thời đại tục hóa. Ngài cảnh báo và cho con cái mình biết dấu hiệu nhận ra một nhà dòng đang sa đà.

Xét cho cùng vì họ không nhận ra đâu là phương tiện và điều gì là mục đích. Chiếc xe không làm cho họ thêm ơn nghĩa trước mặt Chúa đâu, trái lại, nó còn làm họ nhận thức sai về thực tại và càng xa rời lý tưởng đời tu. Từ dấu hiệu phản chứng đó đã nên cớ vấp phạm cho bao tâm hồn nhạy cảm, dễ bị tổn thương. Nhưng nếu các ngài dùng một chiếc xe tương đối xoàng hơn như phương tiện phục vụ ơn cứu độ cho các linh hồn thì đó là cách “biện minh” chấp nhận được. Điều đáng lưu ý ở đây là thái độ dính bén và khoe khoang lên mặt nơi các ngài đã khiến tình trạng giáo sĩ trị mà Đức Phanxicô đã cảnh báo, ngày một phổ biến hơn. Mà một dấu hiệu của căn bệnh trầm kha này là thích đưa mình lên và tự phong mình nổi bật hơn mọi người, và sai khiến con chiên một cách tùy tiện.

Thật đau lòng khi nghe một giáo dân nói rằng: các cha, các thầy cứ khấn khó nghèo đi để chúng con giữ cho ! Đó là điều có thực. Với phần lớn dân nghèo, họ rất nhạy cảm và dị ứng với những gì là hưởng thụ, sành điệu, hàng hiệu…đôi khi sự hiểu biết của các tu sĩ được diễn tả qua cung cách ăn nói hay phong cách ăn mặc có thể làm cho giáo dân ngại tiếp xúc với các ngài, từ đó, tạo nên một rào cản, thiếu sự thông cảm hay đồng cảm có thể mất dần ảnh hưởng trên nhau, vô hình trung, đôi bên xa rời lý tưởng Tin Mừng.

Trước kia, một trái dưa hấu, một bẹ chuối xanh hay một rổ cá nhỏ có thể là bổng lộc cho một thánh lễ dâng lên cha xứ, nhưng ngày nay hiện đại, mọi sự qui ra tiền, miếng cơm hằng ngày không lo đủ lấy đâu tiền mà xin lễ cầu siêu, dần dà dân nghèo trở nên mặc cảm. Đâu có ai cho họ biết những gì họ có được để dâng lên là công vất vả nắng mưa dãi dầu với tất cả tâm tình hy sinh, ấy là tình yêu và lòng thành mới đáng Chúa vui nhận. Bởi vậy, nhiều người có chút hiểu biết về lễ giáo đã đau lòng thốt lên rằng ngày nay các linh mục đã thương mại hóa Thánh lễ.

## Nhu cầu hưởng thụ

Có thể nói, nhu cầu hưởng thụ là điều khá chính đáng cho con người. Đây chỉ là cách con người hưởng dùng những gì từ công khó tay họ làm ra. Nhưng nhu cầu này lại trở nên xa xỉ với các tu sĩ. Nếu như thánh Phaolô đã khuyên dạy các tín hữu rằng dù ăn, uống hay bất cứ làm việc gì hãy làm tất cả để tôn vinh Thiên Chúa thì đối với một tu sĩ, tâm tình tạ ơn tôn vinh ấy càng phải phát xuất từ một tâm hồn trong sạch, với một xác tín lớn lao: *tôi có là gì đều nhờ bởi ơn Chúa.* Ý thức điều này sẽ giúp mỗi người tránh những nguy cơ qui về mình những điều tốt lành. Nói như thế, ở một mức độ nào đó các tu sĩ cũng có thể hưởng dùng mọi sự trong tâm tình tạ ơn và chia sẻ phần nào cho những người túng thiếu. Chính thái độ sống bác ái này làm tăng niềm vui tốt lành chứ không dừng lại ở sự hả hê do vật chất no đầy mang lại.

Sống trong một nền văn hóa quá đề cao những bậc quyền thế, các tu sĩ được người khác đon đả, vồn vã chào mời thì không vì thế nhân phẩm các ngài được tăng lên hay nhân cách đời tu được thêm chất mà chúng tùy thuộc vào tư cách đáng tin cậy nơi các ngài. Không phải tửu lượng cao mà đáng người khác tôn trọng nhưng hệ tại hình ảnh một tu sĩ có Chúa ở cùng với một cung cách được kiểm soát và tiết chế đúng mức. Khi đó, các ngài không còn nghĩ về mình nhưng mở lòng ra với hết mọi người bằng những lời khích lệ được chắt chiu từ những giờ suy niệm và cầu nguyện bên Chúa. Đó mới là thứ men Chúa Giêsu muốn các môn đệ gieo vào lòng đời chờ một ngày khối bột dậy men đem lại hương thơm say khướt và niềm vui Tin Mừng đúng nghĩa.

Quả thật, trong Tin Mừng thuật lại những lần Chúa Giêsu và các môn đệ đến dự các bữa tiệc lớn nhỏ nhưng hầu như chúng luôn đi kèm với một sứ vụ nào đó của Ngài như tại tiệc cưới Cana hay tại nhà ông Giakêu. Ngài đi đến đâu là đem niềm vui và ơn cứu độ đến đó. Điều này gợi hứng cho cung cách hành xử nơi các tu sĩ là luôn ý thức đem Chúa và Tin Mừng đến cho mọi người, để cho dù có ai nói rằng các tu sĩ đi lại với quân ăn nhậu thì gương biến đổi của họ sẽ biện minh cho những hành động của các ngài. Và như thế, mỗi cuộc gặp gỡ là mỗi phúc lành của Chúa được sinh hoa trái là những tâm hồn hoán cải đích thực.

## Lợi ích và thiện ích

Xét theo nhãn quan tâm lý học, những của cải vật chất mà một tu sĩ ky cóp, sẽ chất chứa nhiều điều mà chúng ta sẽ phân tích sau đây. Tất nhiên, không phải mọi giả thiết đều đúng nhưng hy vọng chúng mở ra những suy tư mang tính thực tiễn hơn, phần nào chạm đến da thịt của mỗi người, ngõ hầu, qua đó, chúng ta càng nhận ra sự cần thiết về vai trò của tâm lý học trong đời tu.

Có những tu sĩ xuất thân từ những gia đình khó khăn – đây là chuyện rất bình thường và thông thường trong cảnh sống vất vả của người Việt. Nhưng chúng lại là vấn đề cho những người mang trong mình mặc cảm tự ti nào đó. Thế là, họ bước vào đời tu với mọi nhu cầu được chu cấp từ bề trên, họ tưởng mình đã thoát khổ và bước vào một đời sống vương giả. Ai ngờ tâm thức cũ vẫn trói buộc họ; mất kiểm soát, họ tìm bù trừ nơi tất cả những gì người khác ban cho. Vì không phải do công sức mình làm ra, họ sử dụng tùy tiện, thậm chí, còn tự cho mình là người ban phát quảng đại cho kẻ khác từ những của dư thừa. Khởi đi là một mặc cảm tự ti lại kết thúc là một mặc cảm tự tôn. Họ đi từ sự sai lầm này đến lệch lạc khác.

Trái lại, cũng có những người xuất thân như họ nhưng luôn ý thức phận nghèo mà không đòi hỏi, lấy cảnh sống vừa đủ làm niềm vui, và thế là họ đã chữa lành và tự thanh luyện một động cơ thiếu lành mạnh ban đầu. Những người này cũng sống chia sẻ với người khác như hình ảnh bà quá trong Tin Mừng, lại được Chúa đề cao; của ít nhưng lòng nhiều, chính ý hướng lành mạnh và tình yêu trao ban đã định hình một nhân cách vượt trội.

Như vậy, cả hai cùng cảnh sống, cùng được đào luyện trong môi trường thuận lợi lại sinh ra hai thái độ sống khác nhau, đó là do ý thức phản tỉnh của mỗi người. Thật vậy, chỉ những ai ý thức được tình trạng hiện tại và vị thế của mình trong cộng đoàn, họ mới sống vững chãi trong đời tu với một tâm thức đã được chữa lành.

Như chúng ta đã biết: thoạt tiên, có những điều đem lại lợi ích cá nhân và tức thời lại không đem lại thiện ích cho cộng đoàn, đó là khuynh hướng chủ nghĩa cá nhân. Họ nhân danh một thứ nhân bản yêu mình quá đáng mà vô tình làm chậm đà tiến của một cộng đoàn. Họ có lý khi lập luận rằng Chúa nói thương người như thể thương thân, nghĩa là phải biết yêu mình rồi mới biết cách yêu người. Thế mà thực tế, họ cũng không biết đâu là giới hạn cho một linh đạo yêu mình đúng nghĩa; để rồi lấy của chung phục vụ riêng tư hay vui hưởng trên những hoa trái không do công sức mình làm ra, lại còn hạ gục người khác bằng những trò tiểu nhân khiến gây nên những sự hiểu lầm nguy hại âm ỉ trong cộng đoàn.

Một cộng đoàn được hình thành qua nhiều giai đoạn, thế hệ này kế tiếp thế hệ kia, người hậu thế hưởng nhờ những thành quả do các thế hệ trước để lại. Thế mà, người này cứ việc hưởng dùng nhưng đồng thời phủ nhận những đóng góp của người kia, từ đó tạo nên một làn sóng bất mãn trong cộng đoàn, nên cớ vấp phạm cho những tâm hồn yếu đuối. Bởi đó, mọi lợi ích và thiện ích phải được đọc trong sự quan phòng của Thiên Chúa, Đấng làm chủ lịch sử.

Với những cộng đoàn có bề dày lịch sử, chắc hẳn, luôn có ít nhiều những thành phần già yếu bệnh tật, cần đào tạo và gây ý thức cho những thế hệ sau luôn trân trọng và tôn trọng những thành phần xem ra bất lực. Họ là những người đã một thời đóng góp và xây dựng cộng đoàn, chính họ không đòi hỏi gì nhưng những tu sĩ trẻ cần đọc ra những nhu cầu cấp thiết mà phục vụ nâng đỡ họ với tinh thần Tin Mừng, nếu không muốn nói là phục vụ họ như chính Đức Kitô. Xu hướng của một xã hội đề cao tính hiệu năng đã gạt bỏ những con người yếu thế, đời tu lại càng cần nêu cao gương lành bác ái như một chứng từ hùng hồn phần nào trả lời cho con người thời đại hôm nay.

## Nhu cầu tương giao

Dẫu biết rằng con người mang đặc tính xã hội, nghĩa là con người có nhu cầu tương tác và tạo tương quan với người khác để được đáp ứng nhu cầu cần thiết cho nhau trong cuộc sống và cũng góp phần xây dựng cộng đồng. Nói như thế, có nhiều người lại muốn sống tự lập và cô lập sẽ phủ nhận nhu cầu kết nối tương giao. Chúng ta cần khẳng định nhu cầu tương giao như là nhân tố thiết yếu quyết định đến tính sống còn của con người. Nói cách khác, tự cô lập là chết; còn kết nối tương giao là sống. Để hiểu rõ điều này, chúng ta chỉ cần xét đến một người cô lập, họ có thể tự nấu ăn nuôi sống mình nhưng những chất liệu mà họ dùng đến phải chăng chính họ tự trồng trọt mà có. Dẫu chăng có một giai đoạn nào đó, họ tự cung tự cấp thì sự sống ấy tồn tại bao lâu. Thế nên, con người không tương tác trực tiếp thì cũng gián tiếp; chẳng có ai tự mình tồn tại. Có thể nói, con người là một sinh vật yếu đuối nhất nên luôn cần đến tha nhân. Chỉ cần nghĩ đến một bào thai bé bỏng, chúng ta cũng nhận ra tính mong manh của phận người. Và khi ấy, chúng ta càng xác tín nhu cầu tương giao là một trong những nhu cầu căn bản của con người.

Điều này lại càng rõ nét hơn khi xét đến các tu sĩ sống trong một cộng đoàn. Mỗi tu sĩ cần xác tín rằng tôi cần người anh chị em để sống còn, tăng trưởng và làm cho cuộc đời tôi có ý nghĩa.

Có những tu sĩ dễ bị tổn thương tự cô lập mình trong phòng riêng, tránh tham gia mọi sinh hoạt của cộng đoàn, tránh ánh nhìn và tiếp xúc của người khác. Sau một thời gian, chính họ nhận ra mình trở nên dư thừa trong đời sống cộng đoàn. Khi ấy, họ mới trân trọng những không gian bên nhau cùng đọc kinh ca tụng Chúa, cùng quay quần bên bàn ăn để hưởng dùng trong tâm tình tạ ơn, để có sức khỏe phục vụ nhau và cộng đoàn. Có thể nói, kinh nghiệm về một cái tôi đơn độc là một thứ ảo tưởng.

Nếu tình trạng đơn độc là điều không thể tồn tại trong đời sống chung thì các tu sĩ được mời gọi mở ra cho anh chị em mình. Các tu sĩ thường diễn tả sự quý mến với người khác bằng những quà tặng. Tuy nhiên, phẩm chất tương giao không tùy thuộc món quà nhận được từ người khác. Có những tu sĩ vốn thực dụng, họ dùng món quà nào đó để kết nối và tạo ảnh hưởng nơi người khác thì đó chỉ là một cách lấy lòng trơ trẽn mà chẳng có chút phẩm chất thương yêu. Trái lại, có những người tế nhị, họ trao ban một lời khích lệ, một sự quan tâm âm thầm mà giá trị lại được bền lâu và ấn tượng.

## Cảm thức thuộc về

Một trong những vấn đề khá mới trong tâm lý học ngày nay mà chúng ta cần tìm hiểu, đó là *cảm thức thuộc về.* Đã hiện hữu trên cõi đời, mỗi người đều có nơi nào đó để thuộc về. Ở cấp độ phổ quát nhất, chúng ta thuộc về cộng đồng nhân loại, gần hơn là thuộc về gia đình, và cụ thể hơn, tôi thuộc về một dòng tu.

Cảm thức này là tâm tình và ý thức bên trong được diễn tả phần nào qua cung cách sống, cung cách ứng xử. Một người sống cảm thức thuộc về đúng nghĩa luôn quên mình phục vụ cho lợi ích chung. Vì thế, họ sống rất trách nhiệm, nỗ lực hết mình, trau dồi và phát triển tối đa các nén bạc Chúa trao hầu phục vụ theo đoàn sủng mình đã lãnh nhận. Cho dù, sống trong cộng đoàn hay tại ngoại, họ vẫn luôn ý thức bản thân là một tu sĩ và thuộc về một hội dòng. Vui buồn, vinh nhục họ đều trải qua và chịu trách nhiệm chung với số phận của cộng đoàn. Họ ăn uống ngủ nghỉ cũng là vì sức khỏe của hội dòng, họ học hành, vui chơi cũng là vì lợi ích cho nhà dòng. Tắt một lời, là thành viên của một cộng đoàn, họ sống chết vì vận mạng của cộng đoàn.

Để thấy rõ hơn về ý nghĩa của cảm thức này, chúng ta có thể quan sát một đàn nhím. Vào một ngày tiết trời lạnh giá, các chú nhím đã xích lại gần nhau để tạo thêm hơi ấm nhưng những chiếc lông quá cứng đã đâm vào nhau và tạo nên những vết thương trên mình. Sau thời gian tự chữa lành, chúng bắt đầu để ý và quan sát, vẫn xích lại gần nhau nhưng vừa đủ để không gây tổn thương cho nhau, và thế là chúng đã trải qua một mùa lạnh nhờ biết tạo hơi ấm cho nhau. Qua đó, chúng ta có thể rút ra một quan điểm sống trong cộng đoàn rằng để tránh làm tổn thương nhau thì cần xa đủ để tôn trọng nhau và gần nhau đủ để yêu thương nhau. Có thế, mỗi tu sĩ sẽ thực sự cảm nghiệm và sống triệt để cảm thức thuộc về cộng đoàn. Một khi bản thân đã cảm nhận rằng mình được tôn trọng và yêu thương trong cộng đoàn thì những khó khăn, thử thách chỉ là những cơ hội giúp cá nhân gắn kết hơn với cộng đoàn, đồng thời, là bản trắc nghiệm hữu hiệu cho một tâm hồn luôn hướng trọn về cộng đoàn.

Truyện kể về một người ngoại đạo đã chứng kiến gương chăm sóc bệnh nhân của các sơ trong một hội dòng kia mà bệnh nhân cũng là một sơ trong cộng đoàn. Ban đầu, người này đã tò mò tìm đến nơi các sơ ở, dần dà được các sơ cảm hóa, và quyết tâm theo đạo. Thời gian sau, cô lại quyết định đi tu với sự ngăn cản của gia đình và người yêu. Trong lúc, cô hồi tâm để chuẩn bị xưng tội với một linh mục, cô được thúc đẩy và nghe tiếng Chúa mời gọi dấn thân trong đời sống tu trì. Cuối cùng mọi người phải chấp nhận với quyết định tự do của cô. Quả thật, khởi đi từ một cuộc đối thoại ngắn đã phát sinh một ơn gọi đặc biệt, rằng:

-Tại sao các sơ phải tận tình chăm sóc sơ đau bệnh ấy.

Một sơ trả lời:

-Vì sơ ấy là người thuộc cộng đoàn chúng tôi.

Có thể nói, chính cảm thức thuộc về nhau ấy là cách diễn tả tình yêu phục vụ cách hữu hiệu hơn cả.

Những gì chúng ta vừa bàn đến là phần sáng của vấn đề, nhưng trong thực tế đời sống cộng đoàn vẫn luôn còn đó những góc khuất.

Thật vậy, chúng ta đang sống trong một xã hội đề cao chủ nghĩa cá nhân, thế nên, con người có xu hướng tự bo bo cho chính mình, thói ích kỷ này cũng len loi qua các cổng nhà dòng, mặc dù, chúng mặc với bộ mặt tinh tế hơn. Thay vì lo cho thiện ích chung của cộng đoàn, có ai đó lại nhân danh cộng đoàn, để trục lợi cho mình: ban đầu chỉ là một tương giao từ một người bên ngoài, dần dà, trở thành thân quen và những hệ lụy đi kèm. Đây là mặt trái của cảm thức thuộc về. Người ấy cũng thuộc về cộng đoàn nhưng lại tự mình tách ra khỏi nhịp sống của cộng đoàn. Cám dỗ này đã kéo theo những hành vi lệch chuẩn khiến ảnh hưởng đến nhân cách đời tu.

Ở một dạng thức khác, một tu sĩ vẫn sống cảm thức thuộc về cộng đoàn nhưng thay vì sống đúng vị thế của mình, họ lại ảo tưởng đưa mình lên, lấy mình làm trung tâm, và tạo ảnh hưởng cá nhân bằng cách kéo bè phái khiến dẫn đến nguy cơ chia rẽ cộng đoàn. Điều này thường xảy ra nơi các tu sĩ có chút tố chất lãnh đạo hay thuộc mẫu người hướng ngoại mạnh thích điều khiển và áp đặt quan điểm cá nhân mà không được bề trên tin tưởng và giáo phó cho một sứ vụ hợp sở trường. Tình thế càng trở nên trầm trọng khi đương sự không biết làm chủ bản thân, kiểm soát cảm xúc, họ trở nên thành phần bất mãn trong cộng đoàn.

## Khuynh hướng bị đồng hóa

Hạn từ này thuộc phạm trù tâm lý học nhưng chúng rất phổ biến trong thực tế. Chẳng hạn, khi bạn xem trận đấu bóng đá giữa đội tuyển Việt Nam bạn yêu thích và một đội nào đó, bạn sẽ đồng hóa cảm xúc của mình với tỉ số thắng thua của đội tuyển nhà. Nếu chỉ dừng lại cảm xúc vui buồn cùng đội tuyển thì không có vấn đề nhưng khi bạn xuống đường đi bão để diễn tả niềm vui và gây ra biết bao tệ nạn thì đó là một tình trạng chúng ta gọi là “bị giựt dây”.

Khuynh hướng này một khi chi phối một vài thành phần trong một dòng tu với một cường độ cao và thời gian dài thì sẽ gây xáo trộn trong cộng đoàn vốn trật tự lớp lang. Bởi đó, một người sống nhiều với cảm xúc tiêu cực thì năng lượng sẽ bị đốt sạch thay vì dồn hết tâm trí và sức lực vào sứ vụ hằng ngày hầu giúp xây dựng cộng đoàn. Một cây cảm xúc tiêu cực sẽ cho trái là sự tiêu cực, và những ai ăn quả ấy cũng lây lan sự tiêu cực. Nếu làn sóng này không được trấn áp và kiểm soát bằng những điều tích cực, lạc quan và siêu nhiên thì cộng đoàn dễ có nguy cơ chia bè phái.

Đến đây, có một phát sinh khá thú vị, chúng có thể áp dụng trong đời sống tu trì nhất là trong những giai đoạn đầu tìm hiểu của ứng sinh, nói như thế, không có nghĩa là những người tiến sâu trong hành trình tâm linh không mắc phải, vì chúng ta giả thiết rằng chưa ai đạt đến sự hoàn thiện nên mỗi người có thể mắc phải sự ấu trĩ nào đó trong đời sống mà dấu hiệu thấy rõ trong vấn đề chúng ta đang bàn, đó là sự đồng hóa giả tưởng. Nói một cách dễ hiểu, người ấy đang sống trong tình trạng ảo tưởng về chính mình. Nếu ảo tưởng này được hiểu là một sự nhìn nhận và đánh giá bản thân quá mức hoặc sai lệch thì nó chỉ mới dừng lại ở nhận thức của chủ thể. Khái niệm đồng hóa giả tưởng còn đi xa hơn nữa, chúng là một tình trạng “đánh tráo” chủ thể với đối tượng. Nói cách khác, cả hai bị đồng hóa vào nhau.

Điều này chúng ta có thể quan sát trong các sách Tin Mừng khi mô tả những nhà thông luật thời Chúa Giêsu, họ đã đồng hóa mình với một người công chính do giữ toàn bộ lề luật. Thật vậy, ai giữ trọn lề luật được ghi trong sách luật, kẻ ấy được coi là người công chính, mà chính họ tự phong mình là những kẻ giữ trọn lề luật từ những chỉ dẫn nhỏ nhặt nhất, thế nên, họ đồng hóa giả tưởng rằng mình là thầy dạy và là người công chính có quyền xét xử toàn dân. Sau khi đã làm rõ thuật ngữ này chúng ta có thể áp dụng chúng trong đời tu.

Có những thụ huấn sinh đã cảm xúc cuồn cuộn khi nghe đọc các sách đạo đức dẫn đường nên thánh, họ chảy nước mắt, dốc lòng quyết tâm yêu mến Chúa triệt để và tưởng chừng như mình đã đặt hơn một chân vào Nước Trời; người bị ảnh hưởng nhẹ thì tách dần ra khỏi đám đông trở nên lập dị, người khác bị nặng hơn thì khinh thường ra mặt những anh chị em cùng trang lứa. Và điều này sẽ dễ vượt qua khi họ chấp nhận bước vào một chương trình huấn luyện nghiêm túc giữa anh chị em mình.

Để thấy rõ tầm quan trọng của khuynh hướng này trong đời sống tu trì, chúng ta cần khai thác dưới góc độ tích cực, nghĩa là chủ thể hoàn toàn chủ động chịu đồng hóa và mang lại thiện ích lớn hơn.

Điều này chúng ta nhận thấy nơi gương của Chúa Giêsu trong biến cố chịu phép rửa tại song Giodan, khi Người hòa vào đám đông xin thánh Gioan làm phép rửa. Mặc dù Người là Đấng vô tội, nhưng chấp nhận đồng hóa mình giữa đám tội nhân hầu thánh hóa dòng nước ấy và là dấu chỉ đầu tiên cho phép rửa trong Thánh Thần hay việc Người đồng hóa nên là trẻ nhỏ và những người bé mọn, đến nỗi, ai giúp đỡ một trong những kẻ ấy là làm cho chính Người.

Gần thời với chúng ta hơn là gương của Mẹ Têrêsa Calcutta khi nhận giải Nobel hòa bình năm 1979, Mẹ đã đồng hóa mình với người nghèo khi nói: *Vì người nghèo và nhân danh người nghèo mà tôi có mặt ở đây*. Có thể nói, đây là một sự đồng hóa đến mức, mẹ sống trọn vẹn tâm tình của người nghèo.

Việc đồng hóa này càng thiết thực hơn khi áp dụng cho các nhà đào tạo. Có thể nói, đây là một tiến trình giúp các ngài dễ dàng đồng hành với những ai đang trong giai đoạn đào tạo. Thật vậy, khởi đi từ sự thông cảm, rồi đồng cảm bằng cách đọc ra những đòi hỏi của nền văn hóa đã ảnh hưởng từng người có liên hệ, rồi dấu chỉ thời đại, cộng thêm sự hiểu biết về khí chất, tính tình…của từng người mà tập bước đi bằng chính đôi chân của họ. Nhờ thế, các vị có trách nhiệm mới phần nào tự đồng hóa mình và cùng với Chúa mà giáo dục, huấn luyện và đồng hành cách hiệu quả với các ứng sinh.

Để kết thúc phần này, chúng ta cần học thái độ của Chúa Giêsu trong câu chuyện mà cha Anthony de Mello kể lại, rằng: Chúa Giêsu xem một trận thi đấu bóng đá giữa đội tuyển Công Giáo và Tin Lành. Trong quá trình thi đấu, đội Công Giáo ghi bàn trước, Ngài đã vỗ tay thật lớn như ủng hộ đội này, lát sau đội Tin Lành gỡ hòa, Ngài cũng tỏ lộ dấu vui mừng bằng cách la hò tán thưởng. Một tên cũng đang xem trận đấu bực mình, hỏi: Thế anh ủng hộ đội nào đấy ? Ngài trả lời: Tôi chỉ thưởng thức trận đấu và tôn vinh những bàn thắng đẹp. Quả thật, văn hào người nga F.M.Dostoyevsky có lý khi nói: “Cái đẹp cứu rỗi thế giới”.

Chúng ta sẽ thật sự bất ngờ khi ý thức rằng chính lòng thán phục cái đẹp sẽ giúp ta vượt qua khuynh hướng bị đồng hóa như bị cảm xúc mang tính tiêu cực và quá khích xui khiến, và dần dà chủ động trong việc tự đồng hóa nhằm đạt đến một thiện ích lớn hơn. Vẻ đẹp không chỉ tạo động lực mà còn là điểm đến cho một nhân cách tự đồng hóa mình trong một tổng hòa lớn lao hơn.

## Nhu cầu được cứu độ

Nghe đến hạn từ *cứu độ,* chúng ta có khuynh hướng nghĩ ngay đến những sự đời sau nhưng thực ra, đây là điều quan trọng giúp định hướng một đời sống hoàn toàn tự do chọn lựa giá trị thực ngay tại đời này. Nhu cầu ấy thường được phát lộ trong giai đoạn trưởng thành sau khi chủ thể đã trải qua nhiều cung bậc cảm xúc với những thất bại và thành công. Đến một lúc nào đó, con người nhận ra mọi sự đều vô thường, đó là lúc bản thân cần làm một cuộc lượng giá đúng nghĩa: *Đâu mới là thực sự điều tôi nhắm đến ?* Vì được lời lãi cả thế gian mà thiệt mất linh hồn nào được ích gì. Chúa Giêsu đã cảnh tỉnh chúng ta về một thực tại lớn lao của ơn cứu độ. Người đã đi từ thập giá đến vinh quang hầu mang ơn cứu độ cho mọi người, nhưng ngày nào còn sống, ơn cứu độ vẫn còn tùy thuộc sự tự do lựa chọn của mỗi người chúng ta. Chỉ khi nào thực sự xác tín vào sự cần thiết của thực tại này, chúng ta mới sẵn sàng làm mọi sự qui hướng về cùng đích. Nói cách khác, nhu cầu được cứu độ phải chi phối mọi hành động của chúng ta.

Chúng ta đã nhận thức và ý thức trong việc đánh giá nhu cầu được cứu rỗi là cần thiết và cấp thiết, quan trọng và hệ trọng trong tiến trình hình thành nhân cách. Điều còn lại là ý chí tự do cần lên chương trình dài hạn vì một tương lai cho cuộc cứu rỗi. Nhưng thực tế cho thấy, thông thường con người phải trải qua hai cực đoạn này rồi sau đó mới khả dĩ tạo lập thế quân bình trong nhân cách, đó là duy ý chí và thiếu ý chí.

*Duy ý chí*

Một dấu hiệu dễ quan sát và nhận thấy nơi tình trạng này là họ đánh mất kinh nghiệm về sự thống nhất chính mình. Nghĩa là họ tách rời ý chí bản thân ra khỏi các yếu tố khác của nhân cách quá khứ, ký ức, tưởng tượng, khuynh hướng, cảm xúc, đam mê và sức mạnh của thói quen hay tập quán. Chẳng hạn, một tu sĩ thông minh vận động có khả năng quán xuyến và tháo vác nhiều công việc thuộc kỹ năng chuyên môn. Sau một buổi thuyết trình về tầm quan trọng và lợi ích của việc đào sâu tri thức hầu trở thành một diễn giả, thầy đã quyết định xin bề trên ngưng việc thi hành sứ vụ mà giam mình trong phòng, đọc sách 8 giờ mỗi ngày. Sau một tuần lễ, thầy đổ bệnh và đành ngưng mọi dự định làm một diễn giả. Đơn giản vì thầy đã dồn hết sức tập trung và đốt hết năng lượng vào một việc không thuộc sở trường và đam mê của mình. Đến thời điểm này, người ấy không còn tin hoàn toàn vào năng lực của ý chí nữa. Đương sự quên rằng ý chí chỉ là một năng lực được vận hành trong toàn bộ kết cấu của một hữu thể hiện sinh. Nghĩa là, nó phải được hỗ trợ nhờ các yếu tố khác như những thói quen, tập quán, thái độ, cảm xúc. Một khi không hiểu rõ cách vận hành của cơ thể, họ chỉ làm cho tình trạng thêm căng thẳng. Với khí chất sôi nổi, thầy luôn xông xáo với những việc thuộc kỹ năng thao tác, chưa hề có thói quen dành nhiều giờ trên bàn giấy để nghiên cứu và chưa hiểu biết đủ về khuynh hướng đam mê của mình để chọn sách thích hợp thì gẫy gánh giữa đường cũng là điều dễ hiểu.

Đến đây, chúng ta đã thấy rõ người duy ý chí là người ảo tưởng rằng chỉ có ý chí sẽ giúp con người đạt được một mục tiêu. Thực ra, họ đã bỏ sót cả một quá trình chuẩn bị để đi đến thành công. Có thể trong phần lớn nhiều vấn đề đều được giải quyết bởi ý chí. Ngay cả khi ý chí mang tính quyết định sau cùng thì chúng ta cũng cần thừa nhận rằng luôn có cả một sự năng động của toàn thể con người ấy. Một khi đang bị nhức đầu và mất tập trung vì bị áp lực bởi công việc quá tải mà người ấy còn dùng ý chí bắt bản thân phải ngốn thêm một xấp tài liệu nữa thì tình trạng sẽ tồi tệ đến mức nào. Chính sự mất quân bình này dẫn đến việc trì trệ trong sứ vụ và ảnh hưởng cách nào đó đến ơn gọi trong nhịp sống cộng đoàn.

Để thấy rõ những dấu hiệu của người duy ý chí, chúng ta cùng phân tích một tình huống song song với việc giải thích sự kiện, nhờ đó, chúng ta có một vài ý niệm về mẫu người này. Tình huống này xảy ra khá thường xuyên trong giai đoạn đầu của tiến trình đào tạo mà thực tế cho thấy, nhiều nhà huấn luyện thiếu quan tâm đến vấn đề này, hậu quả không nghiêm trọng lắm nhưng gây nên những điều đáng tiếc trong tương lai cho các ứng sinh.

Chúng ta biết rằng khi bước vào nhà tập hay nhà thử, các thụ huấn sinh phải cắt đứt mọi liên lạc với bên ngoài từ những phương tiện truyền thông đến các mối quan hệ trong gia đình. Mặc dù, với một ý chí quyết tâm triệt để cắt đứt mọi liên hệ, họ vẫn là một người biết suy tư, cảm nghĩ, nhớ nhung…cả một lịch sử quá khứ về cuộc đời họ. Nếu các nhà đào tạo quan tâm đến từng hoàn cảnh gia đình và lắng nghe những chia sẻ tâm tình thì những tình cảm ấy sẽ nguôi ngoai phần nào; bằng không, đương sự sẽ dùng ý chí mà cự tuyệt hay phủ nhận những tình cảm cao quý ấy, mặc dù, mối liên hệ với gia đình còn quá mạnh mẽ. Họ tự ý dồn nén và từ chối cứu xét mọi khía cạnh liên quan đến thực tại ấy. Vô hình trung, họ trở thành người cứng cỏi thiếu nhựa sống khi phủ nhận những tình cảm bên trong. Đây là dấu hiệu đầu tiên dễ nhận ra nơi người duy ý chí.

Hệ lụy kèm theo của tình trạng này là sự mất kiểm soát về mặt tâm tư tình cảm. Nếu bản thân phủ nhận những tình cảm gia đình thì họ cũng không thừa nhận những tình cảm của anh chị em đồng tu. Họ trở nên nghiêm khắc trong tương quan, thiếu khả năng lắng nghe người khác trong tính cách và hoàn cảnh riêng biệt. Do sống thiếu thực tế, họ trở nên người bảo thủ và cố chấp trong những quan điểm cổ hủ. Một khi thiếu nhạy bén trong những tình huống và hoàn cảnh mới mẻ, họ trở nên đóng kín với thực tại hoặc hiểu biết chung chung, xử sự và ứng xử một cách máy móc thiếu tâm tình bên trong.

Thoạt nhìn, các nhà đào tạo dễ sai lầm khi đánh giá họ quá cao trong cung cách sống như một tu sĩ trưởng thành, có sự thích nghi rất mau lẹ trong đời tu và thậm chí là một người rất đạo đức; nhưng kỳ thực, trong họ là một khối mong manh dễ vỡ. Chúng ta không có quyền xét đoán rằng họ giả dối. Tuy nhiên, họ chỉ mới thay đổi những hành vi bên ngoài mà chưa có một chiều sâu tâm linh, nghĩa là cần thay đổi tận căn tự trong nếp nghĩ và quan điểm sống siêu nhiên. Cũng có những người đủ thông minh để vẽ ra một kiểu mẫu lý tưởng nào đó và trung thành bước theo, nhưng cần phải có thời gian để những xác tín bên trong đủ chín muồi mà diễn tả qua cung cách sống thực bên ngoài.

Ngoài ra, chúng ta cần kể đến một xác tín của người duy ý chí rằng mọi sự đều có thể thành toàn nhờ ý chí. Một khi không nhìn nhận những yếu đuối và giới hạn bản thân, họ đi từ thất bại này đến sai lầm khác, ảo tưởng đó gây nên một sự “bất hòa” trong tư tưởng và hành động khiến đương sự trở nên mệt mỏi và bất lực. Đó là chưa nói đến dấu vết của những tổn thương về mặt tâm lý.

Chúng ta cũng cần lưu ý đến một cám dỗ khá nguy hiểm với những người sống duy ý chí, khi ảo tưởng về việc có ý chí sẽ làm được mọi sự, họ xa rời với nhu cầu được cứu độ. Khi ấy, tự do sẽ được hiểu như là cách duy nhất giúp hoàn thiện bản thân. Nhưng thực tế, sự thành toàn của bản thân là một sự huy động toàn bộ sinh hoạt của chủ thể. Cụ thể hơn, ý chí cần đối thoại với nhu cầu được cứu độ để tìm ra giải pháp tốt nhất hầu đáp ứng nhu cầu này. Nếu thức ăn đáp ứng nhu cầu cho thể lý con người thế nào thì ý chí cũng làm vui thỏa cho đời sống tinh thần như vậy mà nhu cầu được cứu độ là nhu cầu căn bản của đời sống nội tâm; chắc hẳn, sẽ được ý chí “chiếu cố” trước hết.

Như thế, một điều họ cần rút ra trong giai đoạn này là kiên nhẫn với bản thân và trung thành từng những bước nhỏ trong hành trình tâm linh. Để được thế, ý chí thôi mưu toan chiếm vị trí trung tâm mà tập “thương thảo và thương thuyết” với các năng lực khác trong chủ thể, nhờ đó, họ được tự do phát triển và đáp ứng thỏa đáng phần nào nhu cầu được cứu độ.

*Thiếu ý chí*

Có thể nói, người thiếu ý chí là người chưa ý thức đủ về tình trạng tự do bản thân để tự kiến tạo một nhân cách đúng nghĩa. Từ đó, nhu cầu được cứu độ cũng không đủ năng lực thu hút sự chú ý của chủ thể. Kết cục, họ chấp nhận sống trong sự an toàn giả tạo do chính mình làm nên.

Thay vì sống theo lời khuyên của thánh Phaolô: quên đi chặng được đã qua mà lao mình về phía trước, họ lại chỉ chăm chăm chú chú vào quá khứ thất bại khiến chúng trở thành vật cản bước tiến của bản thân. Quả thật, một ý chí không đủ mạnh không thể khuất phục khó khăn. Họ luôn thấy những khó khăn trong mọi cơ hội mà không thể nhận ra những cơ hội trong nhiều khó khăn.

Họ không muốn đối đầu với xung đột không phải vì không có đủ sức lực và tài năng mà là do một tinh thần bạc nhược. Trong trường hợp này, chúng ta thấy rõ ưu thế thuộc về đời sống tinh thần. Trong đó, ý chí giữ vai trò thúc đẩy và định hướng hành động. Do thiếu ý chí, họ sống trong cộng đoàn như thể một thứ cây tầm gửi, nghĩa là cây chủ sống thì mình sống, cộng đoàn tồn tại thì mình sống còn và như thế, đời sống bản thân không thể triển nở và cộng đoàn cũng khó thăng tiến. Hệ lụy kéo theo của sự lệ thuộc này sẽ dẫn đến tác phong hấp tấp vội vã hoặc mù quáng chạy theo ý kiến của kẻ khác.

Nếu muốn, sẽ tìm *cách* và vì không muốn, họ tìm *cớ* để biện minh cho những hành động thiếu sót của mình. Họ tự nhủ phần bản năng tính dục trong tôi mạnh quá không thể cưỡng lại nổi và rồi chiều theo những ham muốn bất chính. Trong khi đó, vì lời khấn khiết tịnh, anh chị em cần dựa vào ơn Chúa hầu trấn át dục tình để mỗi ngày đến gần ơn cứu độ hơn. Thay vì phó thác mọi tội lỗi quá khứ cho lòng thương xót Chúa, họ lại nuôi trong mình những thứ mặc cảm của một thời đã qua. Hậu quả là đời sống của họ mất dần tinh thần và cảm hứng tươi mới; đời sống tôn giáo và đạo đức cũng trở nên máy móc và thất thường; sống khép kín và tách mình ra khỏi mọi tương giao…

Vì mất dần định hướng và ý hướng ban đầu trong đời tu mà ơn gọi trở nên bấp bênh và sứ vụ cũng kém phần mặn mà và chẳng thiết tha. Một khi không còn chấp nhận bước theo Đức Kitô trong đời tu, họ cũng không thể nhận thức nhu cầu bản thân cần được cứu độ.

Lược qua hai thái cực lệch chuẩn về vấn đề tự do, chúng ta đã phần nào cảm nhận những hệ lụy của chúng trong đời tu. Vì con người vốn mang thân phận mỏng giòn và nhận thức của con người cũng còn nhiều hạn chế, thế nên, các tu sĩ không thể tránh khỏi có những lúc “lạm dụng” tự do bản thân mà có những động thái lệch chuẩn. Tuy nhiên, chúng ta cần đề ra hai tiêu chí giúp bản thân tránh bớt những sai lầm.

*Tự do bị điều kiện hóa*

Một chú cá nếu biết qui tắc này chúng tự do ung dung bơi lội trong một vùng biển mênh mông, nhưng đến một ngày, chú muốn vượt rào tìm tự do trên bãi cát, thế là chúng chết khô. Đó là hình ảnh giúp diễn tả một thực tại trong đời sống.

Có người cho rằng đi tu mất tự do, nhưng kỳ thực, họ là người dễ sống tự do và đạt đến đích của tự do. Nếu hiểu tự do là sống với những giá trị cao cả thì trong đời tu, họ được trang bị mọi phương tiện để hướng dẫn họ đạt được những tầm cao và cuối cùng là đạt đến ý muốn của Thiên Chúa, và khi đó, họ đã đáp ứng phần nào nhu cầu được cứu độ. Ở đây, điều kiện hóa của một tu sĩ là đời sống cộng đoàn. Nghĩa là họ được tự do sáng tạo cuộc đời, thể hiện bản thân hay sống hoàn thiện trong đời sống cộng đoàn. Và trong sự quan phòng của Chúa. Mọi sự đặt để trong cộng đoàn đủ giúp họ hoàn thành ơn gọi và sứ vụ của mình.

Tuy nhiên, có một thứ điều kiện hóa chủ quan khá nguy hại mà đôi khi chúng ta bị “mặc định” sẵn do nhận thức và kinh nghiệm trong quá khứ. Chẳng hạn, việc một ai đó bị tổn thương do một người cha quá gia trưởng hay một người vợ thao túng chồng mình, họ bước vào đời tu với một nếp nghĩ như thế, chắc chắn, chúng sẽ chi phối phần nào những lối ứng xử của họ với những vị hữu trách. Thật ra, họ vẫn tự do nhưng họ đã bị điều kiện hóa bởi một quá khứ không tích cực.

Trái lại, khi nhìn nhận bề trên như một người luôn đồng hành và hiểu biết, đồng thời, thông cảm với hoàn cảnh của mình thì tác phong sẽ mang tính xây dựng hơn. Chính bầu khí này cũng giúp tạo thói quen lắng nghe nhau giữa bề trên và bề dưới, từ đó, tạo hòa khí trong đời sống chung, và tình huynh đệ trong cộng đoàn cũng được triển nở. Có thể nói, thái độ hồn nhiên và tích cực sẽ giúp ta ít bị điều kiện hóa để có thể sống sáng tạo và độc đáo trong từng hoàn cảnh.

*Tự do đi đôi với trách nhiệm*

Vì trách nhiệm trong cộng đoàn tu trì mang nhiều sắc thái hơn nên tự do cũng kèm theo nhiều yêu sách hơn. Vì mỗi tu sĩ sống cảm thức thuộc về nên một động thái dù mang tính cá nhân cũng giúp xây dựng hay phá đổ hình ảnh của một cộng đoàn. Thật vậy, trách nhiệm của một tu sĩ không dừng lại ở việc đang làm trong một xó bếp mà còn ảnh hưởng chung cho nhà dòng. Đó là xét ở góc độ hữu hình.

Ở cấp độ cao hơn, một người chỉ sống trong đan viện sau bốn bức tường như thánh Têrêsa HĐGS, thế mà trở thành bổn mạng các sứ truyền giáo. Quả thật, với tình yêu phục vụ, mọi biên giới đều được giãn ra đến mức tối đa. Có thế, chúng ta mới rõ, tự do của mỗi tu sĩ mang giá trị truyền giáo ngay cả những việc âm thầm không ai để ý và ghi nhận.

Một điều cần ghi nhận ở đây là trách nhiệm càng lớn thì ân phúc càng nhiều cho những tâm hồn sống tự do phát huy tối đa những nét độc đáo của bản thân để mưu ích cho cộng đoàn, Giáo hội và xã hội.

## Nhu cầu nên hoàn thiện hay nên thánh

Nhà tâm lý học Maslow đã đề ra năm nhu cầu trong đời sống con người và chóp đỉnh của tháp nhu cầu đó là hoàn thiện bản thân. Có thể nói, thuật ngữ *hoàn thiện bản thân* rất gần với quan niệm của người Công Giáo khi nhắc lại mệnh lệnh của Chúa Giêsu: Anh em hãy nên hoàn thiện như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện. Và trong cách nói thời nay, Giáo hội dùng hạn từ *nên thánh* như trong Tông huấn của Đức Phanxicô: Gaudete et Exsultate – *Hãy vui mừng hoan hỷ*, bàn về ơn gọi nên thánh trong thế giới ngày nay*.* Mặc dù, có hai cách hiểu khác nhau trong hai lãnh vực tâm lý và tâm linh nhưng một khi đã chấp nhận cùng dùng một thuật ngữ, đó là cách tốt nhất để đối thoại và tìm những điểm “giao thoa” khả dĩ giúp đời sống con người thăng tiến về mọi mặt.

Nếu chúng ta hiểu nhu cầu là xu hướng bẩm sinh hướng đến hành động[[6]](#footnote-6) thì việc đáp ứng một nhu cầu là chính đáng. Như vậy, nhu cầu nên thánh là một loại “mầm” có sẵn trong con người chứ không phải thứ gì con người đưa vào trong mình và mang tính tùy phụ. Khẳng định điều này vì theo cách hiểu phổ thông, nhiều người cho rằng mệnh lệnh *nên thánh* là phần thêm vào đề nghị của Chúa Giêsu, và đôi khi xa rời với thực tế. Nhưng một khi nhìn nhận đây là một loại nhu cầu tâm linh mà con người phải tìm kiếm cách thức hành động nhằm thỏa mãn nhu cầu này. Nếu cơ thể chúng ta đói - ăn, khát - uống thì phần đời sống tinh thần cũng được đáp ứng cách thích hợp hầu giúp hoàn thiện bản thân trong mọi khía cạnh thể lý, tâm lý và tâm linh.

Đã có một thời người ta cảm thấy nhu cầu như một điều gì không cao thượng lắm nên không đáng bàn đến, nhưng kỳ thực, các cấp bậc trong nhu cầu con người đều giúp đạt đến đời sống quân bình và hoàn thiện, và đạt đến lòng khao khát chính Chúa là Đấng đã đặt sẵn trong con người một nhu cầu khao khát chính Ngài. Bởi đó, hiểu được điều này, chúng ta càng thán phục công trình sáng tạo của Thiên Chúa nơi loài người, vì chẳng có gì là vô lý và vô nghĩa, mọi sự đều giúp con người qui hướng về Ngài, và như thế, nhu cầu nên hoàn thiện hay nên thánh mang một ý nghĩa và giá trị nhất định trong hành trình tâm linh của mỗi người.

Sau khi làm sáng tỏ nhu cầu nên thánh là điều tối cần thiết và cấp thiết trong đời sống tâm linh, chúng ta cần phân tích sâu hơn định nghĩa vừa nêu trên và phân tích một nhu cầu cấp độ thấp hơn như “nhịp cầu” giúp chúng ta hiểu ý nghĩa nhiệm mầu của Thiên Chúa khi đặt để nhu cầu nên thánh ngay trong cõi lòng mỗi người.

Như khẳng định trên: nhu cầu là xu hướng bẩm sinh hướng đến hành động, điều này được giải thích rằng xu hướng chứa đựng năng lực tinh thần giúp con người quyết định hành động.[[7]](#footnote-7) Chẳng hạn, ai trong chúng ta cũng thừa nhận nhu cầu muốn được người khác tôn trọng. Để đáp ứng nhu cầu này, bản thân cần huy động mọi năng lực tinh thần để thể hiện cho người khác biết rằng tôi là một người hữu dụng trong việc làm hay là người tri thức trong các tác phẩm của mình. Nếu thực lực, chúng ta sẽ dễ dàng tự tin trong cung cách ăn nói, phong cách ứng xử, còn nếu không có khả năng thực sự, chúng ta sẽ “vay mượn” hay diễn xuất cho ra vẻ như trưởng giả học làm sang. Cho dù dưới hình thức nào, chúng ta cũng phải huy động năng lực tinh thần để hành động. Từ đó, chúng ta dễ hiểu việc Thiên Chúa đặt để nhu cầu nên thánh như phần thiết yếu trong sự phát triển đời sống tâm linh, và Ngài cũng phú ban một nội lực với sức sáng tạo lớn lao giúp định hướng con người đạt đến chính Ngài.

Điều này chúng ta dễ chứng nghiệm trong đời sống của những người bước qua tuổi trung niên, sau những nếm trải thất bại và thành công, họ nhận ra trong mình một nhu cầu nào đó hướng về một Đấng thiêng liêng. Khát khao này không phải phát sinh sau những bước ngoặc của cuộc đời mà chúng đã tìm ẩn như loại than hồng bị phủ lên một lớp tro bụi nào đó. Một khi lớp bao phủ vô thường ấy bay đi, nhu cầu tìm về tâm linh sẽ được phát lộ và phát triển tùy theo khả năng mở rộng dung lượng của trái tim nơi mỗi người.

Thiết tưởng chúng ta cần đánh giá và nhận định một số vấn đề xoay quanh những gì chúng ta đang bàn để như một cách liên hệ thực tế và có hướng nhìn cụ thể hơn liên quan đến ơn gọi và sứ vụ trong thế giới hôm nay.

Ngày này nhiều Giáo hội địa phương đặt ra cho Giáo hội hoàn vũ một vấn đề nhức nhối do tình trạng thiếu linh mục quản xứ, rằng: người quản trị nhà xứ không cần là một linh mục. Có thể nói, đây là vấn nạn liên quan giữa ơn gọi và sứ vụ.

Như chúng ta biết những người chủ trương việc quản trị nhà xứ không cần đến cha xứ vì những người giáo dân có thể quản trị tốt hơn và chuyên nghiệp hơn, còn cha xứ chỉ có nhiệm vụ cử hành các bí tích trong đạo. Lập luận như thế xem ra giúp cho sự năng động của giáo xứ tốt đẹp hơn và chuyên nghiệp hơn để rồi dần dà có thể trở thành một cơ cấu trong guồng máy của nhà nước nào đó. Và rồi, một hệ lụy không thể tránh khỏi, giáo xứ vô tình trở thành một thành phần trong guồng máy chính trị. Nhưng họ quên rằng một linh mục được đào tạo bao nhiều năm để có thể trở thành một người đủ tư cách quản trị một nhà xứ, tất nhiên không phải đạt đến mức chuyên nghiệp như tiêu chuẩn xã hội đề ra mà là theo tinh thần của Giáo hội. Mặc dù một linh mục được đào tạo bao năm mà còn không tránh được khỏi những lỗi đang tiếc gây nên do đi trệch hướng đường lối của Giáo hội thì một người giáo dân cần được đào tạo bao năm để thi hành tốt nhất công việc này. Nói thế để thấy rằng chúng ta không thể tách rời ơn gọi và sứ vụ của linh mục là việc thi hành các bí tích củng cố và nuôi dưỡng đời sống các Kitô hữu, đồng thời, cai quản và chăm sóc từng con chiên được ủy thác cho mình.

Qua đó, chúng ta thấy việc không thể tách ơn gọi ra khỏi sứ vụ của một người sống đời thánh hiến. Chính hai mặt này đã bổ túc và làm phong phú cho nhau. Nếu bạn là tu sĩ chỉ để thi hành sứ vụ thì khi không còn thi hành sứ vụ nữa, bạn không còn là tu sĩ ? Quả thật, chúng ta không thể tách rời hai mặt của một thực tại. Điều đáng tiếc xảy ra là trong thực tế đôi khi việc thi hành sứ vụ quá tải lại ảnh hưởng tiêu cực đến ơn gọi và đã có trường hợp đáng tiếc phải dứt bỏ ơn gọi vì không thể lấy lại sự “quân bình” vốn cần thiết trong đời dâng hiến.

Ơn gọi được hiểu là sự hiện diện của chính vị tu sĩ trong Giáo hội, còn sứ vụ là những cách thể hiện ơn gọi trong sứ vụ mà họ được mời gọi đảm nhiệm. Vì nếu các tu sĩ không thi hành sứ vụ của mình trong việc phục vụ Giáo hội và xã hội với tư cách một con người của Chúa thì e rằng, những thành công bên ngoài không bằng một người được đào tạo chuyên nghiệp trong bộ máy nhà nước. Bởi đó, giá trị công việc mà tu sĩ đảm nhiệm được nâng lên chiều kích siêu nhiên nhờ bàn tay và con tim đã được thánh hiến cho Chúa.

Nếu hiểu đời tu chủ yếu mang tính đặc sủng, chúng ta sẽ dễ nhận ra Giáo hội đề cao ơn gọi của mỗi người, rồi từ đó theo tinh thần của Công Đồng Vaticano II, các tu sĩ sống “nhập thể và dấn thân” trong lòng Giáo hội, và khẳng định trong vị thế mà xã hội luôn ưu tiên cho người thuộc về Chúa. Việc nhập thể và dấn thân này đòi hỏi một sự vững chãi trong đời tu và trưởng thành trong ơn gọi, có thế, việc thi hành sứ vụ không khiến tu sĩ bị hòa tan, trái lại, giúp họ sống triển nở và phong nhiêu trong linh đạo của dòng. Đến nỗi, người đời có thể nhận ra cung cách của một thầy dòng Gioan Thiên Chúa, cha dòng Đa minh hay sơ dòng Mến Thánh Giá. Có thể nói, tùy mức độ thích ứng và uyển chuyển tích cực của các tu sĩ mà công cuộc truyền giáo của Giáo hội sẽ được Chúa chúc lành. Từ đó, sự hiện diện của một tu sĩ sống từ bỏ mọi sự mà phục vụ Chúa sẽ là một vấn nạn cho người đời vốn bon chen và chụp giựt. Chính thái độ lội ngược dòng ấy đánh động trong lòng người khác một khao khát sống siêu nhiên. Phần còn lại, hãy phó thác cho lòng thương xót Chúa.

Đi sát vào đời sống cộng đoàn, chúng ta cũng nhận ra những góc khuất. Nghĩa là có những tu sĩ do ảnh hưởng của trào lưu xã hội cách nào đó đã trải qua những giằng co về điều chính yếu và thứ yếu, ơn gọi và sứ vụ. Một khi tu sĩ không ý thức đủ ơn gọi là nền tảng căn bản cho đời dâng hiến, họ sẽ chạy theo sứ vụ như một nhu cầu thiết thực đến mức đánh đổi ơn gọi. Thật vậy, một khi sứ vụ đỏi hỏi chúng ta phải hy sinh một phần ơn gọi của mình thì mới gặp hái được thành công, bấy giờ, chúng ta cảm nghiệm mặt tối của sứ vụ.[[8]](#footnote-8) Nếu đầu óc của vị tu sĩ lúc nào cũng bám chặt vào sứ vụ và công việc ngay cả khi đang sống trong những giờ dành riêng cho Chúa thì đó là dấu hiệu quá tải. Việc xa rời thực tại này cho thấy họ quá căng thẳng và áp lực trong việc thi hành sứ vụ. Nếu xét từ góc độ sứ vụ thì đã rõ, còn nếu xét vấn đề từ phía chủ thể, nghĩa là do đương sự quá dính bén công việc thì cả hai đều cần điều chỉnh kịp thời. Bởi vậy, chúng ta sẽ nhận ra điều áp dụng cho khẩu hiệu của nhiều nhà dòng: *Hoạt động trong chiêm niệm và chiêm niệm trong hoạt động,* quả là một thách đố!

Cũng vì quá đề cao thành công bên ngoài mà nhiều nhà dòng có khuynh hướng sùng bái nhóm ưu tú nào đó, vô tình làm cớ cho họ kiêu căng mà nghĩ mình làm ích cho nhà dòng, rằng mình làm những việc ấy nhân danh nhà dòng, nhưng có thể không tránh khỏi những hình thức đề cao bản thân. Khi ấy, chúng ta mới hiểu tâm tình của thánh Phaolô khi nói: *tôi có là gì, cũng là nhờ vào ơn Chúa* (x.I Cr 15,10)*.* Ngoài ra, chúng ta có thể làm tổn thương những tâm hồn bé mọn, những người có ơn gọi sống âm thầm trước mặt Chúa. Để tạo cái nhìn trung lập và toàn diện hơn, các vị hữu trách cần đề cao nét đặc sủng độc đáo của mỗi người và mời gọi tái khám phá vị thế của mỗi người trong cộng đoàn và Giáo hội.Có thế, mỗi tu sĩ sẽ được tôn trọng và được đặt để trong mỗi không gian giúp họ triển nở và phong phú hóa tùy theo nén bạc Chúa trao.

Bên cạnh đó, chúng ta thấy có những người duy hiệu năng; họ bị cuốn vào việc thi hành sứ vụ như thể một nhu cầu sống còn mang tính quyết định cho đời dâng hiến,mà quên cả việc sống bên Chúa và tài bồi đời sống nội tâm. Sau một thời gian họ kiệt sức, và buộc phải ngừng mọi công tác. Câu trả lời đã rõ: sức người có hạn; chỉ có ơn Chúa và phúc lành của Ngài mới giúp con người sống và sống dồi dào. Vì quá đề cao công việc như thể chúng đem lại giá trị cho bản thân, một khi không làm việc được nữa, họ sống với mặc cảm có lỗi. Thật ra, cái lỗi không phải do họ không làm việc được nữa mà là do cách họ đánh giá sai lạc về thực tại đời sống, rằng lấy cái thứ yếu làm chính yếu và chạy theo như thể là điều thiết yếu trong đời tu.

Có nhiều nguyên nhân giải thích cho việc tu sĩ giây mình quá độ vào sứ vụ được trao:

-Xu hướng làm việc quá tải có thể là một cơ chế tự vệ chống lại việc phải đối diện với chính mình.[[9]](#footnote-9) Như chúng ta đã biết có những người không bao giờ chịu được sự yên lặng, nếu miệng không nói thì họ phải việc gì đó miễn sao cho bầu khí thật ồn ào. Vì khi yên lặng, họ trở về với lòng mình mà phải đối diện với bao ngổn ngang. Cũng vậy, có những tu sĩ lấy việc làm mà lắp đầy khoảng trống vắng trong tâm hồn. Bề trên có thể giao bao nhiêu việc cũng được chứ đừng bắt họ ở yên một mình. Nơi họ có một khuynh hướng tìm niềm vui trong công việc mà thật ra là bản thân tránh né việc thiêng liêng. Hễ ai nói đến việc nên thánh hay đời sống nội tâm, họ phản đối ra mặt như thể có kẻ làm tổn thương họ.

-Mặc cảm yếu kém: họ không tin vào việc mình có khả năng và đáng yêu, từ đó, họ tìm thể hiện mình trong công việc. Bất cứ ai giao công việc gì họ đều nỗ lực chu toàn, thậm chí, còn gợi ý và thăm dò ý muốn của người khác. Do mặc cảm, tu sĩ ấy sinh ra lo lắng quá đáng, từ đó, phát sinh nơi họ một nhu cầu đòi hỏi bản thân phải bù đắp cho sự yếu kém và bất toàn của mình, qua việc chứng tỏ năng lực bản thân trong công việc hầu cho người khác thấy và nhìn nhận bản thân có giá trị. Và để hoàn thành tốt công việc được giao, họ lấn luôn cả những giờ thực hiện việc đạo đức giúp củng cố và nuôi dưỡng đời tu. Một khi quá đề cao sứ vụ, họ bỏ bê và nhếch nhác với những gì liên quan đến ơn gọi, dần dà, dứt hẳn đời tu chỉ vì không cảm thấy có ý nghĩa.

Còn nhiều nguyên nhân nội tại và ngoại tại liên quan đến vấn đề thực hiện sứ vụ quá tải, nhưng không thuộc nội dung tập sách này. Từ những nguyên nhân vừa trình bày trên đây, người viết muốn nhấn mạnh đến chữ *Lợi* mà đôi khi vì một chút cái lợi trước mắt nào đó, một tu sĩ có thể liều đánh mất chính mình, xa rời ơn gọi của mình, và bỏ qua mối lợi tuyệt vời là được *biết* Đức Kitô, cái biết ấy là cái biết của con tim luôn biết rung động và khát khao sống kết hợp nên một với Người, Đấng là gia nghiệp duy nhất đời mình.

# THÚ

 Thông thường, từ này gây phản cảm cho người nghe khi đồng hóa chúng với phần bản năng hạ đẳng. Khi ai đó xem phần bản năng chỉ là phần “thú tính” nơi con người, và con người chỉ biết “chịu vậy” và không cưỡng lại được thì quả là thiển cận. Chúng ta cần trở lại khẳng định của Kinh Thánh trong cuộc sáng tạo con người và vạn vật, Thiên Chúa phán: *Mọi sự đều tốt đẹp.* Như thế, cả phần bản năng trong mình cũng có một ý nghĩa nào đó trong đời sống con người. Còn đối với các tu sĩ, họ càng học cho biết cách vận hành của phần bản năng, từ đó, ý thức chuyển hướng và thăng hoa hầu giúp củng cố và xây dựng nhân cách đời tu lành mạnh.

## Tính dục

Đã có một thời, tính dục bị các nhà đào tạo xem như một vấn đề nhạy cảm không nên bàn đến, nhưng khi thời đại kỹ thuật số bùng nổ và những thông tin liên quan đến chủ đề này được giới trẻ cập nhật liên tục thì các ngài lại bắt đầu tìm hiểu chuyên sâu và đề ra đường hướng đào tạo mới cho ơn gọi thời @ này.

Do nền văn hóa Á Đông vốn khép kín, vấn đề tính dục không được bàn nơi chung và có lúc cực đoan đến mức, từ đó, nền tu đức khinh thường thân xác được cổ xúy. Một khi con người chối bỏ thân xác, như thể chúng chẳng có ý nghĩa gì trong đời sống hiện sinh thì sẽ tạo nên một sự phân ly giữa xác và hồn, đồng thời, làm xói mòn đời sống tâm linh của con người.

Chúng ta biết rằng xác và hồn luôn là một thực tại tổng hòa trong hiện hữu của con người. Tất cả những cơ năng nơi thân xác và cách thức vận hành của năng lực tinh thần sẽ giúp định hình một nhân cách đúng nghĩa. Nếu không có biểu hiện của thân xác ấy thì không thể hình dung một nhân cách hiện sinh. Và trong đó, tính dục là nét căn bản giúp nhìn nhận nhân cách của một người nam hay một người nữ. Bởi vậy, tự thân tính dục không có gì là xấu xa hay tiêu cực.

Trái lại, có kẻ đề cao thân xác đến mức ưu tiên cho việc hưởng thụ tối đa, rằng: *chỉ có một đời để sống và hưởng thụ,* vì thế, họ tìm mọi cách cốt làm sao cho bản thân được thỏa mãn, cả trên thân xác người khác. Họ bảo nhau, thiên đàng trần thế và hạnh phúc trần gian là thỏa mãn mọi nhu cầu thân xác. Thế mà, các tu sĩ chẳng trả lời gì cho họ, chỉ biết sống một đời khổ chế và hy sinh mà lại còn xác tín rằng bản thân đang hưởng nếm tiền vị thiên đàng, quả là một thách đố!

Bên cạnh đó, có một quan niệm khác cũng gây nguy hại không kém cho đời sống Kitô hữu nói chung và đời tu nói riêng, đó là quan niệm thân xác và linh hồn như hai thực tại xung khắc nhau, vì người ta cho rằng nhục dục và tính dục thì trái nghịch với các giá trị Kitô giáo, thậm chí là những điều tội lỗi. Trong khi đó, nền linh đạo Kitô giáo toàn diện thì xem tính dục như một thành phần được nối kết cách nội tại với khả năng yêu thương, vì chúng ta giao tiếp với người khác trong tư cách là những con người có thân xác và có giới tính.[[10]](#footnote-10) Và với khả năng yêu thương một cách đại đồng và phổ quát, các tu sĩ biết thăng hoa đời sống tính dục mà sống khiết tịnh thực sự. Bởi đó, giới tu sĩ cần học cả đời để biết giá trị và ý nghĩa đúng đắn của thân xác, phái tính nam nữ với những đặc trưng về thể lý, tâm lý và tâm linh.

Tác giả Enzo Bianchi thật chí lý khi khẳng định rằng: “*Khiết tịnh không phủ nhận thực tại tính dục, nhưng tìm cách làm chủ các ham muốn tính dục được trao cho tất cả mọi người”.[[11]](#footnote-11)* Có người thể hiện cách làm chủ tính dục bằng cách *diệt dục,* đây quả là một sai lầm nếu không muốn nói là phi nhân bản, vì không ai chối bỏ phần bản năng của mình mà không nguy hại đến toàn bộ đời sống và nhân cách của họ. Bởi đó, người ta chỉ có thể chuyển hướng đối tượng, nghĩa là một người tự ý cam kết sống độc thân khiết tịnh, họ không tìm hưởng lạc trong thân xác chóng qua với một đối tượng hữu hình nhưng khả dĩ đạt đến niềm vui thiêng liêng trong Đấng làm cho tâm hồn được no thỏa.

Để phần nào tái lập sự quân bình trong tư tưởng và hành động, mỗi tu sĩ được mời gọi chiêm ngắm mầu nhiệm Nhập Thể, rằng Con Thiên Chúa đã mặc xác phàm và chấp nhận mọi hệ lụy của tính mỏng giòn và yếu đuối nhưng không hề phạm tội. Đó là câu trả lời thích đáng nhất cho những ai còn nghi kỵ về tính xác thực của tính dục nơi con người. Quả thật, Người đã đảm nhận thân xác ấy với một tính dục cụ thể, và đã thăng hoa mọi chiều kích nhân bản sống độc thân khiết tịnh nên gương mẫu cho mỗi người chúng ta, và Người đã hứa ban phần thưởng cho những ai sống như Người là: *Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch vì họ sẽ được ngắm nhìn Thiên Chúa.*

## Khoái lạc

Thêm một thuật ngữ nữa dễ gây hoang mang và bối rối cho những ai theo lập trường tu đức truyền thống. Họ không thể chấp nhận việc một tu sĩ bàn đến khoái lạc, nói chi đến việc sống buông theo khuynh hướng sa đà này. Đồng thời, ngày nay có một trường phái giải thích những chiều kích thiêng liêng liên quan đến đời tu một cách quá thế tục. Chẳng hạn, có một nhạc sĩ nhà đạo sáng tác một bản nhạc mang tên: *Giêsu chàng rể của cha mẹ.* Trong đó, tác giả quãng diễn ý tưởng một nữ tu kết tình phu thê với Giêsu, làm chàng rể cho mẹ cha…Nghe qua ca từ, ai đó có thể đánh giá tác giả rất hiện sinh khi khai thác ý tưởng mới mẻ này, nhưng kỳ thực, đây là một sự đánh tráo nguy hại và lập luận sai lạc. Thật vậy, việc một tu sĩ kết duyên cùng Giêsu là việc của một linh hồn trong đời sống nhiệm hiệp cùng vị Tân Lang theo cách nhìn của các thánh thần bí, chứ không phải Chúa Giêsu trở thành chồng của nữ tu ấy và từ đó, cha mẹ có một chàng rể mang tên Giêsu. Đưa những gì thánh thiêng ra khỏi “môi trường sống” của nó là phàm tục vậy. Để rồi, có người đã đi xa hơn khi giải thích rằng: như thế, việc thánh Bênadô hay thánh Gioan Thánh Giá đã kết giao một cuộc hôn phối thiêng liêng với Chúa Giêsu là không thể. Chúng ta cần khẳng định rằng: đây không phải là việc kết giao theo nghĩa tính dục thông thường.

Từ đó, chúng ta có thể giải thích việc khoái lạc trong đời tu. Tác giả Lalande nói: *Khoái lạc tinh thần là trạng thái cảm tính dễ chịu. Khoái lạc vật chất là sự thỏa mãn các khuynh hướng về cảm giác.* Điều này có thể áp dụng cho tất cả mọi người kể cả các tu sĩ. Thật vậy, khoái lạc bao gồm những khoảnh khắc thăng hoa trong đời sống mà Thiên Chúa đã đặt để trong qui luật tự nhiên ở cuối một tiến trình nỗ lực. Một tu sĩ cũng có thể hưởng niềm vui thú khoái lạc vật chất vì tìm được sự thỏa mãn khi hoàn tất một sứ mạng được giao. Để có một sự thành công nào đó, tu sĩ ấy đã phải lao tâm khổ tứ, thậm chí, phải hy sinh những không gian riêng tư, ép mình vào kỷ luật…và họ đáng hưởng sự khoái lạc ấy do công khó tay mình làm nên. Tuy nhiên, các tu sĩ không dừng lại ở niềm hứng khởi cỏn con ấy mà cần nhắm đến một sự hữu ích thiêng liêng là giúp cộng đoàn sống chiều kích truyền giáo. Nếu nói như Đức Phanxicô: *Giáo hội không truyền giáo, không còn là Giáo hội*, cũng vậy, một cộng đoàn không sống tinh thần truyền giáo, không còn là cộng đoàn nữa. Bởi vậy, những khoái lạc mà một cá nhân thụ hưởng chỉ là phần thưởng giúp bản thân tiếp tục phục vụ, và cũng là không gian giúp đương sự giải tỏa những căng thẳng và áp lực do thời gian chuẩn bị trước khi hoàn thành. Đây cũng là một yếu tố mà các nhà tâm lý học khuyên thực hiện với hạn từ “tự thưởng” sau mỗi chặng đường khó khăn mà chủ thể đã vượt qua. Do chưa hiểu đủ tác dụng tích cực của vấn đề này mà nhiều tu sĩ quá khắt khe với bản thân lại làm đánh mất đi những khoảnh khắc sống cho chính mình cách lành mạnh.

Dù khoái lạc vật chất hay tinh thần, các tu sĩ luôn sống trong tâm tình tạ ơn, và có thế, họ sẽ không quá dính bén vào những thực tại chóng qua mà sống kết hợp với Đấng luôn quảng đại ban phát mọi ơn thiêng cho linh hồn được sống dồi dào trong cộng đoàn và sống sung mãn trong tình yêu Chúa.

Tưởng cũng cần nói đến một thứ khoái lạc xác thịt mà đã được Giáo hội nhìn nhận là lành mạnh khi nâng đời sống hôn nhân lên hàng bí tích. Còn nơi các tu sĩ, linh hồn cũng được thông hiệp với Đấng Tình Quân, cũng được tỉ tê từ những lời tình tứ và được “mơn trớn” bằng biết bao ơn thiêng. Có thể nói, việc khước từ đời sống hôn nhân đã cho họ một trải nghiệm về sự thanh thoát rảo bước trên đường về Quê Trời. Cho dù là những khoái lạc xác thịt hay siêu nhiên cũng sẽ chóng quá nhưng còn đọng lại trong ký ức của các tu sĩ về một mối tình với Đấng là Tình Yêu. Có thế, khi vất vả, đau thương tưởng chừng không vượt qua được thì ký ức tích cực ấy sẽ giúp họ vững tin luôn vào sự quan phòng yêu thương của Thiên Chúa. Đó là điều chúng ta học được từ kinh nghiệm của dân Do Thái khi gặp khó khăn hay thử thách luôn tuyên xưng một Thiên Chúa uy hùng đã cứu thoát cha ông họ vượt qua Biển Đỏ. Đối với kinh nghiệm xa xưa của cha ông còn gợi lại cho họ niềm xác tín vững mạnh như thế, phương chi, đây lại là những trải nghiệm bản thân, chắc chắn sẽ còn tạo nơi chúng ta một niềm hứng khởi gấp bội; từ đó, khoái lạc được hiểu như một thứ thuốc giảm đau giúp cho mỗi người vượt qua những cản trở mà tiến gần Chúa hơn.

## Sự thân mật

Chúng ta cần khẳng định ngay rằng sự thân mật không phải là thứ độc quyền của phái nữ; có lẽ, vì người nữ sống nghiêng chiều về cảm tính, dễ bộc lộ cảm xúc, còn đàn ông có tiếng là người mang trái tim lạnh, hay đúng hơn, phần lớn các chàng thiên về quyền lực mà quyền lực là mặt tối của sự thân mật. Nhưng dù công khai hay kín ẩn, sự thân mật là một nhu cầu không thể thiếu của con người. Thật vậy, chúng ta vẫn đề cao nhu cầu yêu và được yêu trong tương giao xã hội thì sự thân mật sẽ là bản trắc nghiệm hữu dụng cho một tương giao hai chiều.

Trong đời sống gia đình, sự thân mật đôi khi được diễn tả qua việc hai người kết hợp trong cùng một thân xác. Nhưng đó không phải là cách duy nhất giúp người ta sống gắn kết với nhau. Vì người ta có cả một ngày sống, một đời để sống yêu thương và tôn trọng nhau trong trách nhiệm là vợ hay là chồng. Cũng vậy, có một cách hiểu về sự thân mật trong đời tu khi một cộng đoàn toàn những người đồng giới (cộng đoàn nam hay nữ). Nhưng nơi các tu sĩ, sự thân mật ấy có phải là tình trạng bù trừ của khoái cảm xác thịt?

Xét theo cấp độ hiện hữu, con người gồm xác và hồn, trong đó, phần tinh thần cao hơn thể chất. Vậy sự thân mật được hội tụ từ những vuốt ve, mơn trớn trên cơ thể, chúng chỉ để lại một chút khoái cảm trên thân xác của ai đó, và đồng thời, chúng diễn tả một mức độ nào đó sự thân mật của hai người yêu nhau, nhưng điều đọng lại chính là tình yêu trao dâng dành cho đối tượng yêu thương. Nơi các tu sĩ sống đời độc thân, họ vượt qua những khoái lạc vật chất để thăng hoa trong niềm vui tinh thần nơi Thiên Chúa. Và trong đời sống cộng đoàn, họ diễn tả cụ thể sự thân mật với một số người mà họ tin tưởng hơn. Tất nhiên, sự thân mật lành mạnh trong mức độ tôn trọng và yêu thương của hai người đồng giới. Bởi đó, có thể nói các tu sĩ sống với nhau cách siêu vượt giới tính. Điều này không có nghĩa nhân cách của họ lệch lạc nhưng chúng đã được định hình khi bước vào đời tu (xét theo góc độ tính dục).

Cũng có thể xảy ra trường hợp bù trừ, điều này được giải thích không phải dựa vào hiện tượng nhưng do động lực nơi chủ thể. Chẳng hạn, có những người tìm bù trừ sự thân mật trong một tương giao thiêng liêng nào đó. Nói như thế, không có nghĩa là mọi mối liên hệ này đều bù trừ. Đến đây, chúng ta cần gợi ý một qui tắc hành động: *gần nhau đủ để yêu thương nhau và xa nhau đủ để tôn trọng nhau.* Cái *gần* hay *xa* ấy được xét trong không gian vật chất và tinh thần. Không gian vật chất thì chúng ta có thể đo lường, còn dung lượng trái tim thì bất khả, biết đâu trong một khoảnh khắc nào đó, ta để cho trái tim in dấu một bóng hình. Như thế, vị tu sĩ ấy đã ngoại tình trong lòng vì lấy ai đó lắp đầy khoảng trống của trái tim vắng bóng Thiên Chúa.

Cũng cần ghi nhận một sự thật rằng những người đang bị tổn thương khó sống tình thân mật. Tâm lý chung của những người này, họ thường khép kín bản thân, chỉ điều này cũng đã khiến họ khó thiết lập một tương giao đúng nghĩa, nói chi đến việc sống thân mật. Và nếu họ không dám đối diện với tổn thương của mình mà đi tìm những tương giao bên ngoài để bù trừ thì sẽ có hai tình huống xảy ra: Một là, họ sẽ luôn bảo thủ và không dám cởi mở vì thiếu tin tưởng chính mình và đối tượng, hai là, họ sẽ bám dính vào đối tượng kia vì sợ mất họ, và từ đó, họ trở thành một kẻ lệ thuộc tình yêu. Tắt một lời, sự thân mật không thể tồn tại nơi một nhân cách chưa đủ trưởng thành. Từ đó, chúng ta có thể khẳng định rằng: Khả năng tương giao thân mật với người khác là dấu hiệu của sự phát triển tâm lý, và chúng ta chỉ có thể tương giao thân mật với người khác trừ phi chúng ta ý thức về căn tính của mình và trưởng thành ở mức độ nhất định nào đó.[[12]](#footnote-12)

Một điều khá thú vị rằng những mối tương quan thân mật có thể giúp ta biết mình hơn và có khả năng yêu thương nhiều hơn. Giả thiết rằng hai cá thể khác biệt luôn có những nét khác nhau nên không tránh những xung đột cách nào đó, nhưng đá càng cọ xát càng tròn, ngọc càng mài dủa càng trong, nhờ việc chấp nhận đương đầu và giải quyết những vấn đề xung khắc mà hai bên hiểu nhau hơn và biết mình hơn. Nhờ đó, mức độ sự thân mật cũng tăng theo tỉ lệ thuận với niềm tin tưởng hai bên dành cho nhau.

Cũng trong chiều hướng đó, một khi hiểu biết mình đủ, chúng ta dễ “xóa mình”, bỏ qua những tự ái vụn vặt mà bồi đắp cho tình thân vì ý thức rằng giá trị của tương giao lớn hơn bản thân mình. Khi ấy, cách xưng hô cũng thay đổi không còn *tôi* và *anh* nữa, nhưng là chúng ta. Ở đây, *chúng* *ta* không có nghĩa là sống trong tình trạng *hòa* *tan*, song là hai cá thể ý thức sự hiện hữu của mình trong một tổng hòa lớn hơn. Đây cũng không phải là hai cá thể đánh mất chính mình trong một ý thức hệ sai lạc mà là một sự *cộng hưởng* qua lại giúp nhau đạt đến chiều kích *cá biệt hóa,* nghĩa là cả hai đã vượt qua những hình thức ấu trĩ và những tổn thương riêng để đi đến một cam kết dấn thân không đòi quyền lợi mà vì thiện ích chung.

Có những dấu hiệu giúp nhận ra những tương giao thân mật trong đời sống cộng đoàn. Trước tiên, chúng ta cần ghi nhận họ được tự do sống như *mình* *là.* Ngay cả việc sống một mình cũng cần có những qui tắc chỉ dẫn giúp bản thân tuân theo một kỷ luật nào đó thì giữa hai người sống thân mật cũng có những nguyên tắc chung trong cách xử sự mà vẫn không làm ảnh hưởng đến tự do của nhau. Thế nên khi tôn trọng những qui ước chung, họ càng tỏ ra yêu thương và trân trọng nhau hơn. Có thế, mỗi người hoàn thành sứ mạng được giao, đồng thời, xiết chặt thêm tình thân ái. Nếu một ai không tìm được sự thỏa mãn cách nào đó nơi nhu cầu thân mật này thì họ sẽ tìm chúng bên ngoài cộng đoàn, và với thời công nghệ hiện đại, họ càng dễ lấn sâu và hệ lụy là sẽ sao nhãng việc bổn phận trong cộng đoàn mà thay vào đó, là giờ tiếp khách không mời mà đến.

Kế đến, chúng ta nhận ra nơi mối tương giao thân mật là bản thân có thể duy trì và phát triển tất cả những gì là của mình. Thật vậy, khi tâm lý cả hai bên đều thoải mái, không gian dễ chịu, đây là điều kiện khá tốt giúp bản thân phát triển về nhiều mặt, và nhờ sự hỗ trợ, nâng đỡ hay khích lệ của người kia mà họ dễ dàng phát huy mọi ưu thế, và nếu có những lời góp ý chân thành, họ lại có dịp khắc phục những thiếu sót cách nào đó mà nên hoàn thiện mỗi ngày.

Sau cùng, việc không sợ hãi, không bị loại trừ hay bị trừng phạt khi gần gũi với người kia là dấu hiệu chắc chắn cho một tương giao thân mật. Điều này đã được tác giả Enzo Bianchi đúc kết trong một tư tưởng: “Khi người kia dần dần thoát khỏi nỗi sợ hãi của mình, khi họ bỏ lại phía sau nỗi sợ hãi và sự rụt rè làm họ bị nô lệ, thì đây chắc chắn là dấu chỉ cho thấy mối tương quan đã được sống là tốt đẹp”.[[13]](#footnote-13) Chúng ta đã từng kinh nghiệm về một tương giao phát sinh những hình thức tiêu cực thế nào, chúng sẽ bóp nghẹt và bóp chết những mầm non sáng tạo của tình thân ấy, khiến cả hai bên không thể phát triển tài năng và tâm lý bình thường. Nói như thế, không có nghĩa rằng chúng ta tránh những hình thức ảnh hưởng lên nhau, vì biết rằng hai người không thể ngang bằng nhau cả trên một phần tài năng, chứ chưa nói đến tính độc đáo riêng nơi mỗi người. Đôi khi, lúc này người này mạnh thế, người kia nhún nhường; ở tình huống khác, người này sáng suốt, người nọ lại giằng co, điều quan trọng là cả hai cùng nhận ra thiện chí của nhau và giúp nhau vượt qua và trưởng thành. Chính những lúc gặp khó khăn và thử thách mới là bản trắc nghiệm thực sự cho một tình thân mật bền lâu.

## Tự do hay lệ thuộc

Chúng ta lại trở về với chủ đề tự do nhưng được xét dưới khía cạnh mới trong mối liên hệ với tính lệ thuộc. Qua việc đào sâu đề tài này, người viết muốn đề cao sự tự do trong việc sống và hình thành nhân cách trưởng thành. Quả thật, chỉ có những người thực sự tự do mới khả dĩ sống cởi mở với mọi tương quan và không bị trói buộc hay lệ thuộc sự gì, có thế, họ sống trao ban và nhận lãnh cách khiêm tốn trong tư cách là một người được thánh hiến thuộc về Chúa.

Nếu trong bí tích Hôn nhân, một trong hai người tuyên bố rằng thiếu tự do trong quyết định kết hôn thì bất thành, còn trong việc tuyên khấn, khấn sinh có hoàn toàn tự do không thì chỉ có đương sự và Thiên Chúa biết. Đối với những ai không mắc ngăn trở, họ cần hiểu tự do thế nào và sống nó triệt để trong đời tu hầu đem lại cuộc sống tươi vui hạnh phúc, và đó là dấu chỉ thiên đàng trần gian. Một trong những dấu chứng cho thấy một tâm hồn tự do trong nhà Chúa là luôn sống tâm tình tạ ơn, vì ý thức bản thân đang được nhận lãnh một ân huệ nhưng không đến từ Thiên Chúa. Tác giả Enzo Bianchi cảnh báo rằng: “*Nếu đời sống độc thân xuất hiện như một sự bó buộc, một lối sống áp đặt thì người ta sống nó mà không nhất thiết phải biết ơn, và cuối cùng nó trở nên một gánh nặng không thể chịu đựng được”.[[14]](#footnote-14)* Có thể nói, chính yếu tố tâm lý này sẽ kéo theo việc suy thoái nghiêm trọng về cảm xúc và liên lụy đến các mối tương quan trong cộng đoàn.

Xét tự do trong việc giữ lời khấn khiết tịnh, chúng ta không thể bỏ qua câu nói đầy ý nghĩa của thánh Gioan Kim Khẩu: “*Về mặt thiêng liêng, một trinh nữ có thể trở thành cô gái điếm và một cô gái điếm có thể trở thành trinh nữ trong nhiệm cục cứu độ của Chúa Kitô”.[[15]](#footnote-15)* Chúng ta cần lưu ý việc thánh nhân sử dụng đối tượng cô gái điếm đặt đối trọng với trinh nữ, ở đây, ngài đề cao thái độ nội tâm mà một cô gái điếm khước từ xu hướng quyến rũ đàn ông ve vãn mình, trái lại, một trinh nữ có thể lỗi đức khiết tịnh vì đã sử dụng khả năng quyến rũ mà lôi cuốn người khác, trói buộc mọi người với chính mình.

Nếu hiểu tự do là sống triển nở trong yêu thương thì lệ thuộc lại khiến con người ở lại trong tình trạng ấu trĩ. Tình trạng lệ thuộc này càng tạo thêm áp lực cho việc tuân giữ lời khấn khiết tịnh. Thay vì những hướng dẫn của lời khấn giúp ta định hướng cụ thể ngày sống của mình thì chúng càng tạo thêm áp lực khiến các tu sĩ cảm giác nặng nề và muốn buông xuôi. Một khi không còn ý thức đủ giá trị cao cả của lời khấn, bản thân thiếu cảnh giác, dễ sa vào cạm bẫy của ma quỷ được mặc lấy bằng sự quan tâm đặc biệt của một người bạn qua đường. Từ đây, Chúa không còn giữ vị trí ưu tiên trong tâm trí và con tim của tu sĩ mà là một ai khác. Đây là hình thức ngoại tình trong đời sống tâm linh.

Nếu người lệ thuộc vốn tìm sự khẳng định bản thân nơi cách đánh giá của người khác thì hễ khi làm một việc gì, họ cũng quan sát động thái của đối tượng xem người khác có đồng ý với quan điểm của mình không. Thay vì mọi công phúc đều được qui về Chúa thì họ lại “ăn xin” một chút ánh mắt xót thương nơi người khác; thay vì mọi sự đều hành động trong sự hiện diện của Chúa thì họ chỉ đau đáu vào một ai đó trong cộng đoàn, và mất dần sự khiết tịnh trong tư tưởng.

Tác giả Enzo Bianchi đã chia sẻ kinh nghiệm khi sống trong cộng đoàn: Nếu một tu sĩ để một ngày sống của họ phụ thuộc với những chỉ dẫn ám ảnh từ một người khác, bởi vì tinh thần của họ bị xâm chiếm bằng sự hiện diện của người đó và nó trở thành mối quan tâm đầu tiên của họ, nếu họ cần gặp hoặc gọi điện thoại cho người đó mỗi ngày, lúc đó họ không sống độc thân thánh hiến, cũng chẳng yêu mến đời tu và họ làm tổn hại nghiêm trọng đến giao ước huynh đệ.[[16]](#footnote-16) Qua đó, chúng ta nhận ra cám dỗ này thường thấy nơi các cộng đoàn, đây là dịp mỗi người cần thanh luyện ý hướng thuộc về Chúa, và “giải mã” những tình bạn khiến bản thân không thể tiến sâu trong việc làm chủ những cảm xúc của mình.

Một khi đã thực sự sống tinh thần tự do của một người sống đời khiết tịnh, chắc hẳn, chúng ta sẽ dần khám phá một thực tế ngược lại là chúng ta cần lệ thuộc nhiều hơn, có điều là lệ thuộc vào ai. Giả như một cây tầm gửi sống lệ thuộc vào thân cây chủ, nó hút hết dưỡng chất của thân cây mà nó lệ thuộc vào, dần dà, cây chủ mất sức sống rồi chết đi, nó cũng chẳng còn tồn tại. Còn nếu chúng ta lệ thuộc vào Đức Kitô, Đấng là nguồn sống thì ta có hút dưỡng chất cả đời thì Người vẫn là vậy, còn ta lại được thần hóa nhờ sức sống thần linh ấy. Đó là sự lệ thuộc đáng ước ao mà Giáo hội mời gọi mọi con cái mình, cách riêng những người sống đời thánh hiến chứng nghiệm trong đời sống tâm linh. Có thế, mỗi ngày ta sẽ nên giống như Người và để cho Người làm chủ vận mệnh đời ta.

## Tự do trong yêu thương

Một trong những điều kỳ diệu mà cuộc sống mang lại là chúng ta được tự do yêu thương. Bất cứ ai đều được quyền đi tìm một nửa của đời mình. Các tu sĩ cũng được mời gọi đi tìm một nửa kia, nhưng lại mang hình bóng của Giêsu. Một tình yêu nhân loại có thể sống chiều kích nên một với nhau cả trong thể xác và tinh thần, còn các tu sĩ lại để cho Chúa chiếm trọn đời mình và nói như thánh Phaolô: *Tôi* *sống*, *nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Kitô sống trong tôi* (Gl 2,20)*.* Chính việc nên một trong tinh thần này mà mỗi tu sĩ có thể yêu bất cứ ai bằng chính sức mạnh của tình yêu Đức Kitô, một tình yêu nhưng không và chẳng chiếm hữu.

Vì các tu sĩ không yêu riêng một ai, nên họ có thể yêu thương tất cả mọi người cùng một tình yêu đại đồng, và họ cũng là đối tượng yêu thương, người yêu của mọi người. Theo chiều hướng đó, các tu sĩ được tự do muốn làm gì thì làm, miễn sao, bản thân cần chịu trách nhiệm cho vận mạng thế giới trong nhiệm cục cứu độ. Thật vậy, họ được yêu bất cứ ai mà không bị một cản trở nào làm cho suy giảm năng lực tình yêu. Nhưng sống yêu thương là cả một nghệ thuật, nếu không muốn nói là rất siêu nhiên. Một tu sĩ trưởng thành không thể để cho cảm xúc dẫn dắt khiến yêu thương chỉ bằng sức riêng mình, và nếu càng cố chịu đựng theo nghĩa sống hy sinh, chỉ làm cho đương sự trở nên cứng cỏi và chai lỳ với cảm xúc chóng qua. Tình yêu ấy chỉ được thăng hoa theo nghĩa siêu nhiên, khi các tu sĩ biết yêu bằng con tim của Đức Kitô, hơn nữa, yêu thương mọi người vì họ là hiện thân của Đức Kitô. Có thế, đức khiết tịnh có thể được bảo toàn vì tình yêu ấy được thúc đẩy bởi chính tình yêu của Đức Kitô.

Chúng ta vẫn nghe câu nói: *bỏ thì thương, vương thì tội.* Đây không phải là một tình yêu đúng nghĩa mà chỉ là một thứ thương hại, nghĩa là thương thì ít mà hại nhiều hơn. Một sự lệ thuộc như thế nếu không khiến đánh mất chính mình thì cũng không thể giúp họ sống trưởng thành và chịu trách nhiệm cho tác động tự do trong yêu thương.

Tự do chỉ đạt được mục đích cao cả khi con người biết thuận theo ý Đấng đã ban cho con người tự do. Nếu hỏi Chúa ban cho con người tự do để làm gì thì các thánh đã trả lời thay cho Ngài bằng chính đời sống của mình, rằng con người được ban tự do để yêu thương Đấng tạo thành nên họ. Và điều đặc biệt là: Đức Kitô đã tự đồng hóa mình với những kẻ bé mọn, những tội nhân và bất cứ ai trên trái đất này, từ đó, tình yêu của các tu sĩ luôn mang chiều kích đức tin sống động: yêu thương phục vụ con người là hiện thân của Đức Kitô.

## Tự do và cô đơn

Có thể nói, một trong những vấn đề lớn mà một tu sĩ đã, đang và còn tiếp tục phải đối diện là sống độc thân khiết tịnh. Nghĩa là chấp nhận sống cô đơn khác hẳn với những xu hướng thông thường là sống đời hôn nhân gia đình. Điều này lại càng nhức nhối hơn khi được biết đó đây, vẫn có những tu sĩ không thể sống trọn vẹn lời khấn này, và có những “lạm dụng” khiến Giáo hội cũng phải không ngừng cảnh tỉnh các nhà đào tạo và những tu sĩ tự cho mình trưởng thành trong đời sống tính dục. Dẫu ý thức rằng nếu Chúa muốn tôi sống ơn gọi này, Người sẽ ban đủ ơn cho tôi hoàn thành tốt đẹp nhưng con người vốn yếu đuối không phải lúc nào cũng sẵn sàng để chiến đấu và chiến thắng nhờ ơn Chúa giúp. Có thể nói, để sống đúng với những đòi hỏi về lời khấn này, chúng ta phải chiến đấu mỗi ngày không chỉ với cái bản năng vốn mang đầy “thú tính” mà là với một thế lực vô hình và siêu nhiên, nó có những kế sách để đương đầu với bất cứ ai tự sức mình chống chọi. Nói như thế, cuộc chiến này không có cái kết mãi cho đến khi hấp hối và hạ huyệt. Chúng ta không có cách nào khác là bám vào Chúa và sức mạnh của Người để chiến thắng dù thân xác có bị thiêu đốt bởi những ham muốn xác thịt, Người cũng sẽ giải phóng chúng ta như đã cứu thoát ba thiếu niên trong lò lửa.

Dù sao chúng ta cần tìm một lối giải thích cho việc chọn lựa “khác thường” trong ơn gọi sống độc thân khiết tịnh này. Chúng ta xác tín rằng mỗi người với những tính khí, tư chất, nhận thức… khác nhau sẽ có những cách thức tiếp cận vấn đề khác nhau và độc đáo riêng. Có thể nói, mỗi kinh nghiệm trải qua là một công trình của ơn Chúa với sự cộng tác của mỗi cá nhân. Những gì được chia sẻ ở đây, chỉ là những suy tư cá nhân cần được bổ sung và tiếp tục đào sâu vì bản thân luôn ý thức rằng thực tại là một thể năng động không ngừng đòi buộc con người tái khám phá trong chiều kích đức tin được hội nhập trong từng nền văn hóa. Trong đó, chiều kích tính dục của con người nói chung và nơi các tu sĩ nói riêng, cần được “rửa tội” và thăng hoa trong đời sống cộng đoàn dòng tu.

Chúng ta vẫn trưng dẫn câu Kinh Thánh để nói về đời sống hôn nhân gia đình rằng *Con người ở một mình không tốt,* và rằng: *Thiên Chúa đã ban cho Adam một người nữ làm trợ tá tương xứng.* Từ đó, đời sống lứa đôi cũng được Chúa chúc lành qua bí tích Hôn nhân. Tuy nhiên, nếu con người ở một mình không tốt thì tại sao Chúa vẫn nói đến một ơn gọi tự nguyện sống độc thân vì Nước Trời. Nếu không giải thích tường tận, chúng ta sẽ phải đồng ý với những luận điệu cho rằng các tu sĩ là những kẻ bị lệch lạc về đời sống tính dục, và những ai chủ trương sống độc thân khiết tịnh là những kẻ sống phi nhân bản, vì họ cho rằng tính dục là một nhu cầu không thể thiếu mà mỗi người cần được đáp ứng thỏa đáng.

Có một câu chuyện có thực tại một cộng đoàn mà thoạt tiên nghe qua, nhiều người cho rằng chuyện châm biếm. Rằng: một tu sĩ kia sau khi đã sống thời gian dài trong nhà dòng và đã bước sang tuổi sáu mươi, ngài suy tư nhiều về Kinh Thánh và sống triệt để những lời dạy của Chúa. Một hôm, ngài đến với vị bề trên và thưa rằng: Sau thời gian dài học hỏi Kinh Thánh và con đã chứng nghiệm một điều: *Con người sống một mình không tốt,* và thầy đòi buộc phải được giải gở lời khấn. Kết cục, thầy đã toại nguyện vì đó là tự do của bản thân, và hệ lụy thế nào là chuyện của đương sự với Chúa.

Điều chúng ta cần bàn ở đây là con người có thể sống một mình, cô đơn mà vẫn “tốt”. Trong khi, một gia đình có *âm* có *dương* mới tạo thế quân bình và có những bổ sung sự khác biệt cách nào đó để khả dĩ xây dựng một tổ ấm đúng nghĩa, thì các tu sĩ lại chấp nhận sống cô đơn mà vẫn tạo thế “quân bình” trong việc hình thành nhân cách đời tu đích thực. Chúng ta không thể dùng những yếu tố ngoại tại như cảnh môi trường hay cách thức giáo dục mà giải thích cho một thực tại đời sống. Thiết tưởng, chúng ta cần phải đi sâu vào chính hữu thể con người với những cái vốn có mà Thiên Chúa ban ngay từ đầu cuộc tạo dựng để thấy rõ việc một tu sĩ tự nguyện sống độc thân khiết tịnh là điều khả thể.

Chúng ta biết rằng theo cách giải thích của Triết Đông, con người là một sự “tổng hòa” giữa hai cực *âm* và *dương.* Điều này cũng được khoa học chứng minh cụ thể trong người nam có phần nữ tính và ngược lại, đặc biệt, là trong phần hoóc môn của mỗi người. Nếu ở Đông Phương, người ta giải thích mọi bộ phận trên con người đều mang hai mặt *âm dương* thì tự thân, hữu thể đã có một kết cấu tổng hòa. Triết lý này càng được đào sâu khi hiểu con người là một thực tại “biện chứng” giữa hai cực đối lập. Trong đó, đại diện cho cực *âm* có thể hiểu là những đặc tính cụ thể nào đó trong con người, chẳng hạn như tính thụ động, tính nhu nhược…; đối lại, đại diện cho cực *dương* lại là: tính chủ động, tính quyết đoán… Như thế, tự trong nội tại, con người đã được phú ban một năng lực giúp hình thành một hữu thể tự lập mà chúng ta gọi là một nhân vị độc lập.

Đến đây, chúng ta có thể khẳng định mà không sợ sai lầm rằng con người có thể tự lập và không nhất thiết phải cần một trợ tá cân xứng như Sách Sáng Thế giới thiệu. Xét cho cùng, người trợ tá được hiểu ở đây là người chung sống suốt đời với một ai đó và thực hành lệnh truyền kế tiếp của Thiên Chúa là truyền sinh để duy trì nòi giống.

Vấn đề còn bỏ ngỏ là đời sống tính dục có phải là một nhu cầu thiết yếu buộc mọi người phải đáp ứng không ? Không có ai bảo rằng vì bạn bất lực không khả năng sinh con, nên bạn không phải là người hoặc nói với người khước từ kết hôn hay một tu sĩ rằng bạn không phải là người. Qua đó, chúng ta thấy rằng đây không phải là chuyện sống còn để đánh giá bản chất của một người, và vì thế, việc họ khước từ cũng không nói lên được điều gì ngoài chủ trương và lập trường sống của mỗi người. Cách riêng nơi các tu sĩ, cũng việc khước từ kết hôn nhưng chúng được nâng lên cao với một ý hướng tốt lành là hiến toàn thân cho Đấng đã yêu thương họ và hiến mình vì họ qua việc tuyên giữ lời khấn khiết tịnh mà phục vụ Chúa và tha nhân cách đắc lực và hữu hiệu hơn. Chính việc chấp nhận cảnh sống “cô đơn” mà các tu sĩ toàn tâm toàn ý phục vụ cho ơn cứu độ của muôn người.

## Cô đơn và cộng đoàn

Hai thực tại này độc lập nhưng bao trùm nhau như một chi thể trong một thân thể duy nhất. Mặc dù, có thể nói cộng đoàn là một thực tại bao gồm nhiều thành phần khác nhau, được qui tụ từ lời mời gọi thiêng liêng của một Đấng vô hình. Chúng ta không thể giải thích đơn giản là cộng đoàn bao gồm nhiều cái tôi độc lập khác nhau vì có những người sống chung với nhau mà như thể gỗ đá, không hề có một tương tác và tương tại nào khả dĩ giúp xây dựng cộng đoàn. Bởi đó, cộng đoàn chỉ được hiểu là những thành phần được nuôi dưỡng cảm thức thuộc về một nơi chốn. Chính ý thức và ý muốn của chủ thể mới giúp năng động một cộng đoàn đúng nghĩa. Tách ra khỏi cộng đoàn, các tu sĩ không thể hoàn thành một nhân cách đời tu đích thực.

Dù sao, tình trạng cô đơn là một yếu tố không thể thiếu trong nhịp sống cộng đoàn. Tuy nhiên, không phải ai cũng có khả năng tinh tế để kết nối chiều kích cô đơn trong cộng đoàn. Quả thật có những thành phần chịu tác động mạnh từ những thiết bị hiện đại tối tân, tự cho mình quyền kết nối với mọi tương giao bên ngoài đến mức độ, họ trở thành một người ảo tưởng, xa rời thực tại, không còn biết mình đang ở đâu và làm gì khi sống theo nhịp của cộng đoàn. Họ sống trong cộng đoàn mà như thể không thuộc về cộng đoàn. Vì không cảm nhận được sự nâng đỡ từ cộng đoàn, họ vồn vã, vồ vập với những hình thức tình cảm quyến luyến bên ngoài mạnh hơn tương quan cộng đoàn. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ có nguy cơ làm tan rã sự hiệp thông hữu cơ trong đời sống cộng đoàn.

Qua đó, chúng ta nhận ra năng lượng tích cực và sức sống siêu nhiên của cộng đoàn giúp mỗi tu sĩ sống tốt nhất có thể chiều kích độc thân khiết tịnh. Ở đây, khiết tịnh không chỉ hiểu trong tương quan thuộc lãnh vực tính dục mà cần giải thích triệt để trong bất cứ sự quyến rũ và quyến luyến nào. Nói cách khác, sự quyến rũ và quyến luyến này được giải thích không còn phụ thuộc vào liên hệ với người khác phái hay đồng phái. Thật vậy, có thể nói xu hướng chung của bất cứ người nào, đều muốn gây ảnh hưởng trên người khác chỉ có khác ở cách thức họ thu phục lòng người. Nhưng trong phạm vi đời tu, chúng cần được điều hướng trong mức độ “tùy phụ”, nghĩa các tu sĩ luôn lấy Chúa làm trung tâm và là đối tượng đáng họ tôn thờ và yêu mến. Thế nên, họ không được tùy tiện đặt một người hay một sự gì quá cao khiến chủ thể xa rời ý hướng phụng sự và qui phục ý muốn Thiên Chúa. Từ đó, chúng ta nhận ra rằng quyến rũ và quyến luyến là những cản trở lớn khiến các tu sĩ xa rời lý tưởng đời tu.

Quả thật, chúng ta được tự do sống yêu thương, đồng thời, dùng hết tài năng và những kỹ năng cần thiết để thiết lập những mối tương giao thân tình. Chúng ta có thể yêu thương và đón nhận lại từ người khác những tâm tình xứng hợp và lành mạnh, nhưng một khi chúng không giúp ta tiến gần với tình yêu của Thiên Chúa hơn thì đó là điều chúng ta cần thực hiện một cuộc phân định. Không phải chúng ta phân định để chọn Chúa và loại bỏ tha nhân mà là chọn cách thể hiện yêu thương mà không gây “ngộ nhận” và bản thân cần có một ý thức trong khoảng cách tương giao để làm sao: *xa nhau đủ để tôn trọng và gần nhau đủ để yêu thương.*

Để kết thúc phần này, chúng ta cần đối chiếu mục đích của hành vi tính dục trong đời sống vợ chồng với việc giữ lời khấn khiết tịnh của các tu sĩ. Nếu việc quan hệ vợ chồng nhằm nhắm đến việc duy trì nòi giống và trao ban yêu thương thì việc các tu sĩ kết duyên với vị Lang Quân, có đem đến những kết quả “tương đương” như các đôi vợ chồng ? Chúng ta thấy rằng trong đời sống con người, mọi người đều có nhu cầu hậu duệ, nghĩa là những cặp vợ chồng truyền lại cho đời là lũ cháu đàn con và mọi tài sản hay những gì thuộc giá trị thiêng liêng; còn các tu sĩ, cũng để lại cho đời là những đứa con thiêng liêng được sinh ra trong đức tin mà thánh Phaolô đã dùng một hình ảnh thật đẹp đẽ và sâu sắc: “*Hỡi anh em, những người con bé nhỏ của tôi, mà tôi phải quặn đau sinh ra một lần nữa cho đến khi Đức Kitô được thành hình nơi anh em…”* (Gl 4,19a). Ngoài ra, việc chăn gối của đôi vợ chồng còn diễn tả một tình yêu trao ban nên một mà chiều kích này được diễn tả qua đời sống dâng hiến bằng việc các tu sĩ kết hợp nên một với Chúa, đồng thời, họ trao ban bản thân để phục vụ hết mình vì phần rỗi muôn người.

Để bổ sung cho việc khai thác những góc khuất trong đời tu, người viết xin giới thiệu với bạn đọc về triết lý của *Cái Bóng.* Đây là một trong những khám phá khá độc đáo của nhà tâm lý học C. Jung. Điều này sẽ được chúng ta minh giải và đối chiếu trong đời sống dâng hiến.

# NHỮNG CÁI BÓNG TRONG ĐỜI TU

Có một hình ảnh diễn tả về cái bóng giúp chúng ta dễ hiểu và hình dung, đó là hình ảnh nơi một người hướng về mặt trời và sau lưng họ là vệt dài của cái bóng. Cũng vậy, đời tu là một thực thể sống động, nó cũng bao gồm cả bóng lẫn hình. Có thể nói, hai mặt này là một tổng thể của một thực tại trọn vẹn. Có những tu sĩ đã phủ nhận phần cái bóng này khiến đời sống họ trở nên lệch lạc và mất quân bình. Bài viết này như những gợi ý giúp chúng ta khám phá lại cái bóng của mình trong đời tu để nhờ việc nhận ra và làm hòa với cái bóng mà ta biết mình hơn và nhờ đó, đời sống tâm linh được vững vàng và thăng tiến trong ơn nghĩa Chúa. Trước hết, chúng ta tìm hiểu thuật ngữ cái bóng.

## Cái bóng

Theo C.Jung, nhà tâm lý phân tích này cho rằng cái bóng là mọi thứ chúng ta đẩy lui vào trong tiềm thức vì nó không được người sống đồng thời “chấp nhận”. Nói cách khác, nó là thành phần trong nhân cách mà chúng ta đã ức chế vì chúng xung khắc với hình ảnh mà chúng ta muốn được nhìn nhận nơi mình từ người đối diện; hơn nữa, vì cái bóng làm mờ nhạt hình ảnh bản thân mà chúng ta cố tạo trước mặt người khác, nên chủ thể cần tìm mọi cách để phủ nhận hoặc tỏ ra khinh thường cái bóng ấy cách nào đó. Hiểu như thế, những gì chúng ta cố tạo một hình ảnh bản thân thật ấn tượng từ cách đánh giá người khác, đôi khi là một thứ mặt nạ.

Chúng ta biết rằng mỗi người đều có những lý tưởng sống, điều này tạo nên một cách thể hiện cái tôi lý tưởng, nhưng vì lý tưởng khác xa với thực tế nên những cách biểu hiện của chủ thể thường mang một thứ mặt nạ cách nào đó. Và một khi con người dùng mặt nạ thật đẹp đẽ và ấn tượng để phô diễn ra bên ngoài thì ẩn sâu trong vô thức lại có một cái bóng xấu xí và tầm thường; nó luôn trực chờ những lúc chủ thể vô ý sẽ lộ ra bên ngoài. Đó là điều chúng ta vẫn nói ai đó: “trưởng giả học làm sang”.

Nói như thế, không có nghĩa là cái bóng hoàn toàn xấu; trái lại, nó là biểu tượng của sự thiện hảo như lời khẳng định của nhà tâm lý đại tài này: cái bóng trong vô thức không phải là điều xấu do bản chất, nhưng là nguồn mạch của sự thiện tối cao: không chỉ là bóng đen, nhưng cũng là ánh sáng; không chỉ là thú tính, bán khai và quỷ quái, nhưng cũng là siêu phàm, thiêng liêng và thần thiêng…[[17]](#footnote-17) Bởi đó, cái bóng tùy thuộc vào nhận thức của chủ thể trong từng giai đoạn của tiến trình hình thành nhân cách. Chẳng hạn, khi triết gia Nietzsche quan niệm rằng nhân đức theo tôn giáo là một sự nhu mì và bạc nhược quá đáng thì ông đã đề cao một chủ nghĩa anh hùng siêu nhân. Trong khi đó, nhiều nhà phê bình lịch sử cho rằng trong thực tế đời sống ông là một người yếu nhược. Như thế, cái bóng về sự yếu nhược nơi ông một lần nữa trái ngược với mặt nạ mà ông muốn phô diễn cho người đời là một người mạnh mẽ. Tắt một lời, nhân đức khiêm nhường mà vị triết gia này khinh thường và phủ nhận, lại là một nội lực giúp chủ thể hình thành nhân cách trưởng thành. Vì như Đức Phanxicô khẳng định: nhân đức khiêm nhường không dành cho kẻ yếu mà cho người mạnh mẽ thực sự.

Một điều cần lưu ý ở đây, là *bóng* đi đôi với *hình* trong cùng một thực tại cuộc sống; tách rời hoặc loại trừ nó, đồng nghĩa với việc chối bỏ chính nhân cách của bản thân. Vấn đề là chúng ta cần khám phá ra cái bóng dưới mọi hình thức để giúp nó “hòa nhập” vào đời sống thực tiễn. Điều cấp thiết lúc này là tìm ra cách hình thành của cái bóng để từ đó khám phá ra và giúp nó hòa giải với bản thân. Có thế, nó sẽ giúp chúng ta tạo được thế quân bình trong đời sống.

Bất cứ một tổ chức nào đều có những qui định nhằm hướng dẫn mọi thành viên tuân thủ hầu có thể giúp mọi người đạt được mục đích đã đề ra của một tổ chức đúng nghĩa. Cho dù là luật bất hành văn, nó cũng hàm chứa một số qui tắc giúp tổ chức đó luôn thăng tiến. Cộng đoàn tu trì cũng vậy, ở đó các tu sĩ khát khao sống đời tận hiến buộc phải giữ một số qui định, nó ví như một đường ray và chỉ những ai chấp nhận đi theo con đường ấy mới mong đạt đến đích.

Có cả một phần Giáo luật nhằm hướng dẫn và chi phối những người sống đời thánh hiến, hơn nữa, mỗi tu sĩ cần thấm nhuần linh đạo của dòng mình để có thể thăng tiến toàn diện đời tu. Đó là chưa nói đến, những thói lệ của một cộng đoàn như một cách thích ứng của cộng đoàn tại nơi họ sống. Tắt một lời, họ cần biến một nền văn hóa khác biệt với những gì trước kia họ sống, vào trong cuộc sống của một cộng đoàn. Chúng ta vẫn nghe nói: *cây cao bóng cả,* điều này được giải thích theo nghĩa cái bóng của tâm lý học thì rất thú vị ! Nếu như cây cao được ví như những nố Giáo luật, linh đạo của dòng, thói lệ… thì cái bóng cả ấy được hiểu là những gì chúng ta dồn nén vì bị choáng ngợp bởi các “thứ lề luật” chưa được “nhập thể”.

Chẳng hạn trường hợp của thánh nữ Têrêsa HĐGS, vốn là một thiếu nữ được sống trong một gia đình đạo hạnh. Thế mà, chị cũng choáng ngợp với những thứ luật chi li được chỉ dẫn trong cộng đoàn. Chị được học cho biết con đường nên thánh của Mẹ Têrêsa Avila, là một loại “cây cao” sẽ dần tạo cái “bóng cả” nơi đời tu của chị, ít ra, trong những năm đầu.

Bước chân vào đời sống cộng đoàn, người tìm hiểu như bước vào một thế giới hoàn toàn xa lạ. Ở đó, họ học cho biết những qui tắc và những yêu sách của bậc sống của mình. Vì chưa quen với những đòi hỏi của đời sống này mà họ dễ có xu hướng sống khép kín, từ đó, họ muốn che giấu những lối cư xử “bố đời” để rập theo cách xử thế của những bậc trưởng thượng trong cộng đoàn. Do đó, đôi khi họ đốt cháy giai đoạn và vì thế, họ không tránh khỏi những dồn nén trong đời sống thường ngày. Cái bóng vẫn đeo bám họ cho đến khi họ biết tự vượt qua những thứ luật đã chi phối họ để tìm một sự giải thoát trong Tinh Thần và Chân Lý.

Cụ thể hơn, khi chúng ta xác tín rằng đời tu là theo sát gót Đức Kitô và trở nên đồng hình đồng dạng với Người thì những gì xem ra xa rời với lý tưởng ấy thì cách nào đó trong vô thức, chúng ta sẽ loại ra bên ngoài những gì cản trở bản thân đạt đến lý tưởng này. Vô hình trung, chúng ta có thể phủ nhận những phương thế xem ra không hợp với đời tu. Chẳng hạn, có thời gian người ta nghi ngờ phương pháp Thiền của Phật Giáo và cho rằng nó thật nguy hiểm cho người Kitô hữu nhưng gần đây đã có nhiều linh mục tu sĩ áp dụng phương pháp này theo nhãn quan Kitô giáo. Cái bóng ấy đã phủ một thời gian trong đời sống các Kitô hữu.

Như thế, chúng ta thấy việc hình thành cái bóng trong đời tu như một định luật tất yếu: hễ có hình là có bóng. Ấy là hai mặt của một thực tại duy nhất. Thế nhưng, cái bóng chỉ thực sự trở nên tiêu cực và gây cản trở trong đời tu khi nó không được chính chủ thể tiếp nhận và hòa giải trong đời sống thường ngày. Trái lại, khi chủ động nắm bắt tầm ảnh hưởng của cái bóng, các tu sĩ sẽ *biết mình* thực sự để có thể xông vào “trận chiến” với tất cả sự tự tin vì biết mình cần phải làm gì.

## Những cách thức khai thác cái bóng

Các nhà tâm lý gợi ý nhiều cách khai thác cái bóng này, ở đây, chúng ta ghi nhận vài cách chính yếu và thiết thực được áp dụng cụ thể trong đời tu.

***Phóng chiếu***

Chúng ta có thể hiểu khái niệm này cách đơn giản theo lối nói bình dân: *suy bụng ta ra bụng người.* Nghĩa là khi chúng ta gán ghép quá đáng về một lỗi lầm của ai đó mà thực ra, nó lại nằm ngay trong chính bản thân mình. Chẳng hạn, khi thấy một tu sĩ nào đó làm một việc tốt, chúng ta giải thích ngay anh ấy đang lấy điểm và từ đó, giải thích hoàn toàn ý xấu và giải thích chiều hướng xấu theo tình trạng nội tâm của bản thân mình về hành động của vị tu sĩ ấy. Việc này giải thích cái bóng nơi chúng ta có thể là *thích xoi mói việc làm người khác* hoặc *thường giải thích tiêu cực cho hành động của tha nhân…*và thậm chí, những việc làm của chúng ta được coi là tốt và xây dựng cộng đoàn cũng là cách chúng ta đang *lấy điểm* và tạo nơi mình một thứ mặt nạ hầu mua chuộc sự tôn trọng rẻ tiền nơi tha nhân, đặc biệt là những người phụ trách của chúng ta.

Cũng theo chiều hướng đó khi xét đến những mặt tốt của người khác, chúng ta thấy rằng có người lại tỏ vẻ như không thích điểm nổi bật và tài năng của người khác. Trong khi đó, họ lại che giấu cái bóng của họ là bất lực khi thực hiện những ước ao: muốn được những điều tốt đẹp nơi người kia.

Một hình thức phóng chiếu khác được dân gian nhắc đến khi nói: *chuyện bé, xé ra to.* Chúng ta có thể hình dung mối tương quan của chiếc máy vi tính và bộ phóng chiếu. Nhìn vào chiếc máy vi tính, chúng ta nhận ra kích cỡ của mọi sự đều nhỏ so với những gì được phóng chiếu trên màn ảnh lớn. Điều này giúp chúng ta liên tưởng đến cường độ cảm xúc của chủ thể đã vượt quá mức độ cho phép của một tình huống nào đó. Nói cách khác, chúng ta phản ứng bất tương xứng với điều chúng ta nhận thức. Do đâu có sự phản ứng bất tương xứng này ? Thưa: vì khi chủ thể phủ nhận cái bóng của mình và khi nhận ra một nét tương đồng nào đó nơi người kia, họ ra sức chỉ trích và lên án người kia gấp đôi cường độ, đó là hậu quả của việc chỉ trích bản thân và lên án người khác cộng lại. Và như thế, họ đã phóng chiếu lên người khác những gì họ phải gánh chịu do cái bóng của họ mang lại và đổ trên đầu tha nhân một cách bất công. Để hiểu rõ hơn chúng ta cần phân tích một trường hợp cụ thể, khi quan sát thấy một người chị em trong cộng đoàn có cách cư xử thiếu tế nhị, thay vì tìm cách để trao đổi với họ trong tinh thần xây dựng, chúng ta lại rêu rao những lỗi nhỏ nhặt ấy cho người khác; tệ hại hơn, chúng ta lại còn trình báo với bề trên trong tinh thần “xây dựng”, nhưng trong thực tế, chúng ta hạ giá uy tín của người khác nhân danh một thứ đạo đức giả tạo. Thực ra, cái bóng của sự gây bất hòa chia rẽ và lòng đố kỵ đang ẩn sâu trong vô thức của họ. Như thế, chúng ta nhận ra: nền văn hóa “nổ và chém gió” đã hủy hoại mọi tương giao trong một cộng đoàn dòng tu.

Cũng còn một hình thức phóng chiếu khác ít được chúng ta quan tâm, đó là cái bóng của người mặc cảm tự ti. Người này đã phóng chiếu mặt tích cực của mình cho người khác. Họ có khuynh hướng đề cao tài năng người khác, ngưỡng mộ và muốn trở nên giống như người đó.[[18]](#footnote-18) Thế nên, họ tự hạ thấp bản thân và dần đánh mất nét độc đáo của mình trong một cộng đoàn. Họ thường mặc cảm mà nghĩ rằng *mình không đủ năng lực để phục vụ cộng đoàn,* từ đó, những năng lực và năng khiếu đã bị họ kìm nén không thể phát huy hết tính sáng tạo của nó. Cái bóng của mẫu người này đã phóng chiếu tích cực lên người khác không có gì đáng trách nhưng thật đáng thương ! Vì sự kìm nén cái bóng này mà họ đã đánh mất nhiều cơ hội để khẳng định mình và phục vụ cộng đoàn theo nén bạc Chúa trao.

Tóm lại, dù là phóng chiếu cách tiêu cực hay tích cực đều phản ánh sự lệch lạc và thiếu lành mạnh trong nhân cách. Có thể nói, phóng chiếu là cách mà tu sĩ thường dùng để tự vệ trong khi tương giao với anh chị em đồng tu và một khi cái bóng mà họ muốn gán cho người khác lại khiến họ đánh mất sự tự tin và cởi mở trong một tương giao đích thực.

***Giấc mơ***

Có thể nói, chúng ta chưa dành cho thông điệp của giấc mơ một vị trí xứng đáng trong đời sống thường ngày. Thật vậy, giấc mơ vén mở cho chúng ta cả một chân trời vô thức. Nếu như chúng ta dành 2/3 thời gian của ngày sống cho việc hoạt động và ý thức thì 1/3 quãng thời gian còn lại, chúng ta dành cho giấc ngủ và giấc mơ, đây là thời gian của hoạt động vô thức. Bởi vậy, nhiều nhà phân tâm học coi giấc mơ như một hình thức giải tỏa trá hình. Nếu như cả ngày “cỗ máy” của chúng ta hoạt động thì lúc ngủ nghỉ là thời gian cho chúng ta xả giãn; càng hoạt động với cường độ mạnh thì cơ thể càng cần nhiều lối thoát hiểm hơn. Chính vì thế, khi phân tích về giấc mơ, chúng ta sẽ khám phá một phần cái bóng của mình còn khuất ẩn.

Có một nữ tu trẻ đã chia sẻ giấc mơ của chị và cuộc chiến thiêng liêng rằng: chị phải mất một thời gian dài sống trong cuộc khủng hoảng khi đối diện với vấn đề quyền bính giữa chị với Bề trên. Trong một giấc mơ, chị thấy mình đi băng qua một con sông, dần dần con sông ấy dâng lên quá cao đến mức báo động. Có một người đã trao cho chị cái phao nhưng chị đã sử dụng cách miễn cưỡng vì không chấp nhận hình ảnh của người ấy. Đến khi lên bờ, chị đã dùng một vật nhọn mà giết chết người ấy. Khi thức dậy, chị nhận ra ngay hình ảnh của người liên quan trong giấc mơ là vị Bề trên của mình. Có thể nói, cái bóng của sự bất tuân phục, kiêu ngạo tưởng mình toàn năng không cần ai chỉ dẫn, đã đưa chị đến một con sông như muốn nuốt chửng chị mà chị không biết. Và lúc này, hình ảnh của vị Bề trên đã có mặt kịp thời để cứu chị nhưng chị lại ra tay hạ sát vị ân nhân này.

Xét cho cùng, phân tích giấc mơ cũng chỉ là một hình thức phóng chiếu dưới dạng biểu tượng. Thật vậy, nếu hiểu phóng chiếu là cách mà chủ thể áp đặt trên đối tượng thì giấc mơ cũng là phương tiện giúp chủ thể tự vệ khi gắn cho đối tượng những gì mình đã khước từ hay kiềm nén nơi bản thân. Mà khách quan chúng ta có thể nhận ra cái bóng trong biểu tượng ly kỳ từ giấc mơ mang lại. Chúng ta có thể trở lại với sự kiện minh họa trên, khi nữ tu kia đã phóng chiếu chính thái độ muốn điều khiển người khác của mình mà áp đặt cho vị Bề trên. Trong thực tế, vị này có toàn quyền trên chị. Chúng ta nhận ra rằng thái độ bất khoan dung của chị không hệ tại ở lệnh truyền của vị này nhưng do sự thống trị của bản năng gây hấn chưa được thăng hoa.

Một lần nữa, chúng ta nhận ra cơ chế phóng chiếu khả dĩ giải thích phần lớn cái bóng của chủ thể. Điều này đúng khi xét trong tương giao. Và giấc mơ là biểu tượng diễn đạt một tương giao đang có vấn đề. Ngoài ra, chúng ta cần xét đến nội dung của những chuyện hài hước.

***Hài hước***

Có những sự việc khiến chúng ta tức cười, cũng có những sự kiện làm chúng ta buồn cười, và cũng có những điều giúp chúng ta vui cười. Tiếng cười hiện hữu luôn có một lý do để nó tồn tại. Chúng ta cười vì nhiều lý do nhưng ở đây, nó được giải thích theo cái bóng của chủ thể cười. Chúng ta hỏi rằng tại sao khi đối diện với cùng một vấn đề, người này cười còn người kia thì không. Câu trả lời là do chính mối quan tâm của mỗi người khác nhau. Thật vậy, khi có ai cười vì một sự việc nào đó, điều này giả thiết có một tương quan giữa chủ thể và vấn đề. Ở đây, cái bóng sẽ được nhận ra khi chủ thể có những hành vi hay thái độ vượt quá bản chất của sự việc cho phép. Chẳng hạn, khi thấy một người đồng tu lâm cảnh khốn khó, thay vì hỏi thăm và quan tâm, chúng ta lại biểu hiện bằng cách mỉm cười và đua giỡn. Đó có thể là biểu hiện một sự thờ ơ lãnh đạm mang tính dã man. Bởi thế, người đời có câu ví von thật hay: cười người hôm trước, hôm sau người cười. Đúng vậy, sự khốn khó trong đời rồi bạn cũng sẽ trải qua, cái cười của bạn hôm nay sẽ trả giá cho sự xúc phạm do chính bạn gây nên. Cái bóng mà bạn đã khước từ và khinh chê nay được bạn phóng chiếu lên người khác. Sự hài hước ấy là bằng chứng tố cáo tính tàn bạo hoang sơ nơi bạn.

Trong khi đang cử hành một nghi thức trang trọng, chúng ta lại bật cười vì một chi tiết sơ suất nhỏ nào đó của vị chủ tọa. Như thế, chúng ta không chỉ cười vì một lỗi mọn của người khác mà còn khinh chê một hình thức biểu hiện bên ngoài và xem thường một giá trị tâm linh. Cái bóng được giải thích ở đây là sự thiếu hiểu biết và sống nội dung mà một nghi thức tôn giáo mang lại. Hoặc chúng ta có thể giải thích rằng khi phản ứng bằng cách cười như thế, chủ thể như tách mình ra khỏi buổi cử hành đó để có thể đánh giá việc làm người khác hơn là sống chiều kích hiệp thông. Chia trí hay lo ra là chuyện thường tình của kiếp con người nhưng một khi có một ai đó phản ứng bằng cách “mỉm cười” thì họ đã nhạo cười chính nghi thức họ đang cử hành và hơn thế nữa, họ mặc nhiên xem thường chính việc họ đang ý thức cử hành.

***Đặt câu hỏi***

Phần này đã được Cha John Monbourquette gợi ý gồm 9 câu hỏi trong tác phẩm *Làm thế nào để kết bạn với cái bóng của bạn.* Tuy nhiên, khi giới hạn trong đời sống tu trì, thiết tưởng, chúng ta chỉ gợi lại 2 câu hỏi căn bản:

\*Trực tiếp

Những chủ đề thảo luận nào bạn có khuynh hướng tránh né khi trao đổi với người khác ? Những hoàn cảnh nào khiến bạn cảm thấy mình trở nên căng thẳng, sợ hãi và tự vệ ? Những lời nhận xét nào khiến bạn giật mình và đánh mất đi tính tự chủ ? Và những câu hỏi đại loại như thế.

Khi trả lời cho những câu hỏi này, bạn như bị người khác tạt vào mặt một gáo nước; nó khiến bạn giật mình. Nhưng khi chân thành và can đảm đối diện với cái bóng ấy, bạn sẽ ngộ ra một điều: chúng ta đều là những người giới hạn đang sống trong một thế giới bất toàn. Chúng ta tự hỏi tại sao cũng cùng một chủ đề tình dục mà người khác coi là chuyện bình thường, tôi lại trở nên cấu kỉnh và căng thẳng như thế ? Hóa ra, trước khi đi tu, tôi đã bị nhiều chàng thanh niên lạm dụng tình dục. Cái bóng ấy bấy lâu tôi muốn che giấu trước mặt mọi người.

\*Gián tiếp

Những khía cạnh nào bạn muốn phô diễn ra trước mặt mọi người ?

Chúng ta vẫn nghe các bậc tiền nhân nói: *Tốt khoe xấu che.* Đây là cách ứng xử thông thường của người khôn khéo thì có gì liên quan đến việc trả lời câu hỏi này để nhận ra cái bóng ? Chúng ta thấy rằng việc phô diễn những gì tốt đẹp nơi mình theo hướng khai thác những thế mạnh, tích cực hay những đam mê của mình thì không có vấn đề, nhưng một khi chủ thể ảo tưởng về bản thân mình: nghĩa là thổi phồng cái tôi thì đây là nơi cái bóng ẩn khuất. Thật vậy, khi chủ thể ảo tưởng về mình, họ tìm mọi cách để nâng mình lên một cách lố lăng và lòe loẹt, vô tình họ kìm nén những mặt tiêu cực và giới hạn để giữ mãi hình ảnh ấn tượng nơi cách đánh giá của người khác. Thế nhưng, sự thật sẽ phơi bày khi họ không thể kiểm soát hoàn toàn bản thân và cái gì giả tạo thì không thể bền vững.

Sau khi đưa ra những câu trả lời xung quanh câu hỏi trên, bạn chỉ cần làm một bản đối chiếu với những gì trên kia, bạn sẽ dễ dàng nhận ra cái bóng của bạn. Đây là phần triết lý *anima* (âm) và *animus* (dương) được C.Jung đề nghị trong một tác phẩm của ông. Chẳng hạn: khi tỏ ra là một người mạnh mẽ (dương), bạn cần phải che giấu và kìm nén những gì khiến bạn tỏ ra yếu nhược (âm). Hoặc khi muốn phô diễn trước mặt mọi người một mẫu người quảng đại thì cách nào đó, bạn muốn phủ nhận và khước từ con người ích kỷ trong mình.

## Làm hòa với cái bóng của bạn

Đôi khi chúng ta dễ tha thứ cho người khác hơn là cho chính mình. Cũng vậy, chúng ta dễ làm hòa với người khác hơn là làm hòa với bản thân. Đó là chủ trương của những người khoái khổ. Tác giả James E. Sullivan trong tác phẩm *Hành trình tự do,* đã gợi lên hai hình thức trừng phạt bản thân. Điều này cho thấy chúng ta không dễ đối diện và làm hòa với cái bóng của mình. Để thực hiện công trình nhiêu khê này, chúng ta cần trải qua 3 bước với tất cả sự can đảm và kiên nhẫn siêu nhiên.

***Chấp nhận hiện hữu***

Như chúng ta đã biết, một khi cái mặt nạ được chúng ta đeo vào mỗi ngày để biểu diễn trước mặt mọi người trên sân khấu cuộc đời, thì việc khước từ và phủ nhận cái bóng của mình là chuyện dễ hiểu. Thật vậy, sống trong một cộng đoàn dòng tu được bấy nhiêu truyền thống tốt lành thánh thiện kết tinh nên, chắc hẳn, những người bước vào đây phải có một bề dày nhân đức nào đó. Thế nhưng, những thói bố đời vẫn còn đó, vô hình trung, các tu sĩ không tránh được những lối sống hai mặt mà Đức Phanxicô đã đề cập trong *15 Căn bệnh của Giáo Triều.* Cái mặt nạ nơi mình càng tinh tế thì con người càng tìm mọi cách che giấu cái bóng của mình cách tinh vi hơn; đến một lúc nào đó, vì ngủ mê trong những ảo tưởng về mình, họ quên rằng bản thân mang một cái bóng.

Vì thế, để có thể bước vào tiến trình làm hòa với cái bóng, điều kiện trước hết và trên hết là chấp nhận sự hiện hữu của nó như thành phần của đời sống cá nhân. Điều này đòi buộc mỗi cá nhân phải thực hiện một cuộc trở về với lòng mình, sống chiều kích nội tâm cách triệt để và với ơn Chúa, chúng ta thấy đâu là những cản trở khiến chúng ta ì ạch trên hành trình tâm linh. Chính cái bóng là đối thủ số một đã tác động và ảnh hưởng tiêu cực trên lý tưởng hoàn thiện của mỗi tu sĩ.

***Gọi tên và chỉ điểm***

Chấp nhận cái bóng trong đời sống đã là một bước tiến, thì việc gọi tên và chỉ điểm là việc dễ dàng với thủ thuật đã gợi ý trên đây. Nếu xét cái bóng với tương quan cái mặt nạ, chúng ta chỉ cần nhận ra những gì chúng ta còn ảo tưởng về mình hay những chủ trương thái quá trong đời sống. Chẳng hạn, khi muốn phô diễn trước mặt cộng đoàn tu trì hình ảnh về một người nhiệt tình và quảng đại thì cái bóng ấy được chúng ta che giấu với hai tên gọi: lười biếng và ích kỷ (đối lại với nhiệt tình và quảng đại). Thật vậy, cái bóng này sẽ bị chúng ta ém gọn trong ngục tối dưới mọi hình thức. Hoặc nếu xét cái bóng do việc phóng chiếu, chúng ta sẽ gọi tên và chỉ điểm chính những gì chúng ta gắn cho người khác. Cái bóng trong máy vi tính của chúng ta có thể không thấy rõ nhưng một khi phóng chiếu lên người khác với tầm mức rộng và sâu, sẽ giúp chúng ta dễ nhận diện nó để khả dĩ đặt tên và chỉ điểm.

***Làm hòa***

Đây là bước cuối cùng để giúp cá nhân toàn nhập vào đời sống cách toàn diện cả bóng lẫn hình, cả tối lẫn sáng, cả khuyết lẫn ưu nơi đời sống cá nhân trong một cộng đoàn tu trì. Để được thế, mỗi người cần làm một bản phác thảo cả thế mạnh và thế yếu từ cái bóng của bản thân. Chẳng hạn, việc chúng ta che giấu khuynh hướng ích kỷ của mình có lợi gì cho cá nhân và cộng đoàn, đồng thời, nó có hại gì cho cá nhân và cộng đoàn ? Chính khi đưa ra một kết quả cụ thể nào đó, chúng ta lại đối chiếu với những đòi buộc của cộng đoàn mình đang sống. Ví dụ, cộng đoàn này nêu bật tinh thần: mọi sự làm của chung. Chúng ta lại lấy dài nuôi ngắn, lấy chung làm riêng, đó là một trở ngại cho đương sự khi muốn thực sự dấn thân trong cộng đoàn ấy. Sau khi đã đặt mọi sự lên bàn cân, chúng ta đã biết mình cần làm gì để làm hòa với cái bóng trong đời sống ý thức của bản thân. Một lưu ý ở đây, bước tiến triển nào trong hành trình tâm linh phải được thực hiện cách tiệm tiến để tránh tình trạng “hội nhập nhất thời” khi chủ thể chưa đủ xác tín vào vấn đề liên quan và cách áp dụng trong thực tiễn. Hơn nữa, chúng ta cần ghi nhận những lý tưởng trong đời tu phải được mỗi tu sĩ tiếp cận, học hỏi và nhập thể vào đời sống cách khôn ngoan và thuận theo ân sủng Chúa. Có thế, chúng ta sẽ giảm bớt những mặt nạ và làm dịu những cái bóng trong đời tu hầu tạo thế quân bình trong đời sống thể lý, tâm lý và tâm linh.

# CÁI BÓNG VÀ CHIỀU KÍCH TÂM LINH

Theo C. Jung có hai loại cái bóng: đen và trắng hay tiêu cực và tích cực. Cả hai đều là phần bị chủ thể dồn nén trong tầng sâu vô thức. Phần lớn, cái bóng mà cuốn sách này bàn đến là phần tiêu cực. Tuy nhiên, chúng ta cần vài dòng để giải thích về cái bóng trắng, tích cực. Nhờ đó, mỗi người sẽ dễ dàng chủ động khám phá những kho tàng còn ẩn sâu trong lòng. Chẳng hạn, chúng ta sống trong một xã hội đề cao thành tích, làm láo báo cáo hay thì việc chúng ta sống trung thực bị coi là kẻ ngu ngơ và tâm thần. Thế nên, để hòa nhập với xã hội, chúng ta cũng bắt đầu bon chen và có những hành vi thiếu trung thực, vô tình, chúng ta dồn nén phần cái bóng trung thực vào vô thức.

Trở lại với cái bóng đen mà có người gọi là bóng tối, như thế dễ bị đồng hóa với khái niệm tội lỗi theo cái nhìn tu đức. Để tránh trường hợp này, người viết đã chọn cách dịch là cái bóng (shadow). Ở đây, chúng ta cần làm rõ hai khái niệm này để tránh những cách suy diễn lệch lạc có thể xảy ra, vì lãnh vực tâm lý học ngày này cũng đã được giải thích theo chiều kích tâm linh khá phổ biến.

Thật vậy, trong khi tội lỗi biểu thị cho việc cự tuyệt với Thiên Chúa, còn cái bóng lại biểu thị cho việc cự tuyệt với chính mình.[[19]](#footnote-19) Chúng ta cần làm rõ sự khác biệt này hơn nữa khi khẳng định rằng cái bóng làm nên thành phần hiện hữu của ta vì thế, ta không thể loại trừ nó như tội lỗi trong ta được. Thật ra, người ta gán cho kẻ tội lỗi vì chúng được nhận ra qua chất thể. Chẳng hạn, việc ta lỗi phạm việc nói hành nói xấu thì những lời nói ấy làm chất liệu tố cáo ta, và như thế, chúng ta có thể loại trừ tội này bằng cách không cho những lời nói như thế tồn tại trên môi miệng của ta. Trong khi đó, cái bóng đen chỉ chi phối và ảnh hưởng trên chủ thể, xét về mặt vô thức, còn hai yếu tố cấu thành tội là ý thức rõ ràng và ưng thuận hoàn toàn mà chúng không tìm thấy nơi cái bóng. Chúng ta cũng có thể qui trách nhiệm cho cái bóng trong mức độ này là vì chúng nằm trong phần vô thức nên chủ thể mất kiểm soát, vì thế có thể dẫn đến việc phóng chiếu chúng lên người khác, nghĩa là thay vì chấp nhận phần tội nơi mình, họ lại phóng chiếu lên người kia như thể là cách duy nhất để họ chạy tội và che lắp sự xấu xa của mình. Điều quan trọng là chủ thể cần ý thức, kiểm soát và làm hòa với cái bóng nếu không, chúng có thể là nguyên cớ cho nhiều thứ tội về sau.[[20]](#footnote-20) Bởi vậy, nếu biết cách hoạt động của cái bóng tiêu cực này, chúng ta sẽ tỉnh thức hơn khi nhận ra phần lỗi của mình và tránh được việc xét đoán người khác.

Còn một khái niệm liên quan đến cái bóng, chúng ta cần làm rõ vì nó có thể gây bối rối khi chúng ta không biết rõ giới hạn và tầm ảnh hưởng của nó trong đời sống tâm linh, đó là *cảm xúc có tội.* Cảm xúc có tội thường bắt nguồn từ việc chúng ta đi ngược lại lối suy nghĩ, cảm nhận của một nền văn hóa mà chúng ta nghĩ là chính đáng. Chẳng hạn, với tư cách là người quản lý, bạn luôn thể hiện là một người hiệu năng với nhiều việc đem lại ích lợi cho nhà dòng. Chẳng may, một ngày nào đó bạn bị tai nạn trên đường thi hành sứ vụ; bạn nằm bất động nhiều ngày trên giường bệnh luôn nhờ sự chăm sóc của người khác. Bỗng nhiên, bạn cảm thấy mình là người có lỗi với cộng đoàn. Khi ấy, bạn trải qua một kinh nghiệm về cảm xúc có tội. Cảm xúc ấy rất thật, nhưng đừng để chúng “đè bẹp” bạn. Có thể trong lúc khỏe mạnh, bạn đã quá đề cao mặt hướng ngoại mà vô tình đè nén mặt hướng nội (cái bóng) là cái vốn làm nên ý nghĩa và phẩm chất của mọi việc mình làm. Biết đâu nhờ cảm xúc do biến cố ấy gây nên lại giúp bạn tạo thế quân bình trong đời sống thánh hiến.

Sau khi đã làm rõ những thuật ngữ và giới hạn liên quan đến cái bóng trong đời sống tâm linh, chúng ta cần đặt chúng vào trong quan niệm linh đạo của các dòng tu. Có thể nói, mỗi dòng tu đều có những bộ tu luật, qui tắc hướng dẫn, hoặc những truyền thống riêng được cụ thể hóa từ đặc sủng của Đấng Sáng Lập, thế nên, chúng giữ vai trò giúp các thành viên đạt đến việc tìm Chúa trong đời sống cộng đoàn. Vì vậy, thời gian đầu trong giai đoạn huấn luyện, các ứng sinh cần được tìm hiểu sâu xa và đi vào tinh thần linh đạo, nghĩa là vượt qua những con chữ để thấu hiểu những thông điệp ngầm mà Thần Khí đã soi sáng cho các bậc tiền bối mà một lần nữa, Ngài giúp các môn sinh tái khám phá ý muốn của Chúa qua các vị bề trên và những người trực tiếp huấn luyện.

Thế nhưng, từ sự giới hạn của bản thân khiến cho xuất hiện những cái bóng mà đương sự cần nhìn nhận và làm hòa; vì còn đang tập tành chưa đến độ thuần thục trong đời tu, họ sẽ không tránh khỏi những va vấp, đó là dấu hiệu của cái bóng chưa được giải quyết ổn thỏa. Chúng ta có thể phân tích một trường hợp cụ thể để thấy rõ tầm quan trọng của cái bóng trong hành trình tâm linh của mỗi người. Có thể nói, trong truyền thống đan tu của thánh Biển Đức, một trong những điểm nhấn quan trọng trong bộ tu luật của ngài là các bậc khiêm nhường. Ứng sinh có thể tiếp cận mười hai bậc khiêm nhường của thánh nhân một cách dễ dàng nhờ cách trình bày rất đơn sơ nhưng sâu sắc; các thụ huấn sinh có thể bị cám dỗ thể hiện đức khiêm nhường bằng những tác phong bên ngoài mà quên đi những giá trị nội tâm và những động lực siêu nhiên bên trong giúp quang tỏa hương thơm của nhân đức này. Vô tình, họ dồn nén những phần “bố đời” mà họ đã thụ hưởng trước khi vào nhà dòng, từ đó, cái bóng ấy trở thành nỗi ám ảnh hằng đeo bám họ. Thật vậy, mặc dù sống khiêm nhường nhưng họ luôn bị cám dỗ làm theo ý riêng, chẳng hạn, họ lý luận rằng có nhiều việc ích lợi cho cộng đoàn hơn là việc ngồi lần hạt chung. Họ quên rằng đó là một trong những hình thức nghịch với đức khiêm nhường theo quan điểm của thánh Biển Đức. Chỉ một nhân đức ấy đã tạo nên phần cái bóng khiến chủ thể khó kiểm soát, huống chi là biết bao nhiều điều cần giữ trong cộng đoàn, nếu không bám vào ơn Chúa, các tu sĩ khó tiến xa trong hành trình tâm linh và từ đó, cũng gây trục trặc trong nhịp sống với người khác trong cộng đoàn.

Trong cộng đoàn cũng thường nảy sinh việc tìm kiếm sự hoàn hảo (chủ nghĩa cầu toàn), đây là việc các nhà tu đức thường khuyên những người tập đàng nhân đức nhưng vì không hiểu rõ những yêu sách của sự việc này mà vô tình tạo nên những cái bóng nguy hiểm. Thật vậy, một khi chăm chú thể hiện sự hoàn hảo bản thân theo tiêu chuẩn nào đó từ các nhà đào tạo, các ứng sinh dễ dàng bỏ qua và thậm chí dồn nén những phần yếu đuối bản thân trong vô thức, và phản ứng thông thường khi xảy ra một sự cố là họ sẽ chối từ không nhận lỗi hay thoái thác trách nhiệm cho người khác. Hoặc nặng nề hơn: họ cảm thấy lo lắng và nhục nhã khi không kiềm chế để sống theo những kỳ vọng của cộng đoàn; họ sẽ có khuynh hướng tự coi thường bản thân và đổ lỗi cho mình một cách tàn nhẫn. Và rồi, những anh chị em đồng tu vô tình sẽ là nạn nhân của những tình huống khôn lường này.

Cuối cùng là phần cái bóng được tạo nên do khát vọng trở nên thánh thiện. Tất nhiên, khát vọng này thật chính đáng cho một tu sĩ sống trong cộng đoàn. Nhưng vì không hiểu rõ ranh giới giữa những xác tín bản thân và một người được coi là thánh thiện mà xảy ra những điều đáng tiếc. Một tập sinh nuôi khát vọng nên hoàn thiện đã tìm đọc những sách đạo đức nhưng vì đồng hóa giữa sự hiểu biết này và những gương thánh thiện mà sống trong ảo tưởng mình thánh thiện. Từ đó, họ tạo nên một thứ mặt nạ tốt lành trước mặt mọi người và dồn nén những cái bóng đen trong vô thức. Kết cục, họ càng rời xa lý tưởng đời tu và khó để cho ân sủng Chúa hành động.

Đến đây, chúng ta đã thấy rõ việc chúng ta không thừa nhận sự hiện hữu của cái bóng và không chịu trách nhiệm về chúng thì sẽ vương hại đến sức khỏe tinh thần của chúng ta.[[21]](#footnote-21) Còn nếu biết tận dụng, cái bóng sẽ là dịp giúp ta duyệt xét và cân nhắc hướng đi của mình sao cho phù hợp với nhận thức của chúng ta. Có thế, chúng ta sẽ rút ngắn khoảng cách giữa suy nghĩ và hành động, chính thái độ nhất quán này sẽ giúp định hình nhân cách trưởng thành. Quả thật, trong đời sống tâm linh, một trong những yếu tố quan trọng giúp thực tại có phẩm chất là sự biết mình và thành thực với bản thân.

Có một tu sĩ đã phải chiến đấu mãnh liệt trong đêm tối về những cái bóng trong đời mình. Ngài quyết định đứng dậy rời khỏi giường để đốt một ngọn nến trong đêm đi tìm gặp vị bề trên. Sau khi nghe tu sĩ này chia sẻ, vị bề trên từ tốn gỡ từng nút thắt trong những đám rối đã bao lâu làm vị tu sĩ khổ sở và bối rối. Một lát sau, tâm hồn vị này tìm được sự bình an, và xin chào vị bề trên và ra về với ngọn nến cháy sáng; vị bề trên đưa tiễn người kia một đoạn, rồi bỗng thổi tắt ngọn nến đang cháy trên tay vị tu sĩ. Bỗng nhiên, ánh trăng từ trên cao chiếu xuống con đường họ đứng, và cả hai bước đi thong dong trở về phòng của riêng mình. Bóng tối vẫn đe dọa họ nhưng không làm xâm hại được gì.

# TỪ CÁI TÔI ĐẾN CÁI TA

Có thể nói, đây là một tiến trình kéo dài trong suốt cuộc đời của một người sống đời tận hiến trong một cộng đoàn cụ thể. Các tu sĩ có thể thủ đắc phần nào tiến trình này tùy thuộc vào sự hòa hợp của cá tính mình với hoàn cảnh cụ thể trong cộng đoàn. Tất nhiên, họ phải hiểu biết về cá tính và xu hướng bản thân. Kế đến, vị ấy cần phải từ bỏ những dự tính cá nhân mà đặt nó vào trong dự phóng của cộng đoàn. Cuối cùng, họ cần một cuộc hội nhập thực sự, nghĩa là cả thân xác, tâm hồn họ được đặt dưới sự bảo trợ và tiến triển của cộng đoàn. Để thực hiện cuộc hội nhập này, tiên vàn, họ phải khám ra những phân hóa trong chính họ.

## Từ phân hóa đến hội nhập

Cuộc sống vốn biến dịch, luôn đặt ra cho con người những vấn nạn mới đòi buộc những đáp trả cụ thể, có thế, con người mới đạt mức trưởng thành mỗi ngày. Cũng thế, trong cộng đoàn luôn phát sinh những vấn đề mới đòi hỏi mỗi cá nhân phải chủ động trong cách ứng xử với tình huống mới ấy. Sự thích ứng này là dấu chứng cho mức độ trưởng thành và hội nhập của chủ thể.

Mỗi phát sinh mới luôn làm biến động cách nào đó trong sinh hoạt bình thường của từng cá nhân. Sự biến động ấy được Adrian Van Kaam gọi là sự phân hóa. Thật vậy, theo ông: “*Sự phân hóa là giai đoạn khám phá và thâu nhận những thế giới ý nghĩa mới”.[[22]](#footnote-22)* Điều này giả thiết một sự xáo trộn và xâu xé; *xáo trộn* ở bình diện bên ngoài và *xâu xé* thuộc thái độ nội tâm. Cả hai phải được chủ thể đảm nhận như một tất yếu của sự lớn lên để từ đó, tìm cách *thích* *ứng* và *điều* *hướng* chúng sao cho hòa hợp với nhịp sống của cộng đoàn.

Một trong những thái độ nguy hiểm cản trở việc hội nhập này là từ chối hay phủ nhận sự thay đổi, vì nó đòi buộc chủ thể phải tái lập một cách sống mới phù hợp với hoàn cảnh cụ thể trong cộng đoàn. Khuynh hướng an phận thủ thường này khiến ngăn chặn những dòng nước mới đang lưu chuyển vào trong đại dương. Kết cục là họ giậm chân tại chỗ trong khi sự năng động của cộng đoàn phải trì trệ do tình trạng ù lì của họ. Dần dà, họ tách ra khỏi nhịp sống cộng đoàn trở nên những thành viên lạc hậu trong một cộng đoàn năng động và thăng tiến. Qua đó cho thấy, sự quan trọng mang tính sống còn của tiến trình phân hóa để hội nhập.

Để tránh tình trạng an phận thủ thường, chúng ta cần phải thực hiện một cuộc vượt qua chính mình mà sự can đảm và liều lĩnh là điều kiện thiết yếu. Thật vậy, can đảm và liều lĩnh giúp chúng ta dám đối diện và đương đầu với những gì mới mẻ xẩy ra trong cuộc sống quanh ta. Can đảm không dừng lại ở thái độ sống của một người nhân bản, song, nó là một trong những nhân đức trụ của Kitô giáo. Cụ thể là, một người sống đời tận hiến luôn can đảm chấp nhận đi vào chương trình của Thiên Chúa được thể hiện trong từng cảnh huống của nhịp sống cộng đoàn. Đồng thời, họ liều lĩnh thực hiện một bước nhảy vọt của đức tin sống động bằng cách ra khỏi cái tôi cũ kỹ của mình để “lao mình” về phía trước với những điều mới lạ đang chào đón mà đời sống chung mời gọi họ dấn thân.

Chúng ta có thể ngạc nhiên mà hỏi rằng: Tại sao tôi phải trả một giá quá đắt bằng cách sống can đảm và liều lĩnh để được hội nhập trong một cộng đoàn ? Chúng ta sẽ khởi đi từ việc thẩm định giá trị của hội nhập.

Adrian Van Kaam đã khẳng định rằng chỉ có thể phát triển nhân cách trong một hoàn cảnh cụ thể. [[23]](#footnote-23) Mà một cá nhân không chấp nhận sự hòa nhập và hội nhập trong một cộng đoàn để sống với những thao thức và dự phóng của tập thể này thì không thể nói đến việc hình thành nhân cách đời tu. Như thế mới rõ, qui luật tiến hóa nằm trong bản chất của sự vật mà con người được phát triển trong một tổng hòa đó. Có khác chăng, con người được tự do để chọn cách sống của mình trong tiến trình hội nhập ấy. Có thế, hội nhập là cơ hội giúp cá nhân định hình nhân cách của mình trong cộng đoàn dòng tu.

Có thể nói, chính việc định hình nhân cách của một người đã nêu bật và gồm tóm mọi giá trị cao cả của sự hội nhập. Ở đây, chúng ta đề cập đến sự hội nhập nội tại và sự hội nhập trong một tập thể.

Khi tiếp nhận một điều gì mới mẻ vào trong hiện hữu của mình, chúng ta sẽ đi từ thái độ ngạc nhiên đến việc tiếp cận thực tế. Thật vậy, chúng ta ngạc nhiên vì có những người tỏ dấu chống đối cộng đoàn, và sự kiện này có thể gây hoang mang lo lắng cho bản thân. Nhưng với ý thức cộng đoàn dù thế nào cũng là cộng đoàn tôi chọn để dấn thân, bạn bắt đầu tiếp cận thực tế từ những dữ kiện mình có được. Sau một thời gian suy xét, bạn nhận ra thiện chí nơi đương sự và ý nghĩ chống đối mà tôi gán cho người khác chỉ là một cái nhìn thiển cận. Từ đó, tôi đi vào nhịp sống của cộng đoàn và dấn thân với ý thức mọi người đều thiện chí xây dựng ích chung. Sự hội nhập ấy đã ghi đậm trong ký ức của tôi từ những giằng co trong những phán đoán trái chiều của mình. Sự hội nhập ấy tôi có thể thủ đắc được nhờ sự bỏ mình, ra khỏi cái đầu nhỏ bé của mình để đi vào sự huyền nhiệm của thế giới của tha nhân để gặp họ trong sự tiến triển của cộng đoàn. Từ đó, tôi ngộ ra: hội nhập là một cuộc đi vào thế giới huyền nhiệm, trong đó cá nhân và tập thể được đan xen vào nhau; đau khổ và niềm vui… của cộng đoàn đã là đau khổ và niềm vui của tôi. Chiều kích nội tâm hóa ấy giúp tôi sống thực với cảm thức thuộc về cộng đoàn này.

Chúng ta có thể tóm kết vấn đề đang bàn trong hai hình ảnh ví von: vết khâu đã lành và tấm vải được kết nối.

Chúng ta thấy rằng sự phân hóa ví thể một vết thương bị mưng mủ do bị một vật lạ xâm nhập vào, người ta phải dùng chỉ tan để khâu vết thương lại, đồng nghĩa với việc chấp nhận đau đớn hơn. Rồi sau một thời gian vết hở đã kín, vết thương đã lành. Ấy là tiến trình của việc phân hóa đến hội nhập. Chúng ta chỉ mới dừng lại sự hội nhập nội tại, nghĩa là diễn ra trong nội tâm. Để mô tả sự hội nhập cá nhân trong cộng đoàn, chúng ta có thể sử dụng hình ảnh tấm vải. Mỗi cá nhân có thể ví như một sợi chỉ dài nằm song song với nhau, nhưng một khi chúng chấp nhận sự đan xen và ngược chiều nhau, chúng mới tạo nên một tấm vải hoàn hảo. Như thế, sự hội nhập nội tại đòi buộc chủ thể phải trải qua một giai đoạn phân hóa mà sự khủng hoảng nội tâm cách nào đó phải được đương sự chấp nhận và chuyển hóa tích cực đến khi nó được hội nhập hoàn toàn. Còn sự hội nhập trong cộng đoàn đòi buộc chủ thể chấp nhận những yếu tố khác biệt, những tính khí thất thường và những ý hiến trái ngược, song, đó lại là mầu nhiệm của đời sống chung. Chính những sợi chỉ kết nối trái chiều nhau đã tạo nên dụ ngôn về tấm vải hoàn hảo.

## Tiến trình hội nhập

Có thể nói, đây là một tiến trình gắt gao nhất mà một người hiểu biết chính mình và thiện chí phải vượt qua. Đây là cuộc phá đổ rồi xây dựng luân phiên, tiếp đến mở ra với những chiều kích mới trong cuộc sống. Như thế, hội nhập ở đây, được hiểu là một cuộc tái lập thế quân bình nội tâm rồi lại mở ra cho đời sống chung, đến khi, đời sống ấy trở thành chất liệu làm nên cuộc sống.

Trước tiên, chúng ta cần bàn đến những cản trở khiến một cuộc hội nhập khó hình thành. Một khi, chúng ta khắc phục và vượt qua những trở lực này mới hy vọng đi vào một cuộc hội nhập đúng nghĩa.

***Ảo tưởng***

Ảo tưởng là một thực tế gắn liền với hiện hữu con người. Con người có thể ảo tưởng về chính mình và thực tại xung quanh. Trong đó, ảo tưởng nguy hại nhất là ảo tưởng về bản thân. Cụ thể là ảo tưởng mình là đấng toàn năng. Thánh Phaolô đã nói về họ rằng chẳng làm việc gì mà việc gì cũng xen vào. Họ thích làm ân nhân và là phao cứu hộ cho mọi người. Ai nhờ việc gì họ rất vui thích và sẵn sàng giúp đỡ nhưng họ đã ảo tưởng khi cho rằng: “Mình không giúp thì ai làm được”, “chỉ có mình tôi là xứng đáng”. Vì thế, họ tự cao khi đánh giá về mình. Nếu thành công, họ tự qui về mình; gặp bất trắc, họ đổ lỗi cho người khác hay hoàn cảnh. Yếu tố này ảnh hưởng hay làm cản trở đến việc phân hóa vì đương sự đã đánh mất sự đánh giá khách quan về bản thân, và một khi không biết chỗ đứng của mình thì không thể nào nhìn nhận đúng bản chất sự vật, từ đó, họ tiếp nhận thực tại một cách méo mó. Chỗ đứng, ở đây có thể hiểu là góc nhìn của chủ thể.

Có truyện ngụ ngôn kể rằng một chú khỉ thấy một chú cá đang bơi lượn dưới nước, chú cố gắng hết sức lấy tay vớt cá lên bờ. Chú thỏ đi ngang hỏi: lý do vì sao anh vớt cá lên bờ ? Chú khỉ trả lời: tôi muốn cứu chú cá khỏi chết đuối. Chúng ta thấy rằng người ảo tưởng cũng như chú khỉ kia tự đặt mình vào thế một người trợ giúp nhưng vì không biết xử lý tình thế mà sự thật, có thể gây nguy hại cho người khác.

Cũng trong khuynh hướng ảo tưởng mình toàn năng, họ tự nhìn nhận là mình luôn đúng. Việc tự vỗ ngực xưng tên rằng mình là đúng cả, không được biểu hiện một cách minh nhiên, nhưng trong cung cách sống: lời nói hay việc làm, chúng ta dễ nhận ra ảo tưởng này. Họ thường than phiền người này việc nọ, rằng: điều này thật sai lầm, người kia thật kém cỏi… Một cách gián tiếp họ đã nâng mình lên và lấy mình làm chuẩn mực để đánh giá con người và hoàn cảnh. Từ đó, họ lại thổi phồng cái tôi và củng cố thêm sự ảo tưởng rằng người khác sai chỉ mình tôi đúng. Và nếu như có ai tỏ vẻ chống đối họ, họ tỏ ra bức xúc mà phản ứng cay nghiệt, song họ lại tự biện mình cho những hành động quá khích ấy bằng việc nhân danh chân lý. Mà thực ra, chân lý không cần ai phải chứng minh và bảo vệ vì nó hiển nhiên là thế ! Chỉ có những kẻ ảo tưởng mới tự phong mình làm kẻ bảo vệ chân lý, kỳ thực chỉ là bảo vệ cái tôi của mình. Đây cũng là một trở lực khiến chủ thể khó thực hiện một cuộc phân hóa. Trong tiến trình phân hóa luôn giả thiết hai yếu tố: một cái đã có sẵn (cái cũ) và một điều mà chủ thể đang tiếp cận. Cả hai hàm chứa một sự “xung khắc” hay mâu thuẫn nào đó mà cần một tu sĩ khôn ngoan thích ứng để tìm giải pháp ôn hòa hầu giúp bản thân phát triển hơn. Trong khi đó, người dính vào ảo tưởng này chỉ biết mình là chân lý thì vô hình trung, những sự khác chỉ làm lu mờ bản thân. Thế là họ tiếp tục sống trong tình trạng cũ.

Một hình thức ảo tưởng khác là tự đặt mình vào thế trung tâm. Nói như Đức Phanxicô, họ say mê nhìn hình ảnh mình đến nỗi quên mất thực tại chung quanh. Họ cố tạo ra một phong thái uy nghi như thể mọi người đang dán mắt nhìn họ. Họ là bản biếm họa về những ông Pharisêu trong Tin Mừng, thích xúng xính trong bộ cánh ra vẻ đạo đức. Từ đó, họ “ăn xin” những lời khen của người khác như kẻ đói khát tình thương xót của mọi người. Trong tương quan, họ luôn đi bước trước, chủ động giúp đỡ mọi người nhưng lại núp né một nhu cầu của bản thân. Xét ngoại diện, họ là người xả thân, hết mình phục vụ người khác, song lại mang mặc cảm vì bản thân không được người khác nhìn nhận và tôn trọng. Họ đi từ ảo tưởng về cách đánh giá của người khác đến ảo tưởng về những giới hạn của bản thân.

Một khi được người khác trọng vọng, họ đi thêm bước nữa: ảo tưởng mình có khả năng thay đổi thế giới. Thế giới vốn tốt đẹp mà Thiên Chúa đã chuẩn bị cho con người lại trở nên nhàm chán và đơn điệu đối với người ảo tưởng. Vì thế, họ ra sức thay đổi bộ mặt thế giới. Họ muốn là anh hùng tạo nên thời thế nhưng thực tế, lại không hành động. Họ bỏ qua những cơ hội giúp bản thân thể hiện trong đời sống chung. Dưới mắt họ, những người đang sống chung với họ luôn có “vấn đề”, từ đó, họ bị tiên kiến chi phối các mối tương quan khiến họ mất sự tin tưởng đơn thành nơi tha nhân. Họ đi từ cộng đoàn này đến cộng đoàn khác với một thiện chí lớn lao: muốn cải tổ cộng đoàn. Chính vì thế, họ như người bàng quan chỉ biết đánh giá mọi sự mà không dấn thân thực sự nhằm thăng tiến cộng đoàn.

Cũng từ việc ảo tưởng mình có khả năng thay đổi thế giới, nếu xét trong tương quan, chúng ta sẽ thấy họ trở thành người bất hạnh nhất vì không thể chấp nhận người khác như *họ là*, mà cứ quay quắt lo cho người khác mà thật ra, là muốn tìm thỏa mãn cho khát vọng điên cuồng: muốn thay đổi người khác. Xét cho cùng, việc người khác có thay đổi không, chẳng liên hệ gì đến tôi, thế nên, ảo tưởng ấy chỉ là mặt nổi của một cái tôi bất hạnh muốn khẳng định mình nơi thực tại bên ngoài.

Chưa hết, có một hình thức ảo tưởng khác hết sức nguy hại đến phẩm giá con người khi con người đặt mình ngang hàng với sự vật và nghĩ rằng chúng tô thêm vẻ đẹp cho chiều kích nội tâm. Đó là ảo tưởng về giá trị bản thân. Thật vậy, hơn lúc nào hết, ngày nay, khi thế giới quảng cáo tràn lan trên khắp các mạng thông tin, con người cũng vì thế, mang bộ mặt của những mẫu người quảng cáo mà rời xa bản chất con người thật của mình. Có thể nói, các nhà quảng cáo đã thành công khi kích thích được nhu cầu tiêu dùng của khách hàng khi đánh trúng tâm lý của người mua. Bạn muốn nổi bật giữa đám đông ư ? Hãy sử dụng sản phẩm phấn trắng của chúng tôi, bạn muốn trở thành người đàng ông đích thực ư ? Hãy sử dụng dầu gội đầu của chúng tôi. Và rồi họ đã đưa lên những người mẫu, cầu thủ bóng đá như những mẫu điển hình giúp đánh vào thị giác và tâm lý khách hàng. Nói chung, họ tìm mọi cách để kéo người tiêu dùng trở thành người “bảo trợ” cho mặt hàng của họ. Nếu không có sự cân nhắc kỹ càng, người tiêu dùng sẽ bị nhồi sọ cách nào đó mà nghĩ rằng những sản phẩm ấy góp phần tăng thêm giá trị bản thân. Trong vô thức, tôi đi tìm tôi trong những sự vật sở hữu ấy, nhưng trái lại, tôi dần đánh mất mình nơi đồ vật nay còn mai mất. Đến một lúc nào đó, tôi ảo tưởng rằng mình có thể xây dựng nhân cách mình dựa trên phạm trù chiếm hữu, trên những sự vật bản thân sở hữu được.[[24]](#footnote-24)

Tưởng cũng cần nhắc đến một ảo tưởng vương hại đến đời sống tâm linh của nhiều người: ảo tưởng về việc ai đó làm tổn thương mình. Có thể nói, chính ảo tưởng này đã kéo ghì họ ra xa sự quan tâm của đồng loại và sự bao bọc của Thiên Chúa. Dần dà, họ trở nên sống khép kín và tự phạt mình nhiệm nhặt như kẻ ái khổ. Bộ mặt rầu rĩ của họ là bước đầu của sự công kích. Họ thô bạo với chính mình và mất kiên nhẫn với anh em. Nhưng thật ra, dưới gầm trời này không ai có thể làm họ bị tổn thương trừ khi họ cho phép. Chính sự nhận thức sai lạc như kẻ mù dẫn họ sa vào hố sâu của sự bất hạnh.

Ngoài ra, chúng ta cần lưu ý về những “thế giới ảo”, nơi đó, chúng lôi kéo con người sống rời xa thực tại, ảo tưởng về bản thân và người khác. Một khi mất tin tưởng với những người sống chung, họ tìm bù trừ trong những liên lạc ảo qua các phương tiện thông tin hiện đại. Họ thích trò chuyện và trao đổi với những người chưa từng gặp mặt. Đó là cách giữ thể diện và an toàn nhất giúp họ tránh khỏi những va chạm vì không thích thì tránh kết nối. Những tương quan qua đường ấy như chiếc phao cứu hộ giúp họ sống an toàn hơn là cởi mở với thực tế đời sống. Họ đi từ ảo tưởng này đến ảo tưởng khác.

Tóm lại, những ảo tưởng chúng ta vừa nêu trên có thể tạo một vòng khép kín bao quanh cái tôi đích thực của một người nào đó. Đã đến lúc chủ thể phải giũ bỏ mọi ảo tưởng để có thể chân thành về với lòng mình mà tái khám phá cái tôi đích thực vốn giúp đương sự hình thành nhân cách lành mạnh trong một cộng đoàn. Quả thật, chỉ khi nào một tu sĩ thực sự ý thức về căn tính của mình khi ấy họ mới sẵn sàng tiếp cận thực tại đời sống (đi vào việc phân hóa) hầu nhằm thăng tiến bản thân trong một cộng đoàn nào đó.

***Giả tạo***

Cũng vậy, sự giả tạo nơi một tu sĩ sẽ khiến họ xa rời với việc phân hóa hầu đi đến một cuộc hội nhập đúng nghĩa mang lại ích lợi cho đời sống cá nhân cũng như cộng đoàn.

Hồng Y Phanxicô trong tác phẩm *Những chứng nhân trên đường hy vọng,* đã kể một câu chuyện:

Theo truyền thống cổ tại Á Châu, ở triều đình, năm này qua năm kia, người ta viết lịch sử vương quốc. Nhiệm vụ này được ủy thác cho hai vị quan cấp cao của hoàng đế. Một vị phải ghi những điều tốt lành xảy ra trong vương quốc và vị kia lại lập danh sách những gì tiêu cực xảy ra. Nhưng không vị nào biết người kia viết gì.

Trong một buổi triều yết đặc biệt và công khai vào đầu năm mới, trước mặt hoàng đế và toàn thể bá quan văn võ, hai vị quan phải đọc bản tổng kết. Tất cả mọi người đều chờ đợi, mong được biết sự thật do sự đối chiếu giữa hai bản phúc trình.

Sau khi nghe cả hai bài, hoàng đế hướng về toàn thể bá quan và hỏi: “*Ai trong các khanh có điều gì muốn nói, thì cứ tự nhiên”*. Đây là một ngày mà hoàng đế mời tất cả mọi người tự do phát biểu ý kiến. Nhưng không ai dám nói. Im lặng tuyệt đối bao trùm triều đình. Bất thình lình người ta nghe có tiếng than khóc. Hoàng đế hỏi: “*Ai khóc vậy ? Hãy tiến ra trước mặt trẫm mà giải thích”.* Một vị quan bước ra, bái ba lạy trước mặt hoàng đế và với tất cả lòng kính cẩn, ông nói: “*Tâu bệ hạ, không có ai trong triều đình dám nói sự thật. Thần sợ rằng đất nước ta lâm nguy…thần khóc”.[[25]](#footnote-25)*

 Câu chuyện này nhằm diễn tả sống động về thực trạng con người mọi thời thường sống núp né sự thật. Giả tạo, mặt nạ là bộ mặt mà con người chọn khi sống với người khác. Người ta trình diễn những nét đẹp của nền văn hóa nào đó bằng chiếc mặt nạ hơn là sống thật với thân phận vốn yếu đuối của con người. Bởi đó, có người đã ví cuộc đời là một vở diễn. Sau khi đã đảm nhận xong vai diễn, họ trở về với sự trần trụi của phận người.

Đức Phanxicô đã coi họ là người mang bệnh tâm thần phân liệt trong cuộc sống. Đó là bệnh của những người sống hai mặt, hậu quả của sự giả hình về sự tầm thường và dần dần trở nên trống rỗng về tinh thần mà các văn bằng tiến sĩ hoặc các bằng cấp khác không thể lấp đầy được. Họ chuộng hình thức bên ngoài, cố tạo một phong cách ấn tượng để đáng được mọi người tôn trọng. Họ tránh đối diện với những khó khăn của cuộc sống vì như thế, điểm yếu của họ sẽ bị lột trần. Thế là họ chọn cách thể hiện khác: đứng chỉ tay hơn là hành động. Họ đạt đến địa vị này cũng là nhờ việc cung phụng bề trên. Một mặt, họ khom lưng, luồn cúi, nịnh bợ và lấy lòng bề trên; mặt khác thì tác oai tác quái, chà đạp, o ép và bắt nạt kẻ dưới. Sống “nịnh trên nạt dưới” hay “đội trên đạp dưới” là thái độ của kẻ hai lòng, sống hai mặt. Nếu sống chỉ biết mình thì những gì xảy ra trong cộng đoàn lại là cơ hội cho những kẻ luồn lách được thể hiện bản thân.

Sự bất nhất trong lời nói cũng như hành động đều xảy ra ít nhiều nơi bất cứ cá nhân nào, nhưng với người giả tạo, họ che giấu, phủ nhận bằng mọi cách nhằm tạo uy thế cho bản thân. Một cái tôi không được xây dựng bằng thực chất của mình là một cái tôi tồi, giả tạo. Người ta không thể diễn kịch mãi trên sân khấu cuộc đời đâu ! Người ta khen diễn viên Lục Tiểu Linh Đồng diễn rất thành công vai Tôn Ngộ Không. Nhưng những biểu hiện của vai diễn lại trở nên một tập quán không thể chấp nhận trong đời thường ngày khiến người vợ phải buộc ly dị với anh. Chiếc mặt nạ là một thực tế không ai chấp nhận trong đời thường nhưng nó lại có nguy cơ đeo bám bất cứ ai không ý thức đủ về bản thân mình.

Một điều khá quan trọng mà chúng ta không thể bỏ qua đó là việc một tu sĩ không sống thật với những suy nghĩ và cảm xúc của mình chắc hẳn sẽ vương hại đến việc họ tiếp cận một tình huống cụ thể. Vì một khởi đầu hay một phương tiện sử dụng không được thật thì chúng ta sẽ biết kết quả là một tình trạng “rẻ tiền”. Chúng không thể nào là một kết quả đáng ước ao cho một đời nỗ lực chấp nhận một cuộc phân hóa để rồi hội nhập và toàn nhập trong đời sống cộng đoàn. Có thể nói, mọi sự giả tạo đều trần trụi trước mặt Chúa. Đây là một chân lý cần được chứng thực trong đời sống miễn là đương sự cần chân nhận thực trạng của mình.

Bài học đầu tiên mà mỗi người phải học là sống thật với chính mình. Mà cái giá phải trả cho việc sống thật ấy là cả một nghệ thuật sống ý thức. Triết gia Socrate có lý khi nói: Một cuộc sống không ý thức thì không đáng sống. Với ý thức, con người có thể lột dần những chiếc mặt nạ đang bám chặt hình ảnh về bản thân. Một khi chấp nhận cả những mặt yếu của bản thân, các tu sĩ sẽ tiếp cận những thực tại mới mẻ và đối chiếu trong ánh sáng đức tin, từ đó, mọi cảnh huống có thể là những cơ hội giúp đương sự sống khiêm tốn và hoán cải hơn theo tinh thần Tin Mừng.

***Tự vệ***

Trong tác phẩm *Nhân cách đời tu 1,* chúng ta đã liệt kê 9 loại tự vệ thường gặp trong đời sống. Hiện nay, các nhà nghiên cứu đã đưa ra một con số khá bất ngờ: hơn hai mươi loại tự vệ mà con người đã dùng trong cách ứng xử trong đời sống xã hội nói chung. Qua đó, chúng ta nhận thấy rằng tính phong phú và phức tạp trong đời sống nội tâm của con người. Mỗi bước khám phá của các nhà tâm lý là một bước tiến trong việc mô tả dung mạo con người một cách toàn diện hơn.

Trong tác phẩm trước, chúng ta chỉ mới liệt kê một vài loại với mục đích giúp mỗi người đối chiếu với đời sống thực tế của mình. Ở đây, chúng ta đi thêm bước nữa trong việc tìm hiểu tầm quan trọng và tính thực tiễn của vấn đề, nhờ đó, chúng ta có một nhãn quan rộng mở hơn khi đánh giá những hình thức tự vệ.

Xét về mặt sinh học, một người có triệu chứng hắt hơi là do việc xâm nhập của mùi vị lạ hoặc khó chịu nào đó đi vào khứu giác con người. Hắt hơi là phản ứng tự nhiên nhằm tống khứ mùi lạ ấy ra ngoài nhằm bảo vệ sức khỏe bản thân; đồng thời, cũng là dấu hiệu báo động về hiện trạng sức đề kháng của cơ thể bị suy giảm. Cũng vậy, ở tầm mức cao hơn trong đời sống tinh thần, “hắt hơi” là một cách tự vệ cái tôi. Trong vô thức, có một hệ thống nhằm báo động: lòng tự trọng con người có nguy cơ bị tổn hại do những tác nhân bên ngoài hoặc bên trong con người gây nên. Hệ thống báo động ấy được biểu hiện cụ thể qua những hành vi[[26]](#footnote-26) mang tính tự vệ.

Một lối giải thích khác cho biết: để duy trì sự an toàn trong cuộc sống, con người thời đại luôn đặt tình huống tồi tệ nhất xảy ra để xử lý, cách xử lý sau cùng là mở ra một lối thoát hiểm. Cũng vậy, để duy trì sự an toàn của cái tôi hay lòng tự trọng, những nhà chuyên môn tâm lý đã khám phá ra những cơ chế tự động và vô thức trong con người dùng để “thoát hiểm” được gọi là cơ chế tự vệ.

Xét cho cùng, mọi cơ chế tự vệ đều là cơ chế tự biện hộ, tự thuyết phục bản thân diễn ra dưới phạm trù vô thức lẫn ý thức. Nói cách khác, cơ chế tự vệ chính là cơ chế con người sử dụng để tự nói dối chính mình. Mà nói dối là hình thức phản nhân cách. Vì thế, để xây dựng một nhân cách lành mạnh, chủ thể cần phải dỡ bỏ chúng, nhằm tăng cường khả năng đương đầu với các sự kiện và có phương hướng giải quyết thích hợp; đồng thời, giúp chủ thể đối diện với vấn đề mà không sợ hãi, lo lắng.

Như chúng ta đã nói con người sử dụng cơ chế này vì muốn tránh né thực tại. Nếu mỗi cuộc phân hóa đòi buộc đương sự phải chấp nhận sự giằng co nào đó giữa cái cũ và thực tại mới thì các tu sĩ tự vệ lại tự cô lập mình. Điều này làm cản trở sự tiến triển của một nhân cách đúng nghĩa.

Có một điểm tích cực khi bàn về cơ chế tự vệ là chúng bảo vệ bản thân khỏi mọi nguy hiểm đe dọa lòng tự trọng của mình. Đó là cách bảo vệ hay phục hồi lòng tự trọng, thế nhưng cách thức đó lại dựa trên một nền tảng sai lạc, đó là tránh né vấn đề, như một kẻ trốn chạy khỏi thực tại khó khăn đầy những nguy cơ và thử thách mà cá nhân cho rằng nó không nên xảy ra với mình và vượt quá khả năng chấp nhận, chịu đựng, vượt qua. Ngược lại, người không có phản ứng tự vệ thì nhìn thẳng và đối diện với vấn đề, cho dù vấn đề đó làm cho mình trở nên lúng túng, và từ việc chấp nhận đó sẽ xây dựng nên một cách sống, trong đó chủ thể quan tâm đến những nhược điểm và những nỗi sợ hãi mang tính ám ảnh của bản thân... Có thể nói, chính việc chấp nhận đương đầu với những khó khăn của cuộc sống mà con người được lớn lên và giúp định hình nhân cách mỗi ngày. Thiết tưởng, đó cũng là giá trả cho một bài học: *biết* *mình*.

Bởi đó, khi đề cao lòng tự trọng và tính cần thiết của các cơ chế tự vệ nơi con người nhằm bảo toàn lòng tự trọng, chúng ta càng làm cho việc dỡ bỏ những cơ chế đó thêm khó khăn. Nhưng khi chấp nhận thực tế này, chúng ta tỉnh thức hơn với những hình thức của chúng.

***Dửng dưng***

Chúng ta sẽ không bàn đến thực trạng của xã hội hiện nay về vấn đề này. Ở đây, chúng ta cần nêu bật những nguy hại của tu sĩ sống dửng dưng khiến cản trở trong việc thực hiện một cuộc phân hóa cần thiết trong đời sống.

Chúng ta không thể phủ nhận tầm ảnh hưởng của lối sống xã hội lên nhân cách một tu sĩ mà cụ thể là sự dửng dưng. Một tu sĩ trở nên chai lì trong cảm xúc sẽ khó có một cái nhìn ngạc nhiên như con trẻ khi đứng trước một sự vật hiện tượng. Một sự ngạc nhiên cần thiết của một triết gia như Lévinas đã khám phá ra khuôn mặt của Thiên Chúa nơi tha nhân và nhận ra trách nhiệm của mình nhằm xây dựng đời sống cộng đoàn, quả là một bài học cho tu sĩ vốn chủ trương sống dửng dưng. Một khi đánh mất sự ngạc nhiên ban đầu khi tiếp xúc với thực tại, tu sĩ ấy chỉ tự cô lập mình và hư vô hóa thực tại cách nào đó vì mọi sự biến chuyển bên ngoài chẳng làm lay động được một cọng lông mi trên mắt huống nữa là có thể khêu gợi một tâm tình gì đến từ bên trong.

Có thể nói, họ rập khuôn tất cả theo một mẫu có sẵn mà do kinh nghiệm quá khứ của họ tạo nên. Từ đó, họ luôn thành kiến và tiên kiến với mọi người. Chính đám mây ấy đã che khuất tầm nhìn chân thực của họ về người khác khiến họ đóng khung thực tại và sống trong cảm giác đơn điệu nhàm chán, tất nhiên không phải do hoàn cảnh bên ngoài mà là sự ngưng đọng cách nào đó của nội tâm nơi vị tu sĩ ấy. Có thể nói, sự dửng dưng làm băng giá và băng hoại mọi tương quan trong đời sống cộng đoàn.

Sự hời hợt của một tâm hồn chai cứng không thể mở ra cho thực tại bên ngoài thì khó có thể tạo không gian cho ân sủng tác động. Lúc này cần một cú ngã thật đau như thánh Phaolô trên đường Đa-mát may ra đương sự mới dần nhạy cảm mở ra với mọi sự vật hiện tượng mà nhận ra dấu chứng tình thương Chúa. Khi ấy, một cuộc phân hóa được diễn ra trong nội tâm sẽ là những bước biến chuyển tích cực đi về phía Sự Thiện nhằm giúp con người sống hội nhập và hoàn thiện bản thân.

Trên đây chỉ là một vài gợi ý mà người viết mặc nhiên muốn nêu bật tầm quan trọng của một tiến trình từ phân hóa đến hội nhập. Một tâm thức sẵn sàng cũng chưa đủ nếu bản thân thiếu xác định rõ tình trạng hiện thời của mình, và chuẩn bị những đặc tính giúp chinh phục cuộc hội nhập trong hành trình tâm linh.

***Đánh giá thực tại đúng đắn***

Thực tại, ở đây chúng ta có thể hiểu là những gì thuộc về bản thân và các đối tượng mà chủ thể tiếp nhận. Dù sao yếu tố thiết yếu và quyết định vẫn thuộc về bản thân. Vì khi được xem là đạt đến một nhân cách đích thực cách nào đó, vị tu sĩ sẽ ít trở thành là nạn nhân của phần lớn tác động bên ngoài. Chính lúc này chủ thể sẽ điều hướng nhận thức và ý thức hầu đưa ra một nhận định đúng đắn để hành đồng. Về phía bản thân, tu sĩ ấy tránh những ảo tưởng về cách lượng giá chính mình. Tất nhiên, trong cuộc sống, vẫn không thiếu những thất bại. Chính thất bại sẽ nói lên phần ảo tưởng thiếu thực tế của đương sự. Quan trọng hơn cả không phải là thất bại hay thành công mà một nhân cách trưởng thành cần luôn tái xác định vị thế của mình trong cộng đoàn, và chịu trách nhiệm về mọi hành động bản thân.

Vì bản thân mỗi người là một thực tại năng động đang tiến bước và tiến triển trong một môi trường, một nền văn hóa nào đó, nên việc hiểu biết mình một cách triệt để là điều bất khả và một lần nữa, điều này giả thiết chúng ta có những đánh giá sai lạc về chính bản thân, từ đó, xảy ra những điều đáng tiếc và ngoài ý muốn; hơn hết, một thái độ khiêm tốn và sám hối liên lỉ giúp chúng ta sống thức tỉnh hơn và luôn trân trọng tất cả những gì xảy đến như dấu chỉ thời đại là dấu chứng tình yêu Thiên Chúa quan phòng.

Điều mà chúng ta đang nói về chính mình như một chủ thể thì cũng hoàn toàn thích hợp cho mọi đối tượng khác, rằng mọi thực tại đời sống là một thể năng động nên không ai có thể bó gọn trong một vài phàm trù từ sự hiểu biết hạn hẹp của cá nhân chủ quan. Điều này Đức Phanxicô đã có lần cảnh báo khi con người dán nhãn đối tượng khác bằng những danh từ: anh này tội lỗi, chị kia ích kỷ… mà không nhận ra những mặt mạnh nơi người khác và có một khóe nhìn đức tin. Có thể nói, việc chúng ta làm “đông cứng” thực tại là một sự bất công. Một Augustinô hôm qua phạm tội tày đình mà hôm nay đã được Chúa hoán cải, thế sao chúng ta cứ để mình bị ám ảnh bởi một con người tội lỗi mà không khám phá ra một con người đã được ơn sủng Chúa biến đổi.

Điều mà chúng ta nhắm đến khi đánh giá một vấn đề rằng mọi thực tại đều là một phát hiện tươi mát của quyền năng Chúa.[[27]](#footnote-27) Khi ấy, mọi sự xảy đến với chúng ta đều mang chiều kích cứu độ. Mà điều này chỉ có thể thực hiện được khi chủ thể không còn là nạn nhân của tình trạng vị kỷ, thành kiến và những cảm xúc tiêu cực. Tác động ra khỏi mình không phải là đánh mất chính mình nhưng là thoát ra khỏi lối suy diễn thông thường của con người: chỉ tìm ơn cứu độ cá nhân cách nào đó. Chúng ta không được cứu một mình nhưng cùng với cộng đoàn.

Để duy trì ánh nhìn và phán đoán khách quan, chúng ta phải được lọc qua một thấu kính đức tin. Một tu sĩ thiếu đức tin về sự hiện diện của Chúa sẽ luôn đối diện với những rắc rối trong một việc hết sức bình thường, và đương đầu với những cạm bẫy trong một khó khăn hết sức tự nhiên trong đời sống cộng đoàn. Điều rắc rối ở đây là do bản thân nhận thức và đánh giá thực tại thiếu chuẩn mực nên dễ dẫn đến thái độ quan trọng hóa vấn đề: *có bé xé cho to.* Đôi khi tự mình nhốt mình trong một cái vòng luẩn quẩn rồi tự vấn về thái độ thiếu trách nhiệm liên đới của người khác mà thực ra, đó chỉ là chuyện thường tình ở huyện mà một ông trưởng phòng tự lo liệu được.

Bởi đó, thực tại vẫn thuần khiết như chúng vốn có chỉ rắc rối và trở thành vấn đề dưới góc nhìn của bản thân. Chỉ khi nào mỗi tu sĩ có được góc nhìn của chính Chúa: *mọi sự đều tốt đẹp,* khi ấy chúng ta mới thực sự là bậc “giác ngộ”.

***Thành thực và trung thực***

Để đối lại với khuynh hướng xã hội là giả tạo, mỗi tu sĩ được mời gọi sống thành thực với chính mình và trung thực với tha nhân. Đây quả là một trong những cú lội ngược dòng mà mỗi tu sĩ cần quan tâm để giúp duy trì căn tính của mình.

Có thể nói, thành thực và trung thực là những phẩm chất gắn liền với một hiện hữu. Nó không phải là một chiếc áo lấp lánh được gắn với muôn màu lộng lẫy của chất liệu phàm nhân. Nó cũng không phải là đôi giày cao ngạo bước lên từ sân khấu cuộc đời của những tràng vỗ tay như vô hồn thiếu trách nhiệm về nỗi đau của kẻ hai lòng. Nó càng không phải là chiếc nón xinh xinh che đi một phần cái đầu rỗng tuếch, và để lộ một chút thản nhiên trên khuôn mặt mộc lấm lem bụi đời. Nhưng nó là nội lực và chất xúc tác của tất cả những gì chân, thiện và mỹ mà con người chỉ thực sự cảm nghiệm qua một nhân cách trưởng thành đúng nghĩa.

Có thể là một cô gái điếm với một quá khứ đầy tội lỗi nhưng lại có khả năng sống thành thực với chính mình khi tìm đến và gục đầu dưới chân một người tên Giêsu, Đấng ấy tự xưng là Chân lý. Phải chăng chỉ khi chấp nhận qui phục chân lý, con người mới thực sự là kẻ thành thực với chính mình ? Ở đời tạm này không ai dám chắc mình chiếm hữu Chân Lý. Chỉ có những ai càng gần ánh sáng thì được ánh sáng chiếu soi. Họ không là ánh sáng nhưng chấp nhận làm vật phản quang trung thực nhất. Có thể nói, bao lần cô gái điếm ấy muốn “trở về” nhưng rào cản hà khắc của nền văn hóa thời đó đã đẩy ả vào những cuộc chơi không hẹn ngày về. Bỗng một ngày cô nghe nói về một con người vượt lên trên nền văn hóa ấy, cô đến diện kiến một thần tượng như là người có thể cho họ ánh sáng để vượt qua. Và hơn cả sự mong đợi, Đấng ấy đã cho cô chạm vào mặc dù biết rằng theo luật thời đó chính mình sẽ bị nhiễm uế. Nhưng làm sao có thể lây nhiễm một Đấng thánh của Thiên Chúa. Người đến trần gian để tìm và cứu những người ô uế như cô, và đã ngang nhiên tuyên bố rằng những cô gái điếm vào Nước Thiên Chúa trước những kẻ tự coi mình là công chính. Có thế, chúng ta mới rõ chỉ có thành thực với chính mình sẽ giúp ta đến gần Thiên Chúa mặc dù, bản thân mang đầy yếu đuối và tội lỗi.

Cũng vậy, một tu sĩ không cần quan tâm đến ấn tượng có thể tạo ra nơi người khác, chẳng tìm cách để phô trương hay quảng cáo chính mình; đồng thời, chấp nhận tình trạng bản thân vốn yếu đuối, không che giấu giả tạo hay “diễn sâu” với những người trong cộng đoàn thì đó là một dấu chỉ tích cực hứa hẹn cho một cuộc trở về. Đời tu không gì khác là thực hiện một cuộc trở về, trở về với lòng mình và trở về với Đấng dựng nên và yêu thương mình. Một nhân cách đời tu không thể chấp nhận sự đa tạp của những gì không thuộc về mình, đèn của các cô trinh nữ khôn ngoan không thể cho các cô dại vay mượn, bởi đó, chúng ta mới hiểu vị Tân Lang đã không nhận ra các cô là ai và không cho vào dự tiệc cưới. Thật vậy, sống thành thực với chính mình là sống như Chúa muốn về bản thân mình. Mà điều Ngài muốn bàn bạc trong mọi cảnh huống của cuộc đời như những dấu chứng tình thương trải dài trong suốt ngày sống mà chỉ có những tâm hồn nhạy cảm với tiếng động của tình yêu mới dễ dàng nhận ra và thi hành như người tôi tớ trung thành.

Thiết tưởng chúng ta cũng cần nhìn mặt trái của vấn đề để thấy rõ hơn đâu là sự giả tạo và đâu là thành thực với chính mình. Chúng ta có thể hình dung một tổng trấn Philatô trong cuộc xét xử của Chúa Giêsu. Ông đã đặt một câu hỏi: *Sự thật là gì,* mà không cần ai trả lời vì có lẽ chẳng có gì ở đời được gọi là sự thật. Có chăng là kẻ tự mãn tự xem mình là người thủ đắc sự thật, và sự thật ấy là một thứ ý thức hệ làm băng hoại nhiều thế hệ nhân loại. Một người không dám đối diện với những thực tại ở đời là dấu chứng chắc chắn cho một kẻ chưa dám đối diện và thành thực với chính mình; để rồi, rửa tay nói lên mình vô can trong vụ đổ máu chàng Giêsu làng Nazareth. Bởi vậy, ai tra tay và đồng lõa việc đổ máu Đấng là Sự Thật thì chẳng thể nào có sự thật nơi mình.

Trong cộng đoàn tu, chắc hẳn chúng ta không thể chấp nhận một hình thức chính trị nào, nhưng còn đâu đó, những người dùng quyền áp chế kẻ dưới mà vẫn nhân danh thi hành ý muốn Thiên Chúa. Như vậy, việc kẻ thấp bé sống giả tạo, đối phó và không dám sống thành thực với chính mình, sẽ qui trách nhiệm cho ai ? Thánh Biển Đức đã trả lời rằng vị bề trên phải trả lẽ trước mặt Chúa về những phán đoán của mình và về tình trạng linh hồn những người thuộc quyền ngài.

Từ đó, chúng ta có thể rút ra một kinh nghiệm sâu sắc từ việc qui phục của cô gái điếm trong Tin Mừng. Chỉ khi nào thực sự xác tín về việc liên kết với Đấng là Sự Thật, chúng ta mới sẵn sàng chấp nhận trả giá cho một cuộc sống thành thực với chính mình. Một khi đã dám đối diện và thành thực với bản thân, thì việc một tu sĩ sống trung thực với tha nhân chỉ là cách thể hiện cụ thể những giá trị tinh thần trong một cảnh huống đặc thù. Thật vậy, một nhân cách lành mạnh có sức lôi cuốn và lan tỏa những thông điệp yêu thương trong cộng đoàn mà họ đang sống.

***Thản nhiên và ngạc nhiên***

Có thể nói, thản nhiên là một phong thái đặc trưng cho một nhân cách tôn giáo trưởng thành. Một tu sĩ có tâm lý ổn định và dễ dàng làm chủ cảm xúc và tình huống, sẽ giúp họ tránh những cách thức tự vệ tiêu cực. Vì cuộc sống luôn biến động, thế nên chúng ta quen dần với mọi cuộc phân hóa, nghĩa là bản thân luôn đối diện với những gì mới mẻ do hoàn cảnh đem lại. Đặc tính của mọi cuộc phân hóa là đa tạp, và luôn giả thiết một cuộc giằng co xung đột cách nào đó giữa kinh nghiệm quá khứ và thực tại đang diễn ra. Có thể do thực tại quá mới mẻ, và chủ thể cũng không lường trước được những tình huống xảy ra, có thể gây chút bối rối và hoang mang, nhưng một nhân cách trưởng thành sẽ mau lấy lại nhịp sống hài hòa, trong khi đó, người khác có thể lao mình vào một cuộc chiến không hồi kết thúc.

Nói như thế không có nghĩa là một tu sĩ thản nhiên cần cô lập và tách mình ra khỏi thực tại để tránh những va chạm và cọ xát đâu ! Cũng không phải hòa mình vào một tập thể đến mức không còn nhận ra vị thế hay vai trò của mình; đó là một trong những hình thức đánh mất chính mình. Cả hai thái cực trên đều khiến “giảm trừ” một nhân cách đúng nghĩa. Bởi vậy, thái độ thản nhiên khi tiếp xúc một thực tại mới mẻ cần phải có sự ngạc nhiên của một triết gia hay sự ngỡ ngàng xoe tròn đôi mắt của một đứa bé. Phải chăng chính đặc tính này mà Chúa Giêsu muốn mời gọi mọi người cần trở nên như trẻ thơ ? Một tu sĩ chính chắn cần có một cách quan sát mà không đánh giá và phê phán vội vàng. Những kinh nghiệm trong quá khứ, chúng chỉ thực sự có tác dụng như những bản trắc nghiệm và chỉ đường, chứ không phải là khuôn mẫu lỗi thời đem áp dụng cho một thực tại mới mẻ.

Giả như có lần bạn đang thi hành một công tác do bề trên giao, thì có một người chị em đến nhờ bạn một việc gì đó khiến bạn bỏ dở dang và không chu toàn tốt nhiệm vụ được giao. Lần khác, bạn cũng lại gặp tình huống tương tự nhưng là một người khác trong một hoàn cảnh mới, lúc này bạn chỉ nghĩ đến việc người khác làm phiền và gián đoạn công tác của mình mà từ chối một cách thẳng thừng và thiếu tế nhị với người đến thăm bạn, và vô tình bạn đã bỏ qua một khoảnh khắc Chúa Giêsu viếng thăm.

Để sở đắc phong cách thản nhiên, không cần một tu sĩ quá thông minh và tâm lý khi nắm bắt nhiều kỹ năng trong cuộc sống, mà trước hết và trên hết, cần một tâm hồn nghệ sĩ luôn biết rung động với mọi khoảnh khắc; cho dù là những tình huống khó chịu và ngoài mong muốn, họ vẫn vượt lên và cười với chính mình, và nếu là một cảnh huống đẹp mắt và ưng ý, tu sĩ ấy luôn thán phục trong tâm tình tạ ơn. Và rồi, một tu sĩ thản nhiên luôn khám phá ra sự hiện diện của Chúa trong mọi sự và mọi người.

***Cởi mở và hội nhập***

Có thể nói, phong cách thản nhiên đã là một bước tiến và lợi thế cho một nhân cách trưởng thành, nhưng nếu chỉ dừng lại ở phong thái này, xem ra vẫn còn thụ động. Thiết nghĩ, chúng ta cần đi xa hơn trong sự cởi mở của nhân cách luôn ý thức sự năng động của cuộc sống. Muốn tiếp nhận một luồng gió mới không có cách nào khác ngoài việc mở toang cánh cửa vật chất này, cũng vậy, để có thể tiếp nhận một thực tại tươi mới, chỉ có cách là cởi mở tâm hồn. Đôi khi thực tại mới mẻ có thể làm cho một tu sĩ choáng ngợp nhưng rồi, mọi sự như mới và niềm hoan lạc trong Thánh Thần sẽ ngự trị. Trong lúc bóc tách những lớp vỏ cũ kĩ chắc hẳn chủ thể phải trải qua một giai đoạn sát thương nhưng nhờ sống trong hy vọng vào một cuộc hội nhập thành công mà chủ thể sống trong tâm thế sẵn sàng.

Có thể khi mở cửa cho gió lùa vào, chúng ta lại không tránh những làn gió độc hại như việc “trúng gió” của một ai đó. Lời khuyên trong lúc này là: yếu đừng ra gió. Ở góc độ tâm lý, *Yếu* có thể hiểu là việc bản thân chưa biết mình đủ. Một khi chưa biết mình đang đứng ở đâu: trên đất bằng hay ở miệng giếng, nghĩa là chưa biết rõ tình trạng bản thân có nhu cầu và ước muốn gì, chúng ta có thể bị tác động mạnh mẽ bởi thế lực bên ngoài. Khi không còn chủ động tình hình, chúng ta sẽ dễ bị “dắt mũi” như những chú bò ngoan ngoãn tưởng rằng những gì người khác mang đến đều là cỏ và ăn vào mà hại thân. Cũng vậy, một tu sĩ không biết những ưu điểm và khuyết điểm của mình mà ngốn ngấu những gì du nhập từ bên ngoài mà cứ tưởng mình đang hội nhập thì thật là điều bất hạnh ! Hậu quả cho thấy họ trở thành một tu sĩ lai căng nham nhở đánh mất căn tính của mình. Vì không biết mình đủ để thực hiện một cuộc phân định và chọn lọc cần thiết mà lầm tưởng rằng bản thân đang sống tinh thần đại đồng nhưng thật ra là một sự đánh đồng trơ trẽn với các bậc giá trị.

Như thế, một cuộc hội nhập đúng nghĩa cần thiết một sự lớn lên và phong phú hóa chính căn tính của mình. Một khi tu sĩ ấy còn chưa nhận biết mình là ai thì đừng nói đến việc đối thoại với người khác và đối mặt với hoàn cảnh mới. Như chúng ta đã nói một cuộc hội nhập luôn giả thiết một tình trạng giằng co và có thể tạo ra một cuộc khủng hoảng nhưng với ơn Chúa, chúng ta có thể vượt qua cách ngoạn mục vì quả thật, chúng ta chỉ có thể lớn lên và trưởng thành trong thử thách và đau khổ. Nói thế không có nghĩa rằng vì khát khao muốn được trưởng thành mỗi ngày mà chúng ta tìm kiếm đau khổ và tự tạo ra thử thách để khẳng định bản thân. Như thế, chúng có thể dẫn đến tình trạng khổ dâm và mặc nhiên một sự kiêu ngạo nào đó. Quả thật, nếu xác tín ơn Chúa là đủ cho ta và thánh giá Ngài không để quá sức của ta thì những gì chúng ta tự tạo ra thêm gánh nặng cho mình, há chẳng phải là một sự kiêu hãnh ngấm ngầm rằng tôi sẽ tự sức vượt qua.

Chúng ta không thể mô tả một cuộc hội nhập như một thực tại có thể quan sát, nhưng một dấu hiệu chắc chắn nơi chủ thể rằng mỗi cuộc hội nhập là một trải nghiệm trong tình yêu Chúa. Ở đó, chúng ta sẽ dần nhạy cảm hơn về tất cả những gì được coi là dấu chỉ của thời đại. Có thể nói, mỗi dấu chỉ là cách thức Chúa đến với linh hồn, một “cái hôn” hâm nóng tình yêu. Chỉ có những ai luôn sống trong ơn nghĩa của Chúa và luôn liên kết với Ngài cách nào đó mới khả dĩ khám phá bản thân để có thể thực hiện những cuộc hội nhập thành công mà nói như thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II: *Thành công lớn nhất đời người là nên thánh.* Mà *nên* *thánh* trong cộng đoàn là trở thành một nhân cách đời tu đích thực.

# PHÁ VỠ VÀNH ĐAI BẢN NGÃ

Có thể nói, đây là một tác động mang tính cách mạng vì bản tính con người tự đi tìm sự an toàn mà phá vỡ giới hạn bản thân để mở ra cho nền văn hóa gặp gỡ luôn mang theo những rủi ro và cọ xát nếu không muốn nói là dễ tổn thương. Tuy nhiên, như chúng ta đã khẳng định con người chỉ lớn lên và trưởng thành qua đau khổ và thử thách.

Sau khi bản thân có thể thực hiện nhiều cuộc hội nhập thành công, nghĩa là đã định hình nhân cách tương đối ổn định, con người lại phá vỡ cái giới hạn, vành đại cũ để nới rộng trong tương quan. Đây là một tiến trình đến sau nhưng không độc lập. Nghĩa là việc đi từ phân hóa đến hội nhập là việc cả đời, cũng như việc phá vỡ vành đai bản ngã là việc tiến triển không ngừng trong đời sống. Chúng cuộn tròn vào nhau như những đợt sóng tạo nên sức mạnh cho biển cả. Thật vậy, một tu sĩ đang trải qua một cuộc khủng hoảng nào đó đang tìm phương hướng để vượt qua, nhờ ơn Chúa, họ đã hội nhập thành công và tiếp tục phá vỡ giới hạn cũ để nới rộng dung lượng trái tim cho một Người hay một thực tại mới mẽ. Đây là một chủ đề khá thú vị và luôn mang chiều kích hiện sinh. Xin hẹn lại bạn đọc trong một tác phẩm viết riêng về đời sống cộng đoàn.

Ở đây, chúng ta cần ghi nhận rằng: vì việc phá vỡ vành đai bản ngã này đòi hỏi một sự can đảm lớn lao và những nhân đức anh hùng mà thánh Biển Đức đã gọi đời sống chung là cuộc sống dành cho những người anh dũng nhất. Và chỉ có những người sở hữu một tình yêu sâu đậm với Chúa Giêsu một cách nhất định mới khả dĩ vượt qua những khuynh hướng bản năng để định hình nhân cách của mình trong cộng đoàn. Quả thật, đời tu là một sự cộng hưởng và năng động qua lại giữa các tương quan với chính mình, tha nhân và Thiên Chúa. Hiểu như thế, mỗi tu sĩ cần tâm niệm rằng ngày nào tôi còn bám chặt vào Chúa, tôi sẽ lớn lên và trưởng thành trong ơn nghĩa Ngài.

# KẾT LUẬN

Từ những gì vừa trình bày, chúng ta có thể tổng hợp một tiến trình mà một nhân cách nói chung phải trải qua, đó là *khủng hoảng – giải hòa và làm mới.* Trong đó, những cuộc khủng hoảng tạo nên do phần bản năng của con người mà Thiên Chúa đặt để ngay khi cho chúng ta thành hình trong lòng mẹ. Nếu như mỗi hữu thể đều mang tính độc đáo và duy nhất thì mức độ và cách thức cuộc biến động này cũng khác nhau và tùy mỗi linh hồn tiếp nhận ơn Chúa mà có những cái kết cũng khác biệt. Mỗi tiến trình là một trải nghiệm về cách hành động của Thiên Chúa mà chỉ có Ngài và linh hồn mới thấu tỏ.

Cuộc giải hòa và làm mới đòi buộc phải có sự tác động và thánh hóa của Chúa Thánh Thần, Tác Giả của mọi đời sống mới trong Đức Kitô. Một nhân cách đời tu trưởng thành không thể phủ nhận vai trò thanh luyện của Thần Khí. Quả thật, những phần bản năng mà chúng ta đã bàn đến như *danh, lợi và thú* cần được mỗi tu sĩ đưa vào chương trình của Ngài; không phải là để triệt tiêu chúng như một thứ ung nhọt trên cơ thể nhưng như thành phần trong hiện hữu thực của mỗi người cần được biến đổi nhờ ơn thánh hóa của Thần Khí.

Đến đây, người viết nhớ lại câu chuyện được kể trong truyền thống tu trì cổ xưa rằng: Có một vị thiền sư quyết tâm nhập thất nhiều năm để đạt đến bậc giác ngộ với chủ chương tuyệt đối giữ mồm lặng thinh. Ngày ngày có tên đệ tử lo phần ăn thức uống rất thanh đạm cho ông để ông chuyên tâm lo tu tác mà không màng đến nhu cầu như ăn uống. Sau thời gian đó, ông ra ngoài với vẻ mặt rạng rỡ và dõng dạc tuyên bố với tên đệ tử rằng: Ta đã đạt đến bậc giác ngộ. Đệ tử liền đáp: Thưa Thầy, xưa nay con chưa thấy ai đã đạt đỉnh cao của việc hành đạo lại tự xưng mình là bậc giác ngộ, vả lại, con nhìn thần thái của ngài và cảm thấy không được an tâm. Vừa nghe xong những lời ấy, vị sư phụ tỏ dấu nóng giận và bực mình như thể cả lò hỏa ngục bốc cháy không gian. Tên đệ tử lại nói: Con bảo mà có sai đâu. Nhận ra những sai lầm nghiêm trọng trên, vị thiền sư đã bỏ chạy lên rừng tiếp tục tu dưỡng.

Qua đó, chúng ta nhận ra rằng cho dù miệng có im tiếng thì những phần bản năng trong con người vẫn lên tiếng; một khi con người không nhìn nhận sự hiện hữu của nó, nó càng tự tung tự tác mà chi phối tầm ảnh hưởng trên toàn diện đời sống con người khiến *kết tủa bạo lực* và *bốc hơi nhân cách.* Có thể nói, phần bản năng này như một con ngựa hoang bất kham, nó cần được chủ thể dùng hết năng lực mà thuần hóa, dần dà chúng trở thành lợi khí giúp bản thân thực hiện những dự phóng trong đời tu hầu thánh hóa bản thân và cứu các linh hồn.

Chúng ta có thể thấy sự biến đổi ngoạn mục của thánh Inhaxiô thành Loyola, Đấng sang lập dòng Tên có ảnh hưởng mạnh mẽ trong Giáo hội mà Đức Phanxicô là một hậu sinh xuất sắc của ngài. Thời thanh niên, thánh nhân ôm ấp một cái tôi vĩ đại đã cầm đầu các đội quân hầu chiến đấu cho hòa bình dân tộc. Nhưng rồi Thiên Chúa đã chuyển hướng từ một người “đua tranh” quyền bính trở thành một vị Tổ Phụ của một dòng lớn ảnh hưởng về mặt linh đạo với tác phẩm Linh Thao mà ngày nay vẫn còn được người đương thời áp dụng để nhận ra ý Chúa trong từng biến cố cuộc đời.

Còn nhiều gương lành của các thánh giúp làm sáng tỏ vấn đề này nhưng không thuộc phạm vị tập sách này. Một điều cần ghi nhận và xác tín rằng: Đối với Thiên Chúa, mọi sự đều có thể. Mặc dù, Ngài có thể biến những hòn đá thành những con cái trung thành của tổ phụ Apraham nhưng Ngài đã cho con người tự do và sáng tạo hầu chinh phục con đường *nên người* và *nên thánh*, và ở đó nhờ sự hiện diện và hướng dẫn của Ngài, mỗi tu sĩ đạt đến tầm vóc viên mãn trong Đức Kitô. Với việc trung thành đi theo sự hướng dẫn của những Lời Khuyên Phúc Âm, công với việc sử dụng những khí giới siêu nhiên là tin, cậy và mến, mỗi tu sĩ sẽ đạt đến một nhân cách đời tu đúng nghĩa theo mẫu mực là Đức Kitô. Điều này không có nghĩa là mọi tu sĩ phải nỗ lực bắt chước dáng vẻ bên ngoài của Người, mà cần phải đi vào trung tâm mầu nhiệm của Người, đó chính là mầu nhiệm *tự hủy.* Thực tại này được mỗi tu sĩ họa lại cách nào đó khi sống trong một cộng đoàn.[[28]](#footnote-28)

1. X. A. Cencini, *Tâm tình Chúa Con,* chuyển ngữ Nguyễn Ngọc Kính và Nguyễn Văn Khoan, Nxb Tôn Giáo, tr.57-71. [↑](#footnote-ref-1)
2. Cùng tác giả, *Nhân cách đời tu 1,* Nxb Tôn Giáo. [↑](#footnote-ref-2)
3. Ở đây, tính chủ động cũng tùy thuộc vào thói lệ của mỗi hội dòng. Có nơi, họ được vị phụ trách giới thiệu một số tên thánh nào đó, hoặc chính vị Bề Trên đặt cho, và các ứng sinh được giải thích về “ý nghĩa” của việc thay đổi này. Điều quan trọng muốn bàn đến ở đây là việc các ứng sinh được Chúa mặc cho một ơn gọi và sứ vụ mới theo linh đạo của Dòng mình. Và nếu hiểu tính chủ động nơi vị bề trên thì chúng ta cũng có thể hiểu rằng quyền định đoạt mọi sự thuộc về [↑](#footnote-ref-3)
4. Có thể nói, đây là cách chủ thể lùi một bước để tiến hai bước, là trì hoãn nhằm tạo thuận lợi cho việc thích nghi thực tế. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tác phẩm *Một Tâm Hồn* do chính thánh nữ trước tác. [↑](#footnote-ref-5)
6. A. Cencini và Manenti, *Tâm lý và huấn luyện,* chuyển ngữ Lm Nguyễn Ngọc Kính, Nxb Phương Đông, tr.100. [↑](#footnote-ref-6)
7. A. Cencini và Manenti, *Sđd,* tr.101. [↑](#footnote-ref-7)
8. X. Wikie Au và Norren Cannon, *Những thôi thúc trong tim,* chuyển ngữ: Lm Nguyễn Ngọc Kính, Nxb Phương Đông, tr.177. [↑](#footnote-ref-8)
9. X. Wikie Au và Norren Cannon, *Sđd*, tr.185. [↑](#footnote-ref-9)
10. X. Wikie Au và Norren Cannon, *Sđd*, tr.218. [↑](#footnote-ref-10)
11. Enzo Bianchi, *Tự do và bằng tình yêu,* chuyển ngữ: Nữ đan viện Xitô Thánh Mẫu Vĩnh Phước, tr.141. [↑](#footnote-ref-11)
12. X. Wikie Au và Norren Cannon, *Sđd*, tr.219. [↑](#footnote-ref-12)
13. Enzo Bianchi, *Sđd,* tr.142. [↑](#footnote-ref-13)
14. Enzo Bianchi, *Sđd,* tr.132-133. [↑](#footnote-ref-14)
15. Jean Chrysostome, *Homélie sur la vanité des richesses 6,* 402*.* Trích lại Enzo Bianchi, *Sđd,* tr.141. [↑](#footnote-ref-15)
16. Enzo Bianchi, *Sđd,* tr.149. [↑](#footnote-ref-16)
17. C.Jung, *Collected works,* tr.389. Trích lại Wikie Au và Norren Cannon, *Những thôi thúc trong tim,* chuyển ngữ Nguyễn Ngọc Kính, tr.57. [↑](#footnote-ref-17)
18. Wikie Au và Norren Cannon, *Sđd,* tr.74. [↑](#footnote-ref-18)
19. X. Wikie Au và Norren Cannon, *Sđd,* tr. 57. [↑](#footnote-ref-19)
20. John Monbourquette, *Làm thế nào để kết bạn với cái bóng của bạn,* Vũ thị Thu Thủy chuyển ngữ, Nxb Hồng Đức, tr. 173. [↑](#footnote-ref-20)
21. John Monbourquette, *Sđd,* tr. 171. [↑](#footnote-ref-21)
22. Adrian Van Kaam, *Nhân cách Tôn Giáo,* dịch giả Ngô Văn Vững, tr.11. [↑](#footnote-ref-22)
23. X. Adrian Van Kaam, *Sđd,* tr.24. [↑](#footnote-ref-23)
24. Nói như thế, vấn đề này không hoàn toàn tiêu cực. Chúng ta có thể chấp nhận một thực tế này. Khi ai đó tặng cho ta một món quà, đồng nghĩa với việc tôi sở hữu chúng, nhưng món quà ấy không đem lại cho tôi sự phong phú trong đời sống tinh thần, có chăng là một cảm xúc nhất thời nào đó. Điều đáng ghi nhận ở đây là tâm tình của người ban tặng sẽ tạo trong ký ức của ta những kỷ niệm đẹp, chúng có thể làm thỏa mãn nhu cầu của bản thân là được người khác quan tâm, tôn trọng và yêu thương. [↑](#footnote-ref-24)
25. HY Nguyễn Văn Thuận, *Những chứng nhân trên đường hy vọng,* tr.35. [↑](#footnote-ref-25)
26. Nếu chủ thể hoàn toàn bị điều kiện hóa bởi vô thức, chúng ta có thể hiểu đó là một phản ứng tự vệ. Còn nếu xét chúng như một hành vi, đây thuộc lãnh vực ý thức. [↑](#footnote-ref-26)
27. X. Adrian Van Kaam, *Nhân cách tôn giáo,* dịch giả Ngô Văn Vững, tr.101. [↑](#footnote-ref-27)
28. X. A. Cencini, *Sđd*, tr. 46. [↑](#footnote-ref-28)